

**MASAN**  
RESOURCES



# KHAI MỞ **KHO BÁU QUỐC GIA**

Báo cáo thường niên 2015





## MỤC LỤC

<b>THÔNG ĐIỆP TỪ BAN ĐIỀU HÀNH DẤU ẤN NĂM 2015</b>		7 13
<b>THÔNG TIN CHUNG</b>	Tổng quan về hoạt động sản xuất kinh doanh Hồ sơ Công ty Lịch sử phát triển Danh mục sản phẩm Quy trình sản xuất Địa bàn kinh doanh, hệ thống phân phối Thông tin cổ phần và cổ đông	21 22 23 24 28 30 31
<b>CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN</b>	Mục tiêu phát triển Công ty Mục tiêu phát triển cộng đồng và xã hội Chiến lược thực thi của Masan Resources Đánh giá chiến lược thực thi của Masan Resources	37 37 38 39
<b>CƠ CẤU TỔ CHỨC VÀ QUẢN LÝ</b>	Cơ cấu tổ chức Cơ cấu quản lý hợp nhất của Masan Resources <i>Hội đồng Quản trị</i> <i>Đội ngũ Quản lý</i> <i>Ban Kiểm soát</i>	43 52 52 53 57
<b>BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>	Báo cáo Định hướng Kinh doanh Báo cáo Đánh giá của Ban Giám đốc Báo cáo Đánh giá của Hội đồng Quản trị Báo cáo Đánh giá của Ban Kiểm soát Báo cáo Quản trị Công ty Báo cáo Quản lý Nhân sự Báo cáo Quản lý Rủi ro	61 69 73 77 83 91 97
<b>BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG</b>	Phương pháp tiếp cận Đầu tư vào con người Quản lý tác động môi trường Kiến tạo giá trị chung cho cộng đồng	104 108 112 114
<b>BÁO CÁO TÀI CHÍNH</b>	Thông tin về Công ty Báo cáo của Hội đồng Quản trị Báo cáo Kiểm toán độc lập Bảng cân đối kế toán Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh Báo cáo lưu chuyển tiền tệ Thuyết minh báo cáo tài chính	123 125 126 127 131 133 136
<b>CÁC TỪ VIẾT TẮT/ ĐỊNH NGHĨA</b>		191



DOMINIC JOHN HEATON  
Tổng Giám đốc

## THÔNGIỆP TỪ BAN ĐIỀU HÀNH

Kính thưa các Quý Cổ đông,

Cách đây 5 năm, chúng tôi bắt tay vào thực thi tầm nhìn chiến lược của Công ty là khai mở giá trị Núi Pháo - một Kho báu quốc gia. Trong những năm tháng đó, đội ngũ lãnh đạo của Công ty đã duy trì quyết tâm bền bỉ để thực thi tầm nhìn - điều đã khiến Núi Pháo chuyển mình từ một dự án phát triển mở giai đoạn sơ khai thành một nhà sản xuất vonfram tầm cỡ thế giới.

Đến nay, Công ty Cổ phần Tài nguyên Ma San và các công ty con ("Công ty", "MSR" hoặc "Masan Resources") chiếm gần 34% nguồn cung vonfram toàn cầu (ngoài Trung Quốc), điều này đã khẳng định vị thế của Công ty là thương hiệu hàng đầu trên thị trường vonfram và các sản phẩm giá trị gia tăng từ vonfram.

Tôi rất vui mừng được thông báo tới các quý Cổ đông rằng năm 2015 là một năm phát triển đầy ấn tượng, trong đó việc Công ty niêm yết thành công trên sàn chứng khoán UPCOM Hà Nội là một minh chứng cho những bước tiến trong hoạt động sản xuất kinh doanh và gia tăng lợi nhuận.

Về phương diện sản xuất, mặc dù việc chế biến thân quặng đa kim rất phức tạp nhưng chúng tôi vẫn kiên định tập trung vào sản xuất các sản phẩm có chất lượng ngày càng cao nhằm tạo dựng lợi thế cạnh tranh lâu dài cho Công ty. Chúng tôi tiếp tục đầu tư vào nhà máy chế biến để tăng hiệu quả sản xuất, đồng thời áp dụng các chính sách quản lý chi phí chặt chẽ để đảm bảo các hoạt động sản xuất vẫn tạo ra lợi nhuận trong bối cảnh thị trường thế giới đầy biến động và luôn thay đổi.

Chúng tôi coi trọng người lao động và cộng đồng bởi những thành quả họ đã góp phần tạo dựng. Chúng tôi tự hào khẳng định tiếp tục thực hiện thành công các cam kết trách nhiệm xã

Lợi nhuận thuần có khả năng phân bổ đã tăng hơn 3 lần, lên mức **152** tỷ đồng.

hội, và các tiêu chuẩn an toàn lao động của chúng tôi đáp ứng tốt nhất các thông số an toàn trên thế giới với kỷ lục 13 triệu giờ an toàn không có tai nạn nghiêm trọng (gây mất giờ công).

Trước những biến động của thị trường có ảnh hưởng tiêu cực đến giá các sản phẩm của Công ty, bằng nỗ lực của tất cả chúng ta, lợi nhuận thuần có khả năng phân bổ đã tăng hơn 3 lần, lên mức 152 tỷ đồng.

Vị thế tài chính của Công ty tiếp tục củng cố với việc hoàn thành đợt phát hành trái phiếu kỳ hạn 5 năm, tăng 8.100 tỷ đồng. Nguồn tài chính từ trái phiếu đã được sử dụng để tái cấp vốn cho các khoản nợ hiện hữu, giảm chi phí sử dụng vốn bình quân của Công ty và gia hạn các khoản nợ đến hạn.

Trên 90% sản lượng đã được ký kết hợp đồng bao tiêu bởi các khách hàng chính thống, trực tiếp tiêu thụ sản phẩm và có uy tín.

Chính những thành công này đã khẳng định năng lực của chúng tôi trong việc tạo ra các giá trị cổ đông lâu bền từ việc vận hành một khối tài sản phức hợp và đồ sộ.

Trong thời gian tới, chúng tôi hiểu rằng các yếu tố thị trường sẽ tiếp tục gia tăng sức ép về tài chính mà hiện nay các nhà sản xuất với chi phí cao hoặc các nhà sản xuất mới tham gia thị trường đang phải đối mặt. Là một trong những nhà sản xuất vonfram có chi phí sản xuất thấp nhất, chúng tôi có đủ khả năng vượt qua được những biến động thị trường trong ngắn hạn, đồng thời củng cố vị thế để phát huy các lợi thế căn bản trong dài hạn đối với các dòng sản phẩm của Công ty.

Chúng tôi đang chuẩn bị cho một năm biến động phía trước bằng việc thực thi hàng loạt các biện pháp kiểm soát cho phép

chúng tôi quản lý tốt hơn các rủi ro của Công ty. Rủi ro tín dụng của Công ty đã được giảm thiểu vì có đến trên 90% sản lượng đã được ký kết hợp đồng bao tiêu bởi các khách hàng chính thống, trực tiếp tiêu thụ sản phẩm và có uy tín. Chúng tôi tin rằng Công ty hoàn toàn có khả năng tiêu thụ hết các sản phẩm còn lại nhờ vào mạng lưới các đối tác vốn đang tìm kiếm nguồn cung ổn định và đáng tin cậy.

Để duy trì và tăng lợi nhuận kinh doanh, Công ty tiếp tục đầu tư hơn nữa vào các hoạt động nghiên cứu và sáng kiến cải tiến với mục tiêu tìm kiếm các giải pháp hiệu quả mới nhằm giảm chi phí sản xuất, tăng tỷ lệ thu hồi và nâng cao chất lượng sản phẩm.

Trong bối cảnh thị trường như hiện nay, khả năng khác biệt của chúng tôi sẵn sàng đầu tư cho tương lai đã khẳng định niềm tin của tôi vào sức bền và tiềm lực của Công ty.

Sức mạnh thành công của chúng tôi sẽ không thành hiện thực nếu thiếu những nỗ lực của người lao động và sự đồng thuận của cộng đồng nơi chúng tôi đang hoạt động; đồng thời tôi rất hãnh diện chia sẻ rằng rất nhiều người trong số họ nay đã trở thành cổ đông của Masan Resources.

Thay mặt Ban Giám đốc, tôi xin gửi lời tri ân tới các Quý Cổ đông vì đã luôn ủng hộ và đầu tư vào Masan Resources.

Tôi mong đợi được đồng hành cùng các Quý vị tiếp tục thực thi tầm nhìn của Masan Resources trong năm 2016.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 6 tháng 4 năm 2016



**DOMINIC JOHN HEATON**  
Tổng Giám đốc



## TẦM NHÌN

Kiến tạo Masan Resources thành một công ty tài nguyên hàng đầu có khả năng dẫn dắt sự thay đổi thị trường vonfram toàn cầu.

## SỨ MỆNH

Trên cơ sở thực hành các tiêu chuẩn tốt nhất trên thế giới, Masan Resources không ngừng tăng trưởng và mở rộng hoạt động kinh doanh với mục đích gia tăng giá trị góp vốn cho cổ đông. Chúng tôi đã quy tụ một đội ngũ các chuyên gia đẳng cấp thế giới với bề dày kinh nghiệm làm việc trong môi trường quốc tế và khu vực, những người đam mê chứng tỏ với thế giới rằng một công ty Việt Nam có thể dẫn dắt sự thay đổi của thị trường vonfram toàn cầu.

## DẤU ẤN NĂM 2015

Kỷ lục về  
mức Lợi nhuận và  
Lợi nhuận biên ổn định

### TÀI CHÍNH

- **Doanh thu tiền mặt thuần tăng 11,9%** - Masan Resources công bố đạt doanh thu tiền mặt thuần 3.163 tỷ đồng, tăng 11,9% so với năm 2014. Sau khi hạch toán giai đoạn vận hành thử của Công ty Liên doanh, theo đó doanh thu phải được vốn hóa, Công ty báo cáo doanh thu thuần hợp nhất đạt 2.658 tỷ đồng.
- **Đơn giá tiền mặt được cắt giảm** - Trong năm 2015, đội ngũ quản lý đã triển khai các chính sách quản lý chi phí nhằm cắt giảm chi phí để củng cố vị thế của Masan Resources như là một trong các nhà sản xuất Vonfram có chi phí thấp nhất.
- **EBITDA (Lợi nhuận trước thuế, trả lãi và khấu hao) tăng 13,5%** - Kỷ lục về sản lượng và các biện pháp kiểm soát chi phí chặt chẽ trong năm đã dẫn đến tăng EBITDA lên 13,5%, trong khi duy trì được biên lợi nhuận EBITDA ở mức 39%.

VNĐ	2015	2014	Tăng
<b>Kết quả báo cáo tài chính hợp nhất của Masan Resources</b>			
Doanh thu thuần			
Doanh thu ròng tiền mặt	3.163	2.826	11,9%
Báo cáo	2.658	2.826	(5,9)%
EBITDA	1.237	1.090	13,5%
Lợi nhuận thuần phân bổ sau thuế (VAS)	152	47	223,4%

Hoạt động sản xuất ổn định với kỷ lục thế giới về an toàn lao động

## SẢN XUẤT

- Quy về cơ sở tương đương với vonfram, tổng sản lượng đã tăng 63% so với năm trước với sản lượng vonfram và đồng đã tăng lần lượt là 24% và 31%.
- Công ty Liên doanh của Masan Resources, nhà sản xuất các sản phẩm giá trị gia tăng của vonfram, đã đi vào vận hành chính thức trong năm 2015. Sự kiện này cho phép Masan Resources ghi nhận doanh thu tiền mặt thành doanh thu thuần báo cáo hợp nhất.
- Nhờ thực hiện nghiêm ngặt các quy định về an toàn lao động, tính đến hết tháng 12 năm 2015 Công ty đã đạt thành tích 13 triệu giờ làm việc không có tai nạn gây mất giờ công. Tỷ lệ tổng tai nạn được ghi nhận và Tỷ lệ tai nạn gây mất giờ công tính theo triệu giờ công trong năm 2015 lần lượt đạt 0,54 (năm 2014 là 1,73) và 0,0 (năm 2014 là 0,13). Thành tích này đã đưa Masan Resources trở thành Công ty có thông số an toàn tốt nhất thế giới.

Nổi lên vị trí dẫn đầu trong ngành khai khoáng toàn cầu

## VỊ THẾ QUỐC TẾ

- Năm 2015 ghi dấu sự thành công của Masan Resources trong việc đăng cai tổ chức Hội nghị Thường niên của Hiệp hội Công nghiệp Vonfram quốc tế ("ITIA") tại Hà Nội và sự kiện Tổng Giám đốc của Công ty được bổ nhiệm vào Ban Chấp hành ITIA.
- Hợp tác với khách hàng và các đơn vị nghiên cứu phát triển thành công các sản phẩm có chất lượng ngày càng cao, đồng thời tham gia tích cực vào các diễn đàn công nghiệp về thực hành sản xuất tốt nhất.
- Năm 2015, việc Masan Resources niêm yết trên sàn giao dịch UPCOM tại Hà Nội giúp Masan Resources thành một trong những công ty niêm yết lớn nhất trên sàn chứng khoán Hà Nội, nâng cao đáng kể hình ảnh của Công ty với các khách hàng và đối tác toàn cầu.
- Nhờ các sáng kiến quảng bá thương hiệu, Masan Resources ngày càng khẳng định vị thế được công nhận là một trong những nhà cung cấp vonfram lớn nhất trên thế giới và khẳng định cam kết lâu dài của Công ty trong việc cung cấp những sản phẩm chất lượng cao và ổn định cho các khách hàng.

Tóm tắt số liệu sản xuất	ĐVT	2015	2014	Tăng trưởng	10M2014 <sup>(1)</sup>
Quặng khai thác	nghìn tấn	<b>3.543</b>	2.940	20%	2.531
Quặng chế biến	nghìn tấn	<b>3.229</b>	3.082	5%	2.615
Tinh quặng vonfram (hàm lượng)	tấn	<b>5.123</b>	4.134	24%	3.510
Vonfram qui đổi (hàm lượng) <sup>(2)</sup>	tấn	<b>10.250</b>	6.287	63%	5.483



Hội nghị các Hiệp hội Công nghiệp Vonfram Quốc tế (ITIA) tại Hà Nội 22-24/9



Hội nghị lần đầu niêm yết cổ phiếu Masan Resources trên sàn giao dịch UPCOM của Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội ngày 21/7 tại Hà Nội và ngày 22/7 tại TPHCM

(1) Hoạt động sản xuất thương mại của Công ty Núi Pháo bắt đầu từ ngày 1 tháng 3 năm 2014  
 (2) Thành phẩm của Núi Pháo được quy đổi thành đơn vị tương đương vonfram thực hành sản xuất tốt nhất



# GHI NHẬN VÀ GIẢI THƯỞNG NĂM 2015

Không chỉ được ghi nhận là hình mẫu tiêu biểu trong ngành công nghiệp khai thác mỏ ở Việt Nam, Masan Resources còn được trao tặng nhiều giải thưởng và được vinh danh bởi những thành tích đã đạt được về những đóng góp có ý nghĩa cho cộng đồng, môi trường làm việc năng động và nỗ lực bền bỉ trong vận động chính sách. Dưới đây là một số giải thưởng mà Công ty nhận được trong năm 2015.

Giải thưởng và ghi nhận	Đơn vị trao giải
Bằng khen “Doanh nghiệp lọt Top 100 - Giải thưởng Sao Vàng Đất Việt năm 2015” (cùng Chứng nhận Doanh nghiệp đáp ứng các tiêu chí về năng lực cạnh tranh quốc tế)	Hiệp hội Doanh nghiệp trẻ Việt Nam
Chứng nhận “Doanh nghiệp Đổi mới Công nghệ hướng tới Phát triển Kinh tế Xanh 2015”	Bộ Tài nguyên và Môi trường
Chứng nhận (kỷ niệm chương) “Doanh nghiệp thực hiện tốt trách nhiệm an sinh xã hội & phát triển cộng đồng” (năm 2013 và 2015)	Bộ Kế hoạch và Đầu tư
Bằng khen “Doanh nghiệp có thành tích thực hiện chính sách pháp luật thuế” (3 năm liên tiếp 2012, 2013, 2014).	Tổng cục Thuế
Bảng vàng “Doanh nhân tiêu biểu trên mặt trận kinh tế xã hội” - Ông Vũ Hồng - Phó Tổng Giám đốc	Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI)

Bằng khen “Doanh nghiệp xuất sắc tỉnh Thái Nguyên” (4 năm liên tiếp từ 2012 – 2015)	UBND tỉnh Thái Nguyên; Liên đoàn Lao động tỉnh Thái Nguyên
Bằng khen “Doanh nghiệp có thành tích xuất sắc trong công tác thi đua khen thưởng” (năm 2014 và 2015)	UBND tỉnh Thái Nguyên
Bằng khen “Doanh nghiệp đóng góp tài trợ cho Festival Trà Thái Nguyên - Việt Nam” (năm 2013 và 2015)	UBND tỉnh Thái Nguyên
Bằng khen “Doanh nghiệp có thành tích xuất sắc trong thực hiện phong trào thi đua Thái Nguyên chung sức xây dựng Nông thôn mới giai đoạn 2011-2015”	UBND tỉnh Thái Nguyên
Bằng khen “Doanh nghiệp có thành tích xuất sắc trong việc thực hiện Đề án 2037: Phát triển kinh tế-xã hội, ổn định sản xuất và đời sống các xóm, bản đặc biệt khó khăn có nhiều đồng bào dân tộc Mông sinh sống tỉnh Thái Nguyên đến năm 2020”	UBND tỉnh Thái Nguyên



Đại diện Công ty nhận giải thưởng Top 100 Thương hiệu Việt - Giải thưởng Sao Vàng Đất Việt.



Đại diện Công ty nhận bằng khen Doanh nghiệp thực hiện tốt Trách nhiệm an sinh và phát triển cộng đồng



Đại diện Công ty nhận giải thưởng doanh nghiệp đổi mới công nghệ hướng phát triển kinh tế xanh



Đại diện Công ty nhận giải thưởng Doanh nghiệp xuất sắc tỉnh Thái Nguyên lần thứ III (2014)



# THÔNG TIN CHUNG

- Tổng quan về hoạt động sản xuất kinh doanh
- Hồ sơ Công ty
- Lịch sử phát triển
- Danh mục sản phẩm
- Quy trình sản xuất
- Địa bàn kinh doanh, hệ thống phân phối
- Thông tin cổ phần và cổ đông

## TỔNG QUAN VỀ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Masan Resources là nhà sản xuất sản phẩm vonfram dòng trung và cao cấp lớn nhất thế giới ngoài Trung Quốc. Tài sản chính của Công ty, Mô đa kim Núi Pháo nằm trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên, miền Bắc Việt Nam, là mỏ vonfram đầu tiên được triển khai đưa vào sản xuất thành công trong 15 năm qua. Mỏ Núi Pháo đã được các nhà phân tích hàng đầu trong ngành công nghiệp khai khoáng bao gồm Roskill và Argus Media Ltd đánh giá là một trong những mỏ vonfram lớn nhất thế giới với trữ lượng quặng tiềm năng đã được chứng minh là 66 triệu tấn (Theo Giấy phép Chính phủ là 83.220.000 tấn quặng vonfram - đa kim cấp B và cấp C1 bao gồm: (i) khai thác mỏ lộ thiên: 55.192.000 tấn và (ii) khai thác hầm lò 28.028.000 tấn). Với đội ngũ quản lý có kinh nghiệm, năng lực kết nối địa phương, khả năng thực thi mạnh mẽ, đối tác quốc tế và khả năng huy động vốn, Masan Resources đã phát triển được nền tảng phù hợp để vươn lên thành công ty khai thác khoáng sản hàng đầu trên thế giới.



## HỒ SƠ CÔNG TY

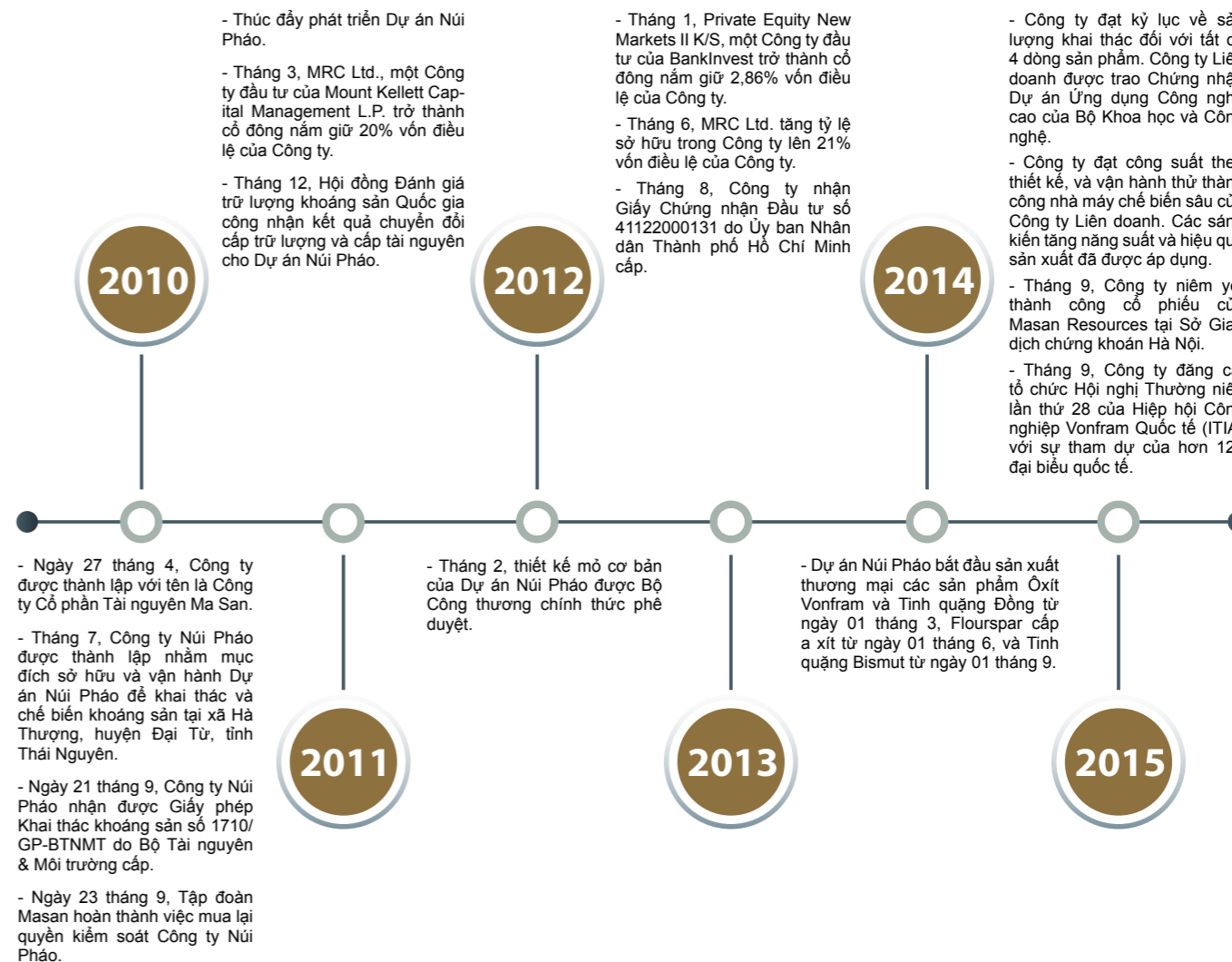
### CÔNG TY CỔ PHẦN TÀI NGUYÊN MA SAN

Tên Công ty	Công ty Cổ Phần Tài Nguyên Ma San
Tên tiếng Anh	Ma San Resources Corporation
Tên viết tắt	Masan Resources
Trụ sở	Phòng 802, Tầng 8, Tòa nhà Central Plaza, 17 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành Phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Điện thoại	+84 8 6256 3862
Fax	+84 8 3827 4115
Website	masangroup.com/masanresources
Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp	Số 0309966889 do Sở Kế hoạch Và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 27 tháng 4 năm 2010, như được sửa đổi bổ sung lần thứ 12 ngày 4 tháng 2 năm 2015
Vốn điều lệ	7.194.473.280.000 VNĐ

## LỊCH SỬ PHÁT TRIỂN

### CÔNG TY CỔ PHẦN TÀI NGUYÊN MA SAN

Công ty được thành lập ngày 27 tháng 4 năm 2010 với mục tiêu thực hiện hoạt động khai thác khoáng sản và tài nguyên của Tập đoàn Masan. Dưới đây là các mốc hoạt động kinh doanh ấn tượng của Công ty.



## DANH MỤC SẢN PHẨM

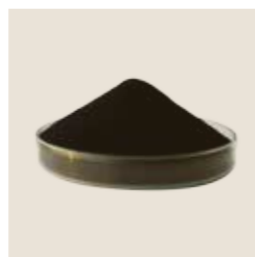
Vonfram, florit, đồng và bismut tại mỏ Núi Pháo là các kim loại chiến lược có ý nghĩa quan trọng đối với nhiều ngành công nghiệp trên thế giới hiện nay.

### Vonfram ( $WO_3$ )



Vonfram là một kim loại rất cứng có điểm nóng chảy cao nhất trong tất cả các kim loại và nặng gần như bằng vàng. Vonfram cứng hơn gấp ba lần crom, cobalt và titanium và cứng hơn gấp năm lần nickel, sắt và platinum. Hợp kim vonfram có thể hàn tốt với các kim loại khác, và có nhiệt độ nóng chảy cao nhất trong tất cả các kim loại và có khả năng chống mài mòn cao.

Vonfram được sử dụng chủ yếu trong sản xuất các hợp kim các-bua cứng hoặc các kim loại cứng, được dùng làm vật liệu chống mài mòn sử dụng trong các ngành công nghiệp gia công kim loại, khai thác mỏ, dầu khí và xây dựng. Vonfram là kim loại hầu như không thể thay thế trong một loạt các ứng dụng công nghiệp như sản xuất máy công cụ hiệu suất cao và các hợp kim thép, được sử dụng trong các ngành công nghiệp như ô tô, năng lượng, xây dựng, hàng không vũ trụ... Ngành thép là ngành tiêu thụ chính vonfram để sản xuất hợp kim thép không gỉ và thép hợp kim đầy đủ và siêu hợp kim. Vonfram cũng được sử dụng trong các ứng dụng đa dạng về quân sự, hàng không và sản xuất điện.



### Florit ( $CaF_2$ )



Florit được sử dụng chủ yếu trong sản xuất Axit Flohydric (HF), là chất hóa học được sử dụng trong ngành công nghiệp sản xuất nhôm và thép. Florit được sản xuất thành 2 loại:

- Acidspar: chứa ít nhất 97%  $CaF_2$ . Chất này được dùng để sản xuất axit flohydric (HF), được sử dụng trong sản xuất nhôm và chất bán dẫn. HF cũng là một nguyên liệu để làm chất ga chuyên dụng cho máy điều hòa và tủ lạnh.
- Metspa: chứa ít nhất 60%  $CaF_2$  và được sử dụng chủ yếu trong sản xuất thép để nâng cao chất lượng thép.

Tổng sản lượng florit của thế giới năm 2015 được ước tính là 6,25 triệu tấn, trong đó Trung Quốc sản xuất hơn 60%.

### Bismut (Bi)



Bismut là nguyên tố không phóng xạ tự nhiên nặng nhất. Đây là một kim loại cơ bản với trữ lượng trên thế giới tương tự với trữ lượng của bạc và hầu như không bao giờ xuất hiện ở dạng tinh khiết. Bismut có trong nhiều ứng dụng công nghiệp và các sản phẩm tiêu dùng. Gần đây, bismut đang được sử dụng để dần thay thế chì trong nhiều ứng dụng.

Trung Quốc là nước sản xuất bismut lớn nhất do hơn 50% sản lượng là sản phẩm phụ của quá trình sản xuất vonfram. Trong tương lai, nhu cầu bismut được dự đoán sẽ tăng. Theo Báo cáo thị trường về vonfram, florit, bismut và đồng của Công ty Somerley Limited, nhu cầu bismut của thế giới được ước tính tăng 4-5% mỗi năm.

### Đồng (Cu)



Đồng là kim loại quan trọng trong các ngành công nghiệp đang phát triển trên thế giới. Dây cáp và dây điện chiếm khoảng 75% nhu cầu đồng trên thế giới. Đồng cũng rất quan trọng trong các ứng dụng không dùng điện như hàn, tấm lợp, và khi kết hợp với kẽm, dùng để sản xuất đồng thau cho các ứng dụng công nghiệp và tiêu dùng.

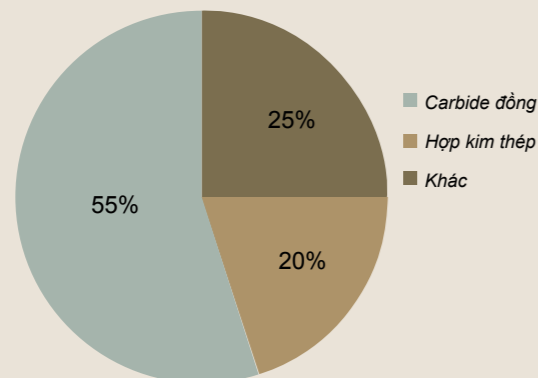
Trên toàn thế giới, các hoạt động xây dựng chiếm khoảng 40% nhu cầu tiêu thụ đồng. Nhu cầu đối với đồng được ước tính sẽ tiếp tục tăng, do tăng trưởng kinh tế toàn cầu, đặc biệt là ở các nước đang phát triển.



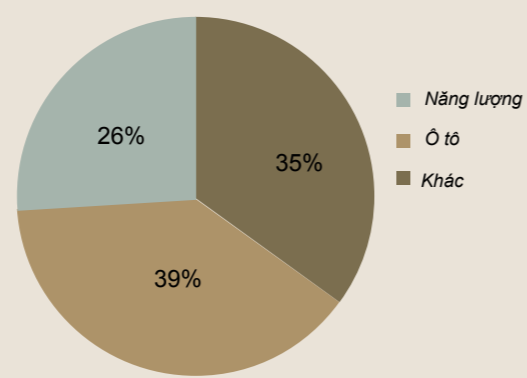
## Vonfram là một kim loại chiến lược không thể thay thế

### Tổng quan

Các sản phẩm vonfram



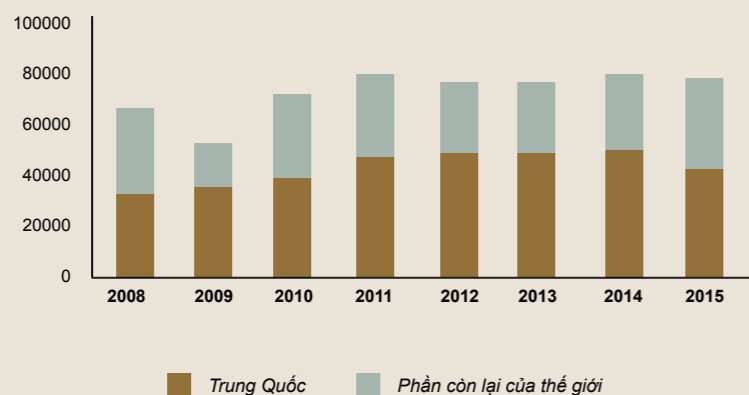
Các ngành công nghiệp sử dụng vonfram



### Nhu cầu

- Trung Quốc tiêu thụ khoảng 55 % lượng vonfram chính trên toàn thế giới, tăng trưởng với tỷ lệ tăng trưởng kép hàng năm (CAGR) ở mức hơn 10% trong 10 năm qua. Sự phát triển của ngành công nghiệp vonfram được thúc đẩy chủ yếu bởi quá trình đô thị hóa và công nghiệp hóa.

Tiêu thụ vonfram toàn cầu (tấn)

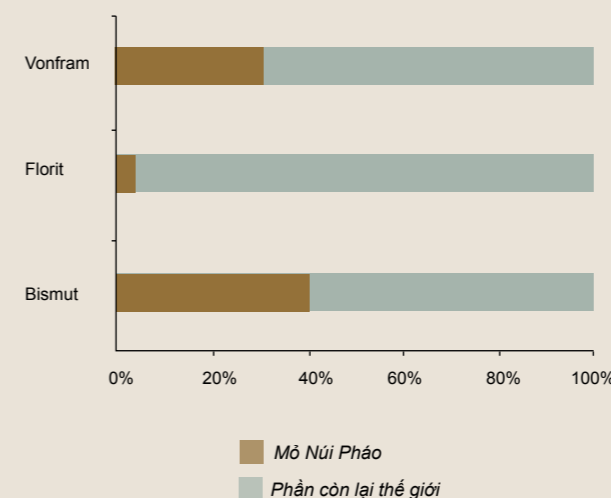


- Nhu cầu vonfram trên thế giới dự kiến tăng nhanh trong năm năm tới do gia tăng nhu cầu từ các nền kinh tế mới nổi.

Nguồn: Hiệp Hội Công nghiệp Vonfram Quốc tế (ITIA); Nghiên cứu nội bộ.

- Masan Resources hiện nay là một trong các nhà sản xuất vonfram lớn nhất bên ngoài Trung Quốc, và là nhà sản xuất florit và bismut hàng đầu.

Sản lượng dự kiến (nghìn tấn)



% Công ty Núi Pháo so với thế giới

Vonfram	4.600	30%
Florit	800.000 (*)	25%
Bismut	2.000	40%

Trữ lượng của mỏ Núi Pháo chiếm một lượng nhỏ đồng. Các số liệu dựa trên công suất tối đa của Núi Pháo.

(\*) Thị trường florit tự do

Nguồn: Công ty; CRU; Báo cáo Somerley; Cục Khảo sát Địa chất Hoa Kỳ

## QUY TRÌNH SẢN XUẤT

Sau đây là mô tả tóm tắt về thiết kế nhà máy chế biến hiện nay của Masan Resources.

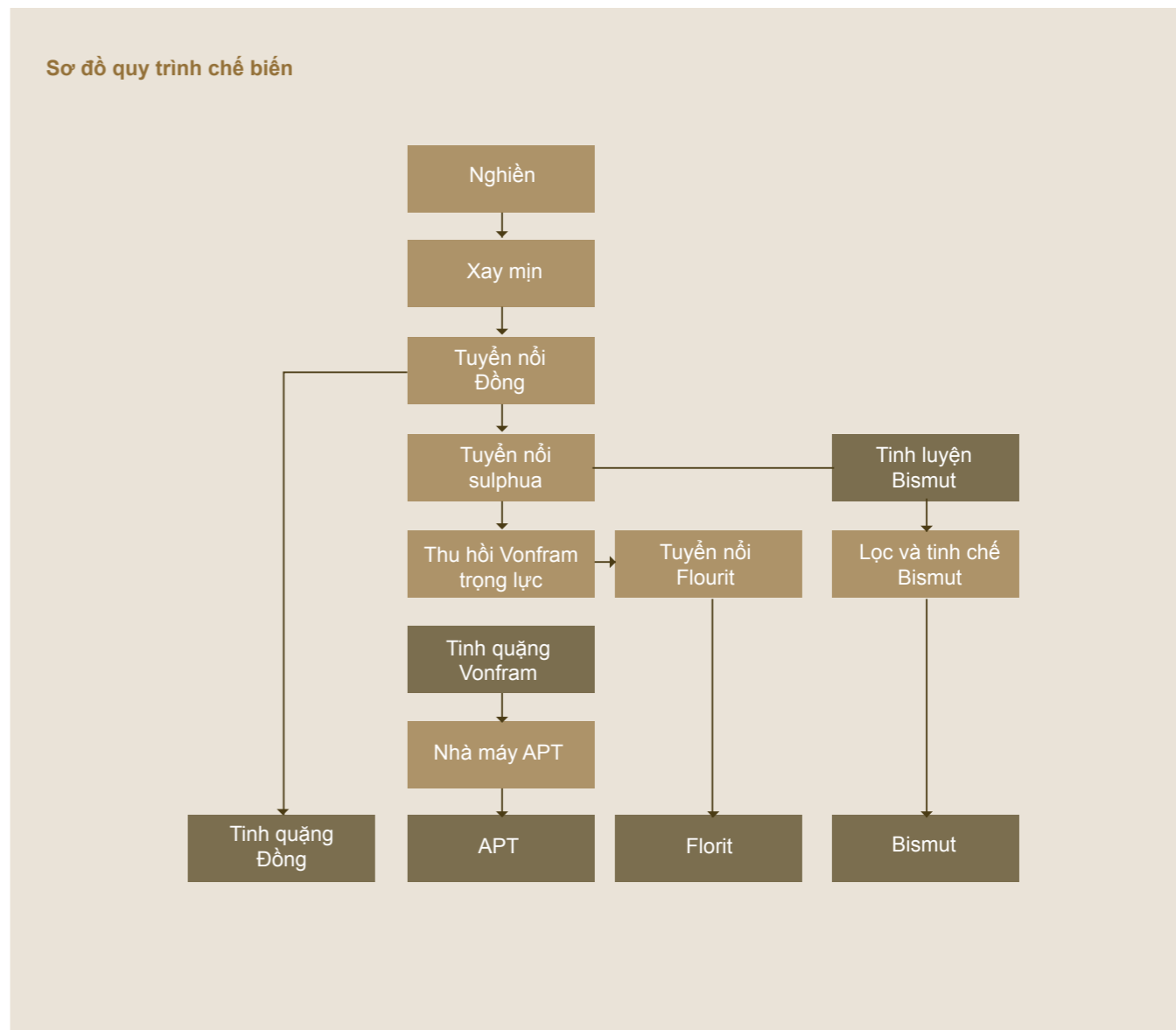
Nhà máy được thiết kế để chế biến 3,5 triệu tấn quặng/năm và sản xuất tinh quặng Đồng, tinh quặng Vonfram trọng lực, tinh quặng Flourspar cấp a xít, và Bismut tinh luyện. Nhà máy bao gồm các công đoạn vận hành sau:

- Nhà máy nghiền thô hai giai đoạn: Nhà máy nghiền thô biến quặng mỏ thành quặng nhỏ thông qua một quá trình nghiền nhiều giai đoạn;
- Kho dự trữ và thu hồi quặng nhỏ: Quặng mịn từ Nhà máy nghiền thô được đưa vào một kho dự trữ hình nón mở. Quặng nhỏ được thu hồi từ kho dự trữ thông qua ba băng chuyền, đưa vào băng tải nghiền và chuyển quặng đến quy trình nghiền tinh;
- Quy trình nghiền tinh bằng thanh nghiền hai giai đoạn: Nhà máy nghiền tinh được thiết kế để xử lý 444 tấn/giờ từ quặng thô thành sản phẩm được nghiền mịn;
- Quy trình tuyển nổi đồng, khử nước cho tinh quặng và đóng gói: Quy trình tuyển nổi đồng được thiết kế để tách đồng sunfua từ sản phẩm được nghiền mịn. Tinh quặng Đồng cuối cùng sau khi tuyển nổi được bơm vào một bể lắng có tốc độ đồng tụ nhanh tại khu vực đầu ra của tinh quặng. Sau đó tinh quặng cô đặc được tách nước bằng cách sử dụng một bộ đai lọc chân không. Bánh lọc được đóng gói vào bao lớn tại trạm băng chuyền và đóng gói;
- Quy trình tuyển nổi sunfua số lượng lớn: Quy trình tuyển nổi sunfua số lượng lớn (BSF) được thiết kế để tách khoáng chất sunfua, có chứa bismut và sắt, từ ôxít vonfram và khoáng chất florit;
- Quy trình thu hồi, làm giàu tinh quặng, sấy và đóng gói Vonfram trọng lực: Quy trình trọng lực được thiết kế để thu hồi các khoáng chất vonfram, silic chủ yếu, từ chất thải BSF. Sau quy trình làm giàu tinh quặng, tinh quặng vonfram được tách nước được đưa vào máy sấy chạy bằng dầu diesel để loại bỏ hơi ẩm còn lại. Sau khi làm mát, thành phẩm tinh quặng vonfram được đóng gói vào bao lớn tại trạm đóng gói;
- Hóa chất vonfram: Tinh quặng vonfram từ mỏ được tinh luyện thành hóa chất vonfram có giá trị gia tăng tại Nhà máy

của Công ty Liên doanh nằm ngay cạnh mỏ. Tinh quặng vonfram sản xuất thành sản phẩm APT (muối Ammonium paratungstate) với hàm lượng cao qua quá trình chiết tách bằng hóa chất, tiếp đó là quá trình tinh chế vật lý và hóa học và cuối cùng là bước kết tinh. APT sau đó được đóng bao để xuất bán hoặc tiếp tục được xử lý tại lò nung để sản xuất ra ôxít vonfram.

- Quy trình tuyển nổi, lọc, luyện và đóng gói bismut: Quy trình tuyển nổi bismut được thiết kế để tách các khoáng chất giàu bismut từ tinh quặng BSF và đuôi quặng đồng được làm sạch. Tinh quặng bismut cuối cùng sau khi tuyển nổi được bơm vào một bể lắng có tốc độ đồng tụ nhanh tại khu vực xử lý tinh quặng. Tinh quặng cô đặc được tách nước bằng cách sử dụng một bộ đai lọc chân không. Bánh lọc sau đó được chuyển bằng băng chuyền xoắn ốc đa chiều đến giai đoạn lọc hoặc đóng gói vào bao lớn để bán dưới dạng tinh quặng bismut hoặc được dự trữ để sau đó làm sạch lại và chuyển đến giai đoạn lọc. Tinh quặng bismut tuyển nổi được lọc bằng phương pháp sử dụng muối (NaCl) và axit sulphuric ( $H_2SO_4$ ) trong quy trình lọc hai giai đoạn. Chất thải từ quy trình luyện bismut có chứa  $H_2SO_4$  và NaCl còn lại được tái sử dụng để lọc bismut. Quy trình luyện bismut được tiến hành trên cơ sở hàng loạt trong một lò phản ứng dao động đơn. Sản phẩm bismut tinh luyện được lọc và rửa trong một bộ lọc áp lực nhỏ trước khi cân và đóng gói để giao hàng;
- Quy trình xử lý chất thải từ quy trình lọc bismut: Xử lý chất thải từ quy trình lọc bismut được yêu cầu để trung hòa axit và kết tủa kim loại nặng chứa trong chất thải trước khi thải ra ngoài;
- Quy trình tuyển nổi florit, khử nước cho tinh quặng và lưu trữ: Quy trình tuyển nổi florit được thiết kế để thu hồi tinh quặng calcium florit ( $CaF_2$ ) phẩm cấp cao cuối quy trình trọng lực vonfram. Sau khi chế biến, tinh quặng cuối cùng được bơm vào một bể lắng tại khu vực đầu ra của tinh quặng. Tinh quặng florit cuối cùng được tách nước bằng quy trình lọc và lắng cận tiêu chuẩn. Tinh quặng được thu hồi từ kho dự trữ bằng máy xúc gàu ngược và được vận chuyển đến cảng bằng đường bộ và xả lan;
- Quy trình trộn thuốc thử và lưu trữ: Có tổng cộng mười tám thuốc thử quan trọng được nhận và lưu trữ trong khu vực Dự án. Các thiết bị trộn, lưu trữ và định lượng chuyên dụng được cung cấp cho mỗi thuốc thử.

## Quy trình sản xuất của các sản phẩm của Masan Resources được trình bày như sau:



## ĐỊA BÀN KINH DOANH, HỆ THỐNG PHÂN PHỐI

Mỏ Núi Pháo là một mỏ đa kim nằm tại ba xã (Hùng Sơn, Hà Thượng và Tân Linh) của huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên. Mỏ cách thành phố Thái Nguyên khoảng 24km về hướng Tây Bắc, 3,4 km từ Thị trấn Đại Từ theo hướng Đông-Bắc. Mỏ cách Hà Nội khoảng 80 km và có thể tiếp cận bằng đường cao tốc. Hệ thống đường và đường sắt kết nối mỏ với các cảng gần nhất của Hải Phòng và Quảng Ninh, từ đó các sản phẩm có thể được vận chuyển đến với các khách hàng quốc tế.

Bộ phận Bán hàng và Marketing của Công ty làm việc tại Hà Nội và duy trì một mạng lưới các mối quan hệ chặt chẽ với các khách hàng có uy tín trên khắp thế giới. Nhờ những nỗ lực hiệu quả của Bộ phận này trong việc chăm sóc và phát triển mạng lưới khách hàng và đối tác, Masan Resources đã có thể đạt trên 80% doanh số bán hàng từ nhóm khách hàng quốc tế trải dài qua châu Á, Bắc Mỹ, châu Âu và Trung Đông và 20% doanh thu còn lại là từ việc bán hàng trong nước.



Sản phẩm của Công ty được bán cho các khách hàng thuộc nhiều phân khúc tiêu thụ khác nhau và thường là các khách hàng truyền thống theo các hợp đồng cung cấp dài hạn đã ký. Trong mọi trường hợp, giá quốc tế được coi như là mức định giá cơ sở trong các công thức tính giá của hợp đồng bao gồm các khoản phí bảo đảm chất lượng sản phẩm cũng như các điều khoản thanh toán và giao hàng.

Chiến lược quản lý quan hệ khách hàng của Công ty là tiếp cận đối tác dài hạn, theo đó Công ty nỗ lực làm việc với nhân sự chủ chốt tại tất cả các cấp bậc trong cơ cấu tổ chức của từng khách hàng, từ đó cho phép Công ty đưa ra giải pháp tốt nhất cho tất cả các bên. Là một phần trong chiến lược này, Công ty khuyến khích việc trao đổi phi độc quyền với các khách hàng để chia sẻ thông tin về kỹ thuật phân tích, nhu cầu khách hàng và phát triển sản phẩm v.v...

(\*) Bao gồm JV

## THÔNG TIN CỔ PHẦN VÀ CỔ ĐÔNG

### Cơ cấu cổ đông

1. Cơ cấu cổ đông tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2015 như sau:

STT	Cổ đông	31/12/2015			
		Số cổ đông	Số cổ phần nắm giữ	Tổng giá trị (VNĐ)	% vốn điều lệ
1	<b>Cổ đông trong nước</b>	<b>802</b>	<b>543.079.557</b>	<b>5.432.001.570.000</b>	<b>75,50%</b>
	Cổ đông tổ chức	6	524.776.220	5.247.762.700.000	72,94%
	Cổ đông cá nhân	796	18.424.937	184.249.870.000	2,56%
2	<b>Cổ đông nước ngoài</b>	<b>33</b>	<b>176.246.171</b>	<b>1.762.461.710.000</b>	<b>24,50%</b>
	Cổ đông tổ chức	2	163.249.200	1.632.492.000.000	22,69%
	Cổ đông cá nhân	31	12.996.971	129.969.710.000	1,81%
<b>Tổng cộng</b>		<b>835</b>	<b>719.447.328</b>	<b>7.194.473.280.000</b>	<b>100,00%</b>

Nguồn: Danh sách cổ đông của Công ty

2. Danh sách các cổ đông nắm giữ ít nhất 5% vốn điều lệ của Công ty

Danh sách các cổ đông nắm giữ ít nhất 5% vốn điều lệ của Công ty tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2015, như sau:

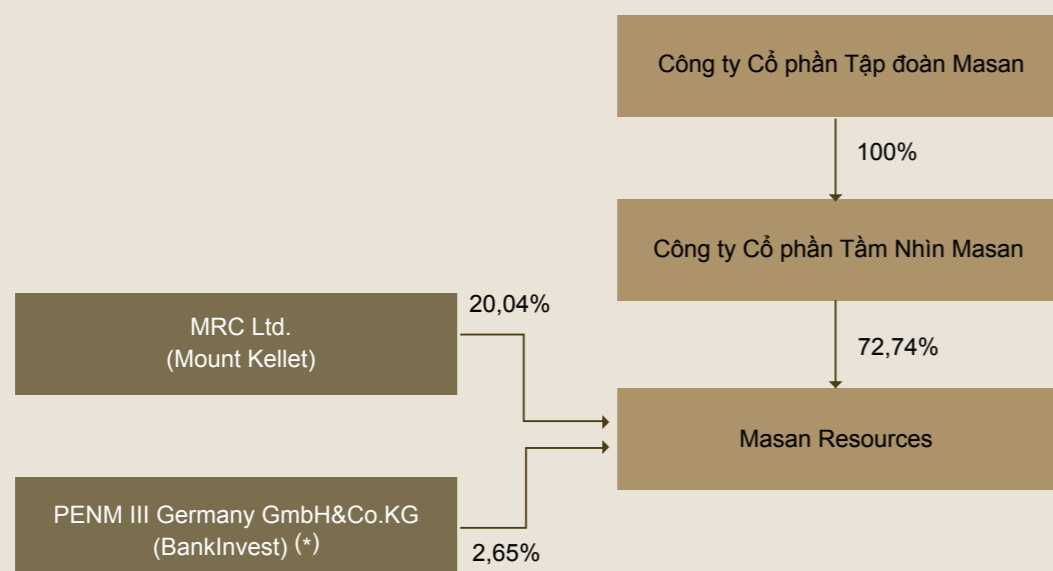
1	<b>Cổ đông trong nước</b>			
	Công ty Cổ phần Tầm Nhìn Masan	523.355.270	5.233.552.700.000	72,74%
2	<b>Cổ đông nước ngoài</b>			
	MRC Ltd	144.166.284	1.441.662.840.000	20,04%

Nguồn: Danh sách cổ đông của Công ty cung cấp bởi VSD



## Các cổ đông chính

Cấu trúc sở hữu của Masan Resources tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2015:



(\*) PENM III Germany GmbH & Co. KG đang nắm giữ cổ phần ưu đãi cổ tức và cổ phần phổ thông

## Các cổ đông tổ chức lớn

### Cổ đông trong nước

#### Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan

Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan (Cổ đông kiểm soát thông qua Công ty con sở hữu toàn phần, qua Công ty Cổ phần Tầm Nhìn Masan).

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan bao gồm Công ty Masan Consumer Holdings - Đơn vị sản xuất một loạt nhãn hàng yêu thích và tin cậy thuộc lĩnh vực thực phẩm và đồ uống (như Chin-su, Nam Ngư, Tam Thái Tử, Omachi, Kokomi, Vinacafe, cà phê Wake-up, Nước khoáng Vĩnh Hảo và Bia Sư Tử Trắng), và Công ty Masan Nutri-Science - công ty sản xuất thực ăn chăn nuôi lớn nhất Việt Nam (với các nhãn hàng như Proconco và ANCO). Các lĩnh vực kinh doanh khác của Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan bao gồm Công ty Cổ phần Tài nguyên Ma San, một trong các nhà sản xuất vonfram và các khoáng sản công nghiệp thiết yếu lớn nhất thế giới, và công ty liên kết - Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ thương Việt Nam (Techcombank), một ngân hàng cổ phần thương mại hàng đầu tại Việt Nam.

### Cổ đông nước ngoài

#### Mount Kellet

Mount Kellett Capital Management L.P, là một Công ty đầu tư đa lĩnh vực, tập trung đầu tư vào tình huống đặc biệt và đầu tư cơ hội trên phạm vi toàn cầu. Năm 2011, Mount Kellett Capital Management L.P., thông qua Công ty đầu tư MRC Ltd., đã đầu tư 2.059 tỷ VNĐ vào Masan Resources và nắm giữ 20,0% quyền sở hữu thông qua việc phát hành cổ phần mới trong Masan Resources.

#### PENM Partners

Trong năm 2013, Quỹ Private Equity New Markets II K / S (hiện là PENM III), một tổ chức đầu tư trực thuộc BankInvest đã đầu tư 578 tỷ đồng vào Masan Resources thông qua việc mua cổ phần ưu đãi bắt buộc chuyển đổi và cổ phần phổ thông.



# CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN CÔNG TY

Mục tiêu phát triển Công ty  
Mục tiêu phát triển cộng đồng và xã hội  
Chiến lược thực thi của Masan Resources  
Đánh giá chiến lược thực thi của Masan Resources



## Mục tiêu phát triển Công ty

Để trở thành một nhà sản xuất hàng đầu trong ngành khai khoáng có khả năng dẫn dắt sự thay đổi của thị trường vonfram toàn cầu, mục tiêu phát triển của Công ty như sau:

- Tối ưu hóa lợi nhuận đầu tư cho các cổ đông;
- Mua lại, thăm dò và phát triển các dự án có tiềm năng sinh lời để trở thành nhà sản xuất vonfram lớn nhất bên ngoài Trung Quốc;
- Không ngừng nâng cao hiệu quả sản xuất và duy trì các nguyên tắc quản lý chi phí;
- Hoạt động như một trong những công ty khai thác và chế biến khoáng sản mang tầm cỡ thế giới trong thực hành sản xuất bền vững với môi trường và áp dụng các chuẩn mực thế giới về an toàn lao động.

## Mục tiêu phát triển cộng đồng và xã hội

Trung thực và tin cậy trong mọi quan hệ là những giá trị mà Masan Resources luôn trân trọng khi cam kết thực thi các trách nhiệm của mình.

Chúng tôi quan tâm sâu sắc tới những tác động của Dự án đối với môi trường và cộng đồng xung quanh. Vì vậy, các chương trình hành động về môi trường và xã hội của chúng tôi được xây dựng theo chuẩn mực của Tổ chức Tài Chính Quốc tế (IFC) và theo Nguyên tắc Xích đạo (chuẩn mực “Vàng” về xã hội và môi trường bền vững) nhằm tạo ra những giá trị gia tăng đối với cộng đồng, đồng thời nhằm giảm thiểu những tác động tiêu cực của các dự án của chúng tôi đối với cộng đồng.

## Chiến lược thực thi của Masan Resources

Chiến lược phát triển doanh nghiệp của Masan Resources được thực hiện trên 3 phương diện chủ chốt:



## Đánh giá chiến lược thực thi của Masan Resources trong bối cảnh chiến lược của ngành, chính sách Nhà nước và xu hướng toàn cầu

Masan Resources cam kết đem lại lợi nhuận cho cổ đông bằng cách phát huy bốn lợi thế phát triển trụ cột của mình.

### Tăng trưởng tự thân và tăng trưởng thông qua mua bán và sáp nhập

Một trong những phương thức vận hành của Masan Resources là không ngừng tìm cách tăng trưởng tự thân bằng cách tối ưu hóa cơ sở vật chất hiện có nhằm đạt năng suất và hiệu quả tối đa. Chúng tôi tiếp tục hướng tới giảm đơn giá chi phí sản xuất thông qua các kế hoạch cải thiện biên lợi nhuận. Ngay từ giai đoạn mới vận hành Dự án khai khoáng tại Núi Pháo, Masan Resources đã chứng minh một cách thành công khả năng của mình trong việc gia tăng nguồn lực và trữ lượng với tốc độ cao hơn tốc độ hao mòn tài sản.

Masan Resources cũng hướng đến việc mua lại các dự án và cơ hội kinh doanh thuộc loại 1 (có giá trị cao, vị trí chiến lược, dài hạn, và chi phí sản xuất thấp) từ các chủ sở hữu đang kinh doanh không hiệu quả hoặc tận dụng các dự án thứ yếu từ các đối tác hợp nhất lớn hơn.

### Tập trung nhất quán vào quản lý chi phí và tăng năng suất


Khai khoáng là một ngành công nghiệp đòi hỏi thời gian lâu dài. Việc tập trung nhất quán vào quản lý chi phí cùng với những nỗ lực tăng năng suất không ngừng giúp cho Masan Resources tăng cường năng lực đầu tư dài hạn và khả năng đương đầu với biến động thị trường và biến động giá cả.

### Nguồn vốn dài hạn

Masan Resources điều chỉnh cơ cấu vốn phù hợp với danh mục hoạt động của các dự án. Việc dành 8.100 tỷ đồng để tái cấu trúc khoản nợ hiện nay cùng với việc chuyển đổi Masan Resources thành Công ty đại chúng được xem là một bước tiến trong năm 2015 nhằm đảm bảo nguồn vốn thích hợp để hỗ trợ chiến lược dài hạn của Masan Resources. Việc niêm yết cổ phiếu trên sàn giao dịch UPCOM cho phép Công ty cắt giảm chi phí huy động vốn bởi nó cung cấp “tiền tệ lỏng” cho người cho vay và các nhà đầu tư chiến lược, nhờ đó họ có thể quản lý rủi ro tốt hơn.

### Năng lực lãnh đạo

Masan Resources, với tư cách là một doanh nghiệp có tầm quan trọng chiến lược tại Việt Nam và trên thị trường vonfram thế giới, sẽ tiếp tục phát huy vị trí tiên phong trên thị trường của mình để xây dựng nên những chuẩn mực mới về hiệu quả sản xuất, quản trị xã hội và doanh nghiệp và an toàn lao động trong lĩnh vực khai thác chế biến khoáng sản ở cấp quốc gia và quốc tế. Vị thế hàng đầu trong ngành cũng giúp Masan Resources luôn sớm nhìn ra các cơ hội sinh lời và qua đó đầu tư một cách chọn lọc nhằm tăng lợi nhuận của cổ đông. Masan Resources cũng tìm cách tác động một cách tích cực đến sự phát triển chính sách hỗ trợ của nhà nước và thực tiễn ngành bằng cách phát huy vai trò lãnh đạo của mình trong nhóm vận động chính sách của ngành công nghiệp nội địa cũng như ngành công nghiệp quốc tế.



# CƠ CẤU TỔ CHỨC VÀ QUẢN LÝ

Cơ cấu tổ chức  
Cơ cấu quản lý hợp nhất của Masan Resources  
*Hội đồng Quản trị*  
*Đội ngũ Quản lý*  
*Ban Kiểm soát*



## CƠ CẤU TỔ CHỨC

### Công ty Mẹ

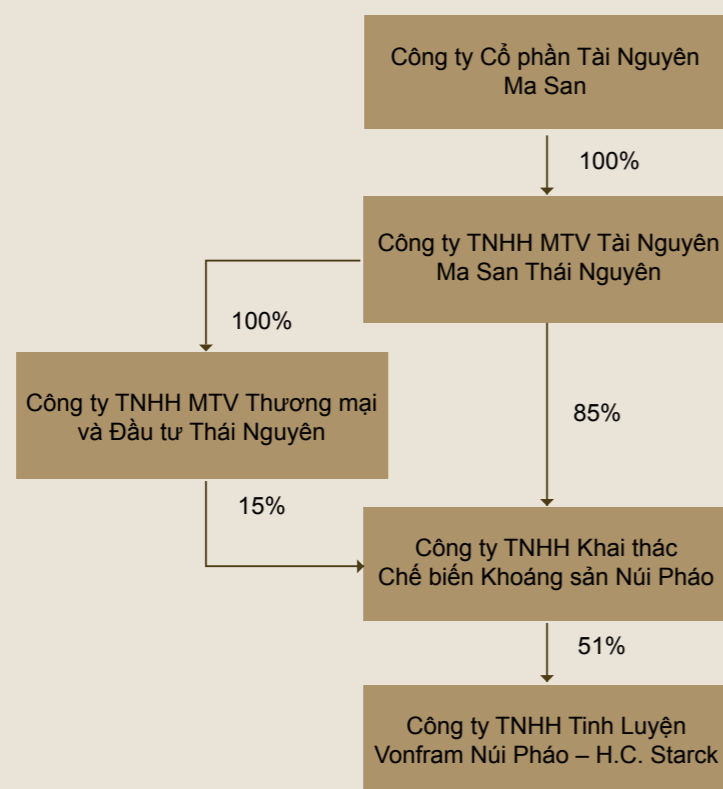
**Công ty Cổ phần Tài Nguyên Ma San (Công ty)**

#### Thông tin chung

Tên Công ty	:	Công ty Cổ phần Tài Nguyên Ma San
Địa chỉ	:	Phòng 802, Tầng 8, Tòa nhà Central Plaza, 17 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành Phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Điện thoại	:	+84 8 6256 3862
Fax	:	+84 8 3827 4115
Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp	:	Số 0309966889 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tp. Hồ Chí Minh cấp ngày 27 tháng 4 năm 2010, sửa đổi bổ sung lần thứ 12 ngày 4 tháng 2 năm 2015
Vốn điều lệ đăng ký	:	7.194.473.280.000 VNĐ
Vốn góp chủ sở hữu	:	7.194.473.280.000 VNĐ
Website	:	<a href="http://masangroup.com/masanresources">masangroup.com/masanresources</a>
Các hoạt động kinh doanh	:	- Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận (cụ thể: nghiên cứu thị trường) và; - Tư vấn quản lý (cụ thể: dịch vụ tư vấn quản lý, tư vấn đầu tư, ngoại trừ tư vấn tài chính)

## CƠ CẤU TỔ CHỨC

Cơ cấu doanh nghiệp của Masan Resources được thể hiện theo sơ đồ dưới đây:



## Các công ty con hợp nhất

### Công ty TNHH MTV Tài Nguyên Ma San Thái Nguyên (MRTN)

#### Thông tin chung

Tên Công ty	: Công ty TNHH Một Thành Viên Tài Nguyên Ma San Thái Nguyên
Địa chỉ	: Phòng 802, Tầng 8, Tòa nhà Central Plaza, 17 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành Phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Điện thoại	: +84 8 6256 3862
Fax	: +84 8 3827 4115
Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp	: Số 0309960069 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp ngày 7 tháng 5 năm 2010, như được sửa đổi bổ sung lần thứ 3 ngày 12 tháng 7 năm 2013
Vốn điều lệ đăng ký	: 5.140.335.573.000 VNĐ
Vốn góp chủ sở hữu	: 5.140.335.573.000 VNĐ
Tỷ lệ góp vốn của Công ty	: 100% vốn điều lệ
Các hoạt động kinh doanh	: - Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận (cụ thể: nghiên cứu thị trường); và - Tư vấn quản lý (cụ thể: dịch vụ tư vấn quản lý, tư vấn đầu tư, ngoại trừ tư vấn tài chính).

**Công ty TNHH MTV Thương mại và Đầu tư Thái Nguyên (TNTI)****Thông tin chung**

Tên Công ty	:	Công ty TNHH Một Thành Viên Thương mại Và Đầu tư Thái Nguyên
Địa chỉ	:	Phòng 802, Tầng 8, Tòa nhà Central Plaza, 17 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành Phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Điện thoại	:	+84 8 6256 3862
Fax	:	+84 8 3827 4115
Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp	:	Số 0310352925 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp ngày 15 tháng 10 năm 2010, sửa đổi bổ sung lần thứ 6 ngày 17 tháng 4 năm 2014
Vốn điều lệ đăng ký	:	1.624.861.500.000 VNĐ
Vốn góp chủ sở hữu	:	1.624.861.500.000 VNĐ
Tỷ lệ góp vốn của Công ty	:	100% vốn điều lệ
Các hoạt động kinh doanh	:	- Tư vấn quản lý (cụ thể: dịch vụ tư vấn quản lý, tư vấn đầu tư, ngoại trừ tư vấn tài chính, kế toán); - Quảng cáo; - Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận (cụ thể: nghiên cứu thị trường); - Khai thác khoáng sản hiếm (không hoạt động tại trụ sở chính); - Khai thác kim loại màu (không hoạt động tại trụ sở chính); - Xúc tiến thương mại; và - Các hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính, chưa được phân vào đâu (cụ thể: hoạt động tư vấn đầu tư, ngoại trừ tư vấn tài chính, kế toán, pháp luật).

TNTI được thành lập vào tháng 10 năm 2010 dưới hình thức Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên để thực hiện hoạt động tư vấn (ngoại trừ tư vấn tài chính, kế toán), quảng cáo, nghiên cứu thị trường và xúc tiến thương mại. TNTI nằm trong nhóm các Công ty được thành lập để phát triển dự án Núi Pháo bao gồm MRTN, Công ty Núi Pháo và TNTI.

**Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo (Công ty Núi Pháo)****Thông tin chung**

Tên Công ty	:	Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo
Địa chỉ	:	Xóm 2, xã Hà Thượng, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam
Điện thoại	:	+84 4 37182490
Fax	:	+84 4 37182491
Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp	:	Số 4600864513 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thái Nguyên cấp ngày 5 tháng 7 năm 2010, sửa đổi bổ sung lần thứ 9 ngày 24 tháng 10 năm 2014
Vốn điều lệ đăng ký	:	4.789.010.000.000 VNĐ
Vốn góp chủ sở hữu	:	4.789.010.000.000 VNĐ
Tỷ lệ góp vốn của Công ty	:	100% vốn điều lệ
Các hoạt động kinh doanh	:	- Khai thác quặng kim loại quý hiếm (khai thác, chế biến vonfram, florit, đồng, bismut và vàng); - Khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt; - Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan (hoạt động thăm dò địa chất và nguồn nước (thăm dò khoáng sản)); - Các dịch vụ hỗ trợ cho hoạt động khai thác mỏ và quặng khác (ngoài các mục nêu trên); - Sản xuất quặng kim loại quý hiếm; - Bán kim loại và quặng kim loại (không bao gồm kinh doanh mua, bán vàng miếng); - Hoạt động tư vấn quản lý; - Các hoạt động hỗ trợ văn phòng đặc biệt khác; và - Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh.



**Lịch sử thành lập**

Công ty Núi Pháo trực tiếp vận hành dự án Núi Pháo để khai thác và chế biến khoáng sản tại xã Hà Thượng, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên.  
Các sự kiện quan trọng trong quá trình hoạt động của Công ty Núi Pháo và dự án Núi Pháo được trình bày dưới đây:

<b>Tháng 2/2004</b>	Công ty Liên doanh Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo (“Nuiphaovica”) được thành lập bởi các nhà đầu tư trước đây của Công ty Núi Pháo theo Giấy phép đầu tư số 2377/GP do Bộ Kế hoạch và Đầu tư cấp để triển khai các hoạt động dự án Núi Pháo.
<b>Tháng 2/2005</b>	Bộ Tài nguyên Môi trường phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án Núi Pháo.
<b>Tháng 3/2008</b>	Bộ Tài nguyên Môi trường phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường sửa đổi của dự án Núi Pháo.
<b>Tháng 4/2010</b>	Tập đoàn Masan ký các thỏa thuận chính thức mua lại quyền kiểm soát Nuiphaovica từ Dragon Capital.
<b>Tháng 7/2010</b>	Công ty Núi Pháo được thành lập nhằm mục đích sở hữu và vận hành dự án Núi Pháo. Công ty Núi Pháo được Ủy ban Nhân dân tỉnh Thái Nguyên cấp Giấy Chứng nhận đầu tư số 1712100026 ngày 21 tháng 7 năm 2010 để triển khai các hoạt động dự án Núi Pháo, theo đó Công ty Núi Pháo sẽ kế thừa toàn bộ quyền và nghĩa vụ của Nuiphaovica như được quy định trong Giấy phép đầu tư số 2377/GP do Bộ Kế hoạch và Đầu tư cấp.
<b>Tháng 9/2010</b>	Công ty Núi Pháo được Bộ Tài nguyên Môi trường cấp Giấy phép Khai thác khoáng sản số 1710/GP-BTNMT ngày 21 tháng 9 năm 2010. Công ty Núi Pháo hoàn thành giao dịch mua lại quyền kiểm soát trong Công ty Núi Pháo từ các nhà đầu tư trước đây.
<b>Tháng 12/2011</b>	Hội đồng Đánh giá trữ lượng khoáng sản Quốc gia công nhận kết quả báo cáo về chuyển đổi cấp trữ lượng và cấp tài nguyên của dự án Núi Pháo.
<b>Tháng 2/2012</b>	Công ty Núi Pháo nhận được chấp thuận chính thức của Bộ Công thương đối với thiết kế cơ bản mỏ của dự án Núi Pháo.
<b>Tháng 7/2013</b>	Công ty Núi Pháo và H.C. Starck, nhà sản xuất kim loại công nghệ cao hàng đầu thế giới, đã ký kết hợp đồng liên doanh để thành lập một Công ty liên doanh tinh luyện các sản phẩm vonfram giá trị gia tăng tại Việt Nam.
<b>Tháng 1/2014</b>	Liên doanh giữa Công ty Núi Pháo và H.C. Starck nhận được giấy Chứng nhận đầu tư cho nhà máy của liên doanh để sản xuất APT, BTO và YTO.
<b>Tháng 3/2014</b>	Dự án Núi Pháo bắt đầu sản xuất thương mại Ôxít Vonfram và Tinh quặng Đồng.
<b>Tháng 6/2014</b>	Dự án Núi Pháo bắt đầu sản xuất thương mại Flourspar cấp a xít.
<b>Tháng 9/2014</b>	Dự án Núi Pháo bắt đầu sản xuất thương mại Tinh quặng Bismut.
<b>2015</b>	Lập kỷ lục về sản xuất đối với các loại sản phẩm hàng hóa của dự án Núi Pháo. Nhà máy chế biến sâu của Công ty Liên doanh nghiệm thu vận hành và đi vào hoạt động sản xuất.

**Sơ đồ vị trí mỏ Núi Pháo**



**Công ty TNHH Tinh Luyện Vonfram Núi Pháo- H.C. Starck (Núi Pháo – H.C. Starck)**

**Thông tin chung**

Tên Công ty	: Công ty TNHH Tinh Luyện Vonfram Núi Pháo – H.C. Starck
Địa chỉ	: Xóm 2, xã Hà Thượng, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam
Điện thoại	: +84 4 37182490
Fax	: +84 4 37182491
Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp	: Số 171022000001 do UBND tỉnh Thái Nguyên cấp ngày 15 tháng 1 năm 2014, sửa đổi bổ sung lần 1 ngày 18 tháng 6 năm 2015
Vốn điều lệ đăng ký	: 789.060.360.000 VNĐ
Vốn góp chủ sở hữu	: 789.060.360.000 VNĐ
Tỷ lệ góp vốn của Công ty	: 51% vốn điều lệ
Các hoạt động kinh doanh	: - Sản xuất kim loại màu và kim loại quý hiếm (chế biến vonfram để xuất khẩu hoặc bán trong nước).

## CƠ CẤU QUẢN LÝ HỢP NHẤT CỦA MASAN RESOURCES

### Hội đồng Quản trị

Hội đồng Quản trị (HĐQT) chịu trách nhiệm điều hành và quản lý chung đối với Công ty. Hội đồng Quản trị họp ít nhất mỗi quý một lần hoặc khi có yêu cầu để xem xét và giám sát tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh của Công ty.

Hội đồng Quản trị hiện tại bao gồm 4 thành viên. Nhiệm kỳ của HĐQT là năm năm và có thể được bầu lại khi hết nhiệm kỳ. Nhiệm kỳ của mỗi thành viên HĐQT không vượt quá 5 năm. Hội đồng Quản trị có thể bầu, miễn nhiệm hoặc bãi nhiệm Chủ tịch HĐQT.

### Danh sách thành viên Hội đồng Quản trị

Tên	Chức vụ trong Công ty	Thành viên độc lập/ thành viên điều hành/ không điều hành	Ngày bổ nhiệm
TS. Nguyễn Đăng Quang	Chủ tịch HĐQT	Thành viên điều hành	18/2/2013
Ông Jonathan David Fiorello	Thành viên HĐQT	Thành viên điều hành	6/11/2014
Ông Chetan Prakash Baxi	Thành viên HĐQT	Thành viên độc lập	20/12/2013
Ông Nguyễn Thiệu Nam	Thành viên HĐQT	Thành viên độc lập	18/2/2013



**TS. Nguyễn Đăng Quang**  
Chủ tịch



**Ông Jonathan David Fiorello**  
Thành viên



**Ông Chetan Prakash Baxi**  
Thành viên



**Ông Nguyễn Thiệu Nam**  
Thành viên

### Đội ngũ Quản lý của Masan Resources

#### Danh sách thành viên Ban Giám đốc của Masan Resources

Tên	Chức vụ trong Công ty
Ông Dominic John Heaton	Tổng Giám đốc
Ông Wayne Frank Apted	Giám đốc Tài chính



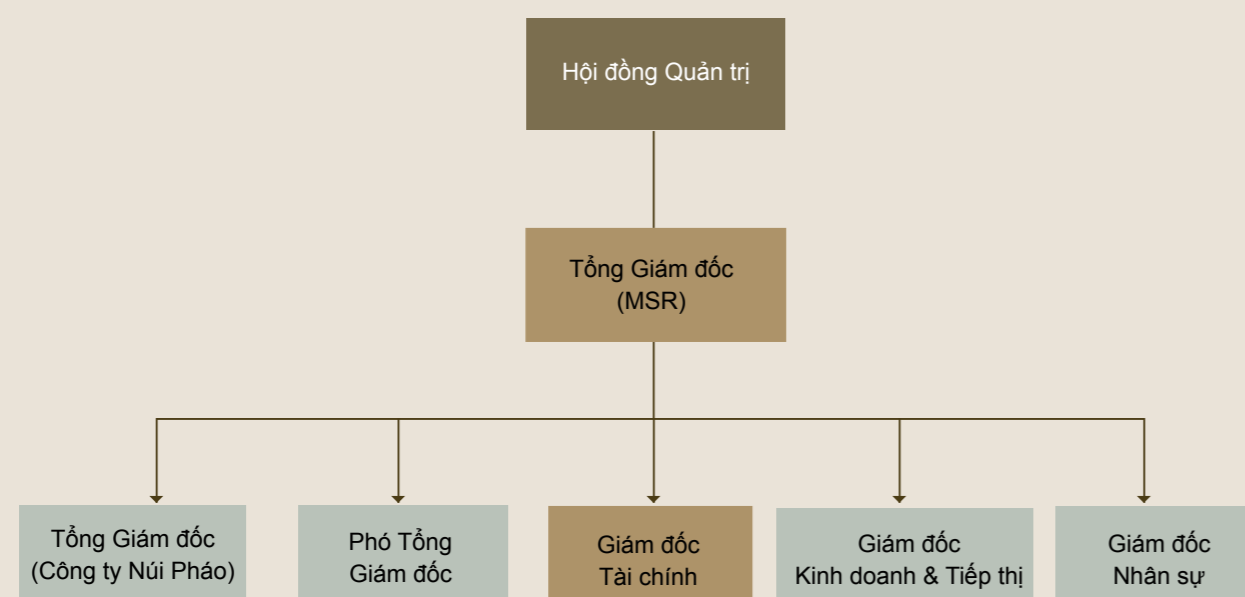
**Ông Dominic John Heaton** (*Tổng Giám đốc*) phụ trách phát triển dự án Núi Pháo, lãnh đạo hoạt động thăm dò khoáng sản của Masan Resources và xây dựng Công ty thành một công ty tài nguyên quy mô lớn với tài sản đa dạng. Trong sự nghiệp hơn 27 năm làm việc trong ngành khai khoáng, ông Heaton đã từng quản lý các dự án ở khu vực xa xôi tại Úc, Papua New Guinea, Indonesia và CHDCND Lào. Trước khi gia nhập Masan Resources, ông đã từng nắm giữ nhiều cương vị quản lý cấp cao tại các Công ty Aurora Gold/ Oxiana/ OZ Minerals/ MM group.

Ông Heaton tốt nghiệp đại học tại các trường Đại học James Cook, Đại học La Trobe, và Đại học Melbourne ở Úc. Ông hiện đang là thành viên của Viện Khai thác và Luyện kim Úc, Viện Giám đốc doanh nghiệp Úc, đồng thời là thành viên điều hành của Hiệp hội Công nghiệp Vonfram Quốc tế (ITIA).



**Ông Wayne Frank Apted** (*Giám đốc Tài chính*) có hơn 20 năm kinh nghiệm về tài chính trong lĩnh vực khai khoáng. Ông Apted đã từng là giám đốc tài chính cho Glencore Plc and Xstrata Plc tại châu Âu, Trung Đông và Đông Nam Á. Ông Apted là kế toán viên được chứng nhận (Chartered Accountant) và tốt nghiệp Đại học Curtin, Úc. Ông Apted hiện cũng là Giám đốc Tài chính của Công ty Núi Pháo.

## Cơ cấu quản lý hợp nhất của Masan Resources



Ghi chú: ■ Thành viên của Ban Quản trị MSR

## Hội đồng thành viên Công ty Núi Pháo

Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng Thành viên, Chủ tịch và Tổng Giám đốc được quy định trong điều lệ của Công ty Núi Pháo. Theo Điều lệ, Hội đồng Thành viên là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty Núi Pháo và gồm tối đa 4 thành viên, trong đó MRTN được bổ nhiệm tối đa 3 thành viên và TNTI được bổ nhiệm tối đa 1 thành viên.

Hội đồng Thành viên chịu trách nhiệm quản lý hoạt động kinh doanh và bổ nhiệm nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty Núi Pháo. Chủ tịch Hội đồng Thành viên do MRTN đề cử và được Hội đồng Thành viên bầu chọn. Nhiệm kỳ của Chủ tịch là 5 năm, và có thể được bầu với số nhiệm kỳ không hạn chế.

## Danh sách Hội đồng Thành viên Công ty Núi Pháo

Tên	Chức vụ trong Công ty
TS. Nguyễn Đăng Quang	Chủ tịch Hội đồng Thành viên
Ông Nguyễn Văn Thắng	Phó Chủ tịch
Ông Nguyễn Thiệu Nam	Thành viên
Ông Chetan Prakash Baxi	Thành viên



**TS. Nguyễn Đăng Quang**  
Chủ tịch



**Ông Nguyễn Văn Thắng**  
Phó Chủ tịch



**Ông Nguyễn Thiệu Nam**  
Thành viên



**Ông Chetan Prakash Baxi**  
Thành viên

## Ban Giám đốc của Công ty Núi Pháo



**Ông Craig Bradshaw** (Tổng Giám đốc) có gần 20 năm kinh nghiệm về thương mại và hành chính trong lĩnh vực khai khoáng. Trước đây ông Bradshaw từng là Giám đốc thương mại cao cấp cho mỏ Sepon của Lane Xang Minerals Ltd. Ông Bradshaw tốt nghiệp Đại học Southern Queensland, Úc.

Tổng Giám đốc Công ty Núi Pháo được đề cử và bổ nhiệm bởi Hội đồng Thành viên và chịu trách nhiệm quản lý các hoạt động thường nhật của Công ty và thực thi các nghị quyết của Hội đồng Thành viên. Nhiệm kỳ của Tổng Giám đốc là ba năm và có thể được tái bổ nhiệm không giới hạn. Hiện tại, Tổng Giám đốc Công ty Núi Pháo chịu trách nhiệm báo cáo trực tiếp tới Tổng Giám đốc của Masan Resources.



**Ông Vũ Hồng** (Phó Tổng Giám đốc) có hơn 30 năm kinh nghiệm phát triển dự án bao gồm 6 năm làm việc cho Ngân hàng Thế giới tại các quốc gia khác nhau như Việt Nam, CHDCND Lào, Đông Timor, Trung Quốc và Philippines. Ông tốt nghiệp Đại học Thủy Lợi Hà Nội và có bằng Thạc sĩ Thủy văn của Đại học Roor-kee, Ấn Độ.

Ông Vũ Hồng hiện đang là thành viên Ban Chấp hành Hiệp hội Doanh nghiệp Địa chất và Khoáng sản Việt Nam (VAGME).



**Ông Russell Griffin** (Giám đốc Kinh doanh & Tiếp thị) có kinh nghiệm phong phú trong việc phát triển thị trường cho các mỏ mới được khai thác hoặc mở rộng tại Úc và Đông Nam Á. Trước đó, ông Griffin đã làm việc cho Công ty OZ Minerals. Ông Griffin tốt nghiệp Đại học South Australia với bằng Cử nhân Kinh doanh (Marketing).



**Ông Wayne Frank Apted** (Giám đốc Tài chính) có hơn 20 năm kinh nghiệm về tài chính trong lĩnh vực khai khoáng. Ông Apted đã từng là giám đốc tài chính cho Glencore Plc and Xstrata Plc tại châu Âu, Trung Đông và Đông Nam Á. Ông Apted là kế toán viên được chứng nhận (Chartered Accountant) và tốt nghiệp Đại học Curtin, Úc.

## Ban Kiểm soát

## Danh sách thành viên Ban Kiểm soát

Tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Bà Đoàn Thị Mỹ Duyên	Trưởng ban Ban Kiểm soát	05/5/2015
Ông Lê Thanh Tùng	Thành viên	30/9/2013
Ông Đặng Ngọc Cả	Thành viên	30/9/2013



**Bà Đoàn Thị Mỹ Duyên** là Kế toán trưởng của Masan Resources, phụ trách báo cáo về tình hình tài chính, công bố và quản lý các vấn đề tài chính. Trước khi tham gia Masan Resources, bà Duyên làm việc tại Công ty TNHH KPMG Việt Nam. Bà Duyên có bằng Thạc sĩ Kế toán của Đại học Kinh tế thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam và là thành viên Hiệp hội Kế toán công chứng Anh (ACCA).



**Ông Lê Thanh Tùng** là Phó Giám đốc pháp lý của Masan Resources, phụ trách các vấn đề pháp lý trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Trước khi tham gia Masan Resources, ông Tùng làm luật sư cho Baker & McKenzie và các hãng luật trong nước. Ông Tùng có bằng Thạc sĩ Luật của Đại học Panthéon-Assas, Pháp và bằng Cử nhân Luật của trường Khoa Luật, Đại học Quốc Gia Hà Nội, Việt Nam.



**Ông Đặng Ngọc Cả** là luật sư của Masan Resources, phụ trách các vấn đề pháp lý trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Trước khi tham gia Masan Resources, ông Cả làm việc cho hãng luật Allens Arthur Robinson và Công ty luật hợp danh Luật Việt. Ông Cả tốt nghiệp trường Đại học Luật Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.



# BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Báo cáo Định hướng Kinh doanh  
Báo cáo Đánh giá của Ban Giám đốc  
Báo cáo Đánh giá của Hội đồng Quản trị  
Báo cáo Đánh giá của Ban Kiểm soát  
Báo cáo Quản trị Công ty  
Báo cáo Quản lý Nhân sự  
Báo cáo Quản lý Rủi ro

## BÁO CÁO ĐỊNH HƯỚNG KINH DOANH

### Bức tranh kinh tế năm 2015

Bức tranh kinh tế thế giới năm 2015 vẫn âm ảm. Hoạt động sản xuất và thương mại toàn cầu vẫn trong tình trạng trì trệ. Sự tăng trưởng chậm lại về kinh tế của các thị trường đang phát triển và mới nổi chỉ được bù đắp lại một phần bởi sự phục hồi khiêm tốn tại các quốc gia phát triển.

Đà tăng trưởng của nền kinh tế Trung Quốc, vốn là nhân tố thúc đẩy sự gia tăng giá cả hàng hóa trong những năm gần đây, vẫn tiếp tục chậm dần lại trong suốt năm 2015 khi nền kinh tế này dịch chuyển mục tiêu từ tập trung vào sản xuất và xây dựng cơ sở hạ tầng sang hướng tập trung vào tiêu dùng. Tác động lan tỏa từ chính sách tái cân bằng kinh tế của Trung Quốc đã dẫn đến suy giảm nhu cầu về nhập khẩu và hàng hóa. Điều này được phản ánh rõ nét tại các thị trường đang phát triển và mới nổi, bởi lẽ cho dù vẫn đóng góp hơn 70% vào mức độ tăng trưởng toàn cầu, các thị trường này đã ghi nhận sự suy giảm tốc độ tăng trưởng trong năm thứ 5 liên tiếp.

Trong năm 2015, nền kinh tế Mỹ tiếp tục phục hồi và tạo công ăn việc làm, kết quả là Cục Dự trữ Liên bang Mỹ nâng lãi suất liên bang. Chính sách tiền tệ nới lỏng ở khu vực đồng tiền chung châu Âu bắt đầu cho thấy sự tăng trưởng nhẹ của nền kinh tế, trong khi đó chính sách nới lỏng định lượng tại Nhật Bản cũng giúp cho nền kinh tế nước này cải thiện tăng trưởng ở giai đoạn cuối năm. Nhìn tổng thể, tình hình tài chính trong các nền kinh tế tiên tiến vẫn còn phải điều tiết.

### Giá hàng hóa năm 2015

Sự tăng trưởng toàn cầu khó nắm bắt đồng bộ trong năm 2015 khiến thị trường trở nên biến động, bấp bênh và dẫn đến sự suy giảm chung về nhu cầu hàng hóa từ người tiêu dùng và thị trường cuối. Hiện tượng hàng tồn kho ở khắp chuỗi cung ứng hàng hóa diễn ra đồng thời với chính sách tái cân bằng kinh tế của Trung Quốc khiến tình hình càng trở nên khó khăn hơn. Kết quả là, trong năm 2015, giá hàng hóa giảm từ 20 – 40%, trong khi đó giá vonfram tham chiếu cũng giảm 38%.

Là một trong những nhà sản xuất vonfram có chi phí sản xuất thấp nhất, chúng tôi có đủ khả năng vượt qua được những biến động thị trường

Theo thống kê, ngành khai khoáng, thăm dò và xây dựng đóng góp trên 50% nhu cầu vonfram toàn cầu. Giá khoáng sản và năng lượng suy giảm trong năm 2015 đã dẫn đến sự chậm lại đáng kể trong đầu tư cho ngành năng lượng và khai khoáng. Số giàn khoan toàn cầu, một chỉ số của các hoạt động thăm dò và sản xuất dầu, đã giảm 43% trong năm 2015. Nhu cầu vonfram giảm trong ngành này phần nào được bù đắp do việc tiêu thụ vonfram vẫn còn tiếp tục tăng trong các ngành ô tô và hàng không vũ trụ.

Dưới sức ép của việc giảm giá vonfram, từ giữa năm 2015, một số nhà sản xuất, đặc biệt là nhà sản xuất vonfram có chi phí cao đã bắt đầu phải cắt giảm sản lượng hoặc đóng cửa mỏ. Các nhà cung cấp mới gia nhập thị trường đang gặp khó khăn trong việc nâng sản lượng đến mức thiết kế do thiếu cầu và không đủ nguồn lực tài chính. Phản ứng của nguồn cung đối với tăng trưởng cầu suy yếu còn diễn ra chậm hơn so với dự kiến, dẫn đến giá vonfram tham chiếu rớt xuống

mức thấp, chỉ đạt 160USD/tấn. Tình trạng giảm giá vonfram có chút cải thiện vào thời điểm cuối năm với mức giá đạt 170USD/tấn khi Trung Quốc tăng cường dự trữ và áp dụng các chính sách môi trường nghiêm ngặt hơn để thắt chặt sản xuất nội địa.

Phản ứng tương tự của nguồn cung cũng diễn ra ở các thị trường tiêu thụ các sản phẩm khác của Công ty. Hiện tượng giảm giá cũng dẫn đến việc nhanh chóng cắt giảm đáng kể sản lượng của các nhà sản xuất đồng ở Nam Mỹ và các nhà sản xuất florit tại châu Phi và châu Âu.

Giá trung bình các mặt hàng	Đơn vị	Trung bình năm 2015	Trung bình năm 2014	% thay đổi	Đến ngày 31/12/2015	Đến ngày 31/12/2014
Giá APT châu Âu thấp nhất*	\$/mtu	217	349	(38)	170	275
Giá Bismuth thấp nhất*	\$/lb	6,1	10,7	(43)	4,1	10,2
Đồng*	\$/t	5.494	6.862	(20)	4.702	6.359
Flourspar cấp a xít**	\$/t	283	315	(10)	250	300

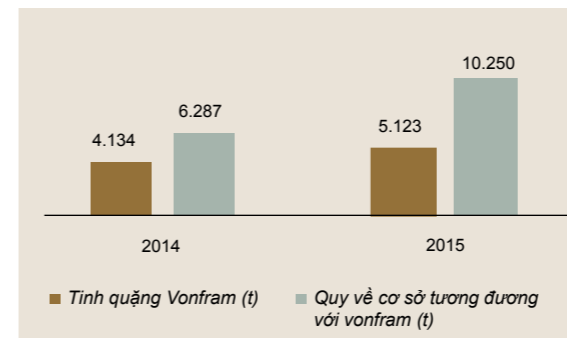
\* Theo tạp chí Metals bulletin  
 \*\* Theo Industrial Minerals

### Triển vọng kinh tế năm 2016

Tăng trưởng kinh tế toàn cầu sẽ tiếp tục không ổn định và chỉ hứa hẹn tác động tích cực phần nào tới giá cả hàng hóa trong giai đoạn sau của năm 2016. Tốc độ tăng trưởng của nền kinh tế Trung Quốc được dự báo vẫn tiếp tục chậm lại sẽ làm tăng thêm gánh nặng cho các hoạt động kinh tế các quốc gia đang phát triển. Do vậy, các nhà cung cấp hàng hóa sẽ còn phải tiếp tục chịu nhiều áp lực và dự kiến nguồn cung sẽ còn tiếp tục suy giảm do cắt giảm sản lượng và đóng cửa.

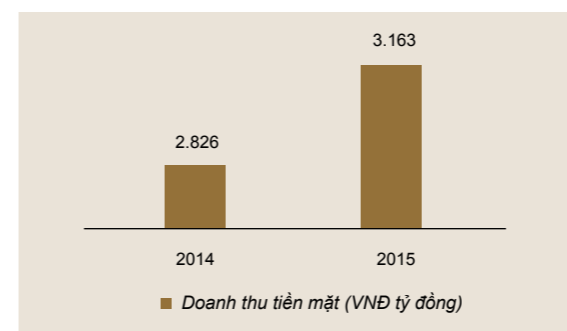
### Kết quả kinh doanh năm 2015

Mặc dù triển vọng hoạt động kinh doanh vẫn còn khó khăn, Công ty tiếp tục khẳng định vị thế của mình nhờ thực hiện kinh doanh tốt hơn các đối thủ cạnh tranh khác. Là một trong các nhà sản xuất vonfram có chi phí thấp nhất toàn cầu cùng với việc 90% sản lượng theo kế hoạch đã được cam kết cung cấp cho các đối tác uy tín trên toàn cầu, Công ty luôn sẵn sàng tạo ra lợi nhuận bền vững trong thời điểm thị trường còn nhiều bấp bênh như hiện nay.



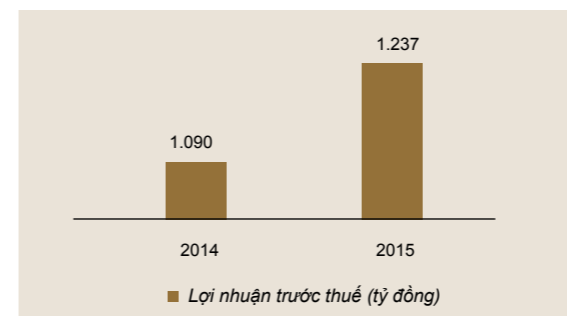
### Sản lượng hàng năm

Năm 2015, Công ty đạt kỷ lục về sản lượng đối với tất cả các mặt hàng. Quy về cơ sở tương đương với vonfram, tổng sản lượng tăng 63% so với cùng kỳ năm trước, trong đó sản lượng vonfram tăng 24% và sản lượng đồng tăng 31%. Lượng quặng được chế biến, tỷ lệ thu hồi và các thông số chính khác của Nhà máy chế biến đều được cải thiện nhờ các sáng kiến cải tiến vận hành. Các dự án đầu tư được hoàn thiện trong năm 2015 dự kiến sẽ giúp sản lượng năm 2016 tăng lên đáng kể.



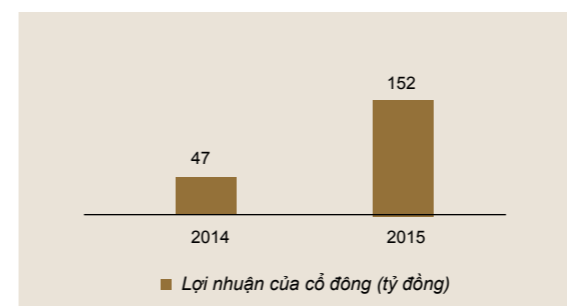
### Doanh thu tiền mặt

Năm 2015, doanh thu tiền mặt thuần tăng lên mức 3.163 tỷ đồng. Kỳ lục về sản lượng dẫn tới kỷ lục về doanh thu bán hàng. Toàn bộ sản phẩm đầu ra của Công ty đều được bán hết cho nhiều đối tác thương mại và khách hàng đa dạng. Với Nhà máy tinh luyện Vonfram đã được nghiệm thu hoạt động, Công ty có thể cung cấp các loại sản phẩm vonfram đa dạng hơn. Điều này sẽ cho phép Công ty mở rộng mạng lưới bán hàng, tạo điều kiện thuận lợi cho việc tiêu thụ tất cả các sản phẩm khi tăng sản lượng trong năm 2016.



### EBITDA (Lợi nhuận trước thuế, trả lãi và khấu hao)

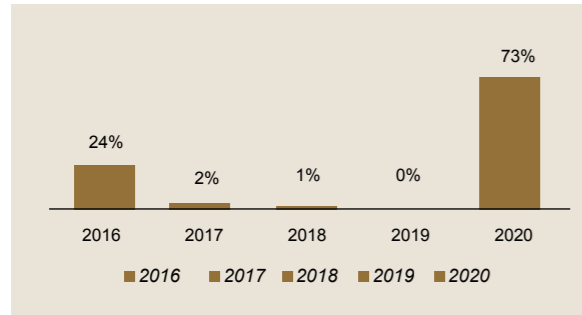
Doanh thu tiền mặt từ bán hàng cao hơn cùng với sự kiểm soát chi phí chặt chẽ trong suốt năm 2015 đã giúp EBITDA tăng lên mức 1.237 tỷ đồng. Mặc dù giá tất cả các mặt hàng giảm, nhưng việc cải thiện hiệu quả vận hành và tiết kiệm chi phí đã dẫn đến giảm đơn giá chi phí sản xuất. Chính điều này đã cho phép Công ty duy trì lợi nhuận biên EBITDA ở mức 39%.



### Lợi nhuận của cổ đông

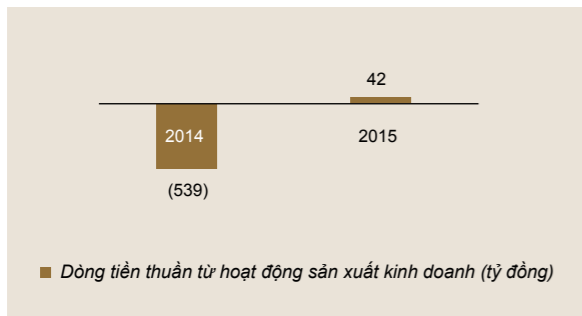
Masan Resources báo cáo lợi nhuận thuần phân bổ cho các cổ đông của Công ty năm 2015 là 152 tỷ đồng, tăng 223% so với năm 2014. Kết quả tích cực này có được là nhờ sản lượng tăng, các mặt hàng do Công ty sản xuất đều được bán hết và quản lý chi phí vận hành một cách hiệu quả.





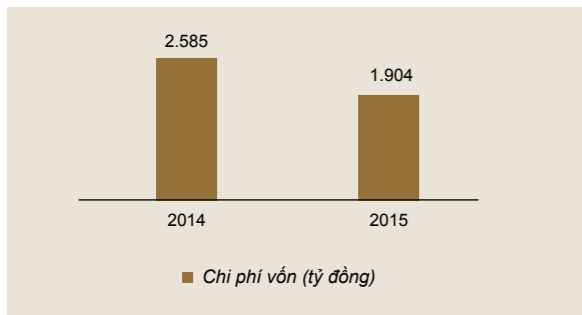
**Kỳ hạn nợ**

Việc tái cấu trúc các khoản vay hiện tại của Công ty thông qua phát hành trái phiếu 5 năm có tổng giá trị 8.100 tỷ đồng không chỉ làm giảm chi phí cấp vốn mà còn điều chỉnh kỳ hạn nợ phù hợp hơn với tầm nhìn dài hạn của Công ty. Trong tương lai, Công ty sẽ tiếp tục quản lý các khoản nợ cùng với việc chú trọng vào hiệu quả sản xuất và cải tiến về hoạt động kinh doanh của Công ty.



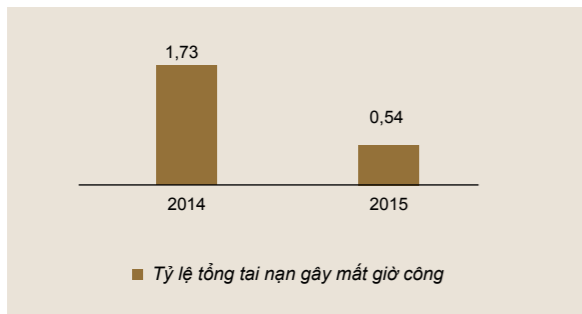
**Dòng tiền thuần từ hoạt động sản xuất kinh doanh**

Năm 2015 đánh dấu một năm dòng tiền từ hoạt động sản xuất kinh doanh giữ giá trị dương. Sự dịch chuyển sang dòng tiền có giá trị dương là nhờ những thay đổi tích cực về vốn lưu động và tăng lợi nhuận sau thuế. Năm 2016, Công ty dự định tiếp tục đàm phán với các đối tác nhằm cải thiện hơn nữa sự dịch chuyển vốn lưu động.



**Chi phí vốn**

Chi phí vốn năm 2015 giảm 681 tỷ đồng. Chi phí đầu tư của Công ty bao gồm chi phí xây dựng Nhà máy tinh luyện Vonfram, dự án phát triển đập đuôi quặng đang triển khai, cải dịch đường bộ và đường sắt, dự án cơ sở hạ tầng cộng đồng địa phương, và dự án cải tiến Nhà máy. Hầu hết các dự án đều đã hoàn thành trong năm, tuy nhiên, có một số dự án đem lại lợi nhuận cao sẽ được nghiệm thu vào nửa đầu năm 2016.



**Tỷ lệ tổng tai nạn được ghi nhận (TRIF)**

Tỷ lệ tổng tai nạn được ghi nhận (TRIF) là một chỉ số thể hiện xu hướng tai nạn gây mất giờ công lao động tính trên mỗi triệu giờ công. Chỉ số TRIF của Công ty đã cải thiện 69% trong năm 2015 với chỉ 0,54 tai nạn trên mỗi triệu giờ công lao động. Việc thực hiện nghiêm ngặt chính sách an toàn đã đem lại kết quả 13 triệu giờ công lao động không tai nạn gây mất giờ công tính đến cuối năm 2015. Mục tiêu của Công ty năm 2016 là tiếp tục thực hiện cam kết mạnh mẽ đảm bảo an toàn và sức khỏe người lao động như đã thể hiện trong chuẩn mực về bền vững của Công ty.

**Phân tích của Ban Giám đốc về kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh**

**Doanh thu**

Sau khi hạch toán doanh thu vận hành chạy thử Nhà máy tinh luyện Vonfram vào chi phí vốn hóa, doanh thu thuần báo cáo giảm 5,9%, từ 2.826 tỷ đồng năm 2014 xuống còn 2.658 tỷ đồng năm 2015. Để so sánh, cộng thêm doanh số vốn hóa, thì doanh số bán hàng tiền mặt tăng 11,9%, từ 2.826 tỷ đồng năm 2014 lên 3.163 tỷ đồng năm 2015. Mức tăng này đạt được là nhờ hoạt động sản xuất đạt sản lượng kỷ lục đối với tất cả các sản phẩm, với mức tăng quy về vonfram là 63% so với cùng kỳ. Kỷ lục về sản lượng được thiết lập nhờ vào sự gia tăng từ sản lượng quặng chế biến, từ tỷ lệ thu hồi kim loại và các thông số chính khác của Nhà máy; tất cả góp phần tăng sản lượng lên mức đủ để bù lại sự giảm giá trên thị trường đối với các sản phẩm của Công ty.

**Giá vốn hàng bán**

Mặc dù tăng lượng quặng chế biến, nhưng giá vốn hàng bán, theo tỷ lệ phần trăm doanh thu thuần, vẫn giảm xuống mức 71,3% năm 2015 so với mức 73,8% năm 2014. Điều này có nghĩa là, giá vốn hàng bán giảm 9,2%, từ 2.086 tỷ đồng năm 2014 còn 1.894 tỷ đồng năm 2015. Việc cắt giảm chi phí bán hàng được thực hiện nhờ vào hiệu quả hoạt động về sản xuất, các sáng kiến cải tiến lợi nhuận biên, đồng thời giá năng lượng và vật tư tiêu hao thấp.

**Tỷ suất lợi nhuận gộp**

Tổng lợi nhuận tăng 3,2% từ 740 tỷ đồng năm 2014 lên 764 tỷ đồng năm 2015 với lợi nhuận gộp biên tăng từ 26,2% năm 2014 lên 28,7% năm 2015. Mặc dù giá hàng hóa giảm, nhưng Công ty vẫn đạt tỷ suất lợi nhuận cao hơn bằng cách tăng quy mô, hiệu quả sản xuất và quản lý chi phí chặt chẽ.

**Chi phí bán hàng, quản lý doanh nghiệp**

Chi phí bán hàng tăng lên 160 tỷ đồng so với 92 tỷ đồng năm 2014 là do tăng cước vận chuyển và các chi phí khác liên quan tới sản lượng bán hàng lớn hơn.

Chi phí hành chính và chi phí chung giảm còn 248 tỷ đồng năm 2015 so với 281 tỷ đồng năm 2014 nhờ các biện pháp kiểm soát chi phí chặt chẽ thực hiện trong năm.

**Chi phí tài chính thuần**

Chi phí hoạt động tài chính thuần giảm xuống còn 279 tỷ đồng năm 2015 so với 586 tỷ đồng năm 2014 là nhờ khoản vay đã được đối trừ trong năm, đã một phần bù lại mức tăng lãi suất trả cho các ngân hàng và những người nắm giữ trái phiếu của Công ty.

**Lợi nhuận thuần sau thuế & Lợi nhuận thuần sau thuế phân bổ cho cổ đông**

Lợi nhuận thuần sau thuế của Masan Resources năm 2015 tăng hơn gấp đôi, đạt 84 tỷ đồng so với 36 tỷ đồng năm 2014, bất kể việc phải hợp nhất khoản lỗ từ Công ty Liên doanh. Công ty Liên doanh chỉ mới được nghiệm thu hoạt động trong năm 2015, do vậy chúng tôi kỳ vọng Công ty Liên doanh sẽ sớm đem lại những đóng góp tích cực.

Lợi nhuận thuần sau thuế phân bổ cho cổ đông tăng gấp ba, với 152 tỷ đồng năm 2015 so với 47 tỷ đồng năm ngoài.

**Hàng tồn kho**

Tính tới ngày 31 tháng 12 năm 2015, giá trị hàng tồn kho lên đến 1.084 tỷ đồng so với 654 tỷ đồng vào ngày 31 tháng 12 năm 2014. Mức tăng này chủ yếu là do tăng lượng tồn kho liên quan đến hoạt động chạy nghiệm thu Nhà máy tinh luyện Vonfram.

**Tài sản dài hạn**

Đến ngày 31 tháng 12 năm 2015, tài sản dài hạn của Công ty đã lên đến 24.118 tỷ đồng, tăng 4,6% so với mức 23.066 tỷ đồng vào cuối năm 2014. Mức tăng này chủ yếu là do 1.904 tỷ đồng chi phí đầu tư để xây dựng Nhà máy tinh luyện Vonfram, phát triển đập thải đuôi quặng, cải dịch đường bộ và đường sắt, các dự án cơ sở hạ tầng cộng đồng địa phương, các dự án cải tiến khác tại Nhà máy chế biến và một số dự án mở rộng.

**Tổng tài sản**

Tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2015, tổng tài sản tăng 6,0% đạt 26.608 tỷ đồng so với mức 25.106 tỷ đồng tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2014. Tổng tài sản tăng chủ yếu là do chi phí đầu tư và tăng lượng tồn kho.

**Nợ thuần**

Tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2015, nợ thuần tăng 1.774 tỷ đồng, lên mức 10.332 tỷ đồng so với cuối năm 2014 là 8.558 tỷ đồng. Mức nợ thuần tăng chủ yếu là do phát hành trái phiếu 5 năm để huy động 8.100 tỷ đồng để tái cấu trúc cho khoản nợ hiện tại, việc tiếp tục rút vốn để phục vụ cho vốn lưu động, và các khoản vay bởi công ty con từ đối tác liên doanh để xây dựng Nhà máy tinh luyện Vonfram và các yêu cầu vốn lưu động của công ty con.

**Vốn chủ sở hữu**

Vốn chủ sở hữu vào cuối năm 2015 lên đến 11.285 tỷ đồng, tăng 152 tỷ đồng so với tháng 12 năm 2014 là 11.133 tỷ đồng. Mức gia tăng vốn chủ sở hữu là nhờ mức lợi nhuận chưa phân phối cao hơn vào năm 2015.



## BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Trong năm 2015, chúng ta đã tiếp tục việc chuyển đổi thành công sang mô hình vận hành.

Kính thưa các Cổ đông,

Tôi rất vui mừng được điểm lại các kết quả hoạt động tiêu biểu trong năm 2015 như sau:

### Sản xuất

Tất cả các mặt hàng kinh doanh của Công ty đã đạt mức năng suất cao kỷ lục. Trên cơ sở quy đổi vonfram tương đương, sản lượng vonfram đã tăng hơn 63% so với năm trước. So với năm 2014, sản lượng vonfram và đồng đã tăng lần lượt là 24% và 31%. Việc gia tăng lượng quặng được chế biến, tỷ lệ thu hồi và các thông số quan trọng khác của nhà máy là kết quả của các dự án đầu tư có định hướng đã thực hiện trong năm, và các kết quả tốt hơn nữa được kỳ vọng sẽ thành hiện thực trong năm 2016.

Công ty liên doanh của Núi Pháo (**Liên doanh**) để sản xuất các sản phẩm giá trị gia tăng vonfram chất lượng cao như APT, BTO và YTO, đã chính thức đi vào sản xuất thương mại trong năm 2015 và đang trong quá trình đạt được công suất thiết kế. Việc sản xuất các sản phẩm giá trị gia tăng cũng là việc thực hiện cam kết của chúng ta với Chính phủ khi tiếp quản Dự án này vào năm 2010.

### Nhân lực

Tổng số nhân viên trực tiếp làm việc cho Công ty hiện nay là 1.475 người trong đó nhân viên là người nước ngoài chiếm 10% tổng số lao động của Công ty. Các nhà thầu của Công ty đang sử dụng khoảng 1.200 lao động. Trọng tâm và cam kết của chúng ta vẫn là tuyển dụng và đào tạo lực lượng lao động tại địa phương nơi thực hiện Dự án. Điều này đảm bảo Công ty có những nhân sự phù hợp với các kỹ năng phù hợp, đồng thời tạo điều kiện cho cộng đồng địa phương hưởng lợi từ Dự án.

### An toàn lao động

Tỷ lệ tổng tai nạn được ghi nhận và Tỷ lệ tai nạn gây mất giờ công, tính trên mỗi triệu giờ lao động của năm 2015, lần lượt là 0,54 (năm 2014 là 1,73) và 0,0 (năm 2014 là 0,13), đưa Công ty vào vị thế vững chắc trong nhóm các thông số an toàn tốt nhất thế giới, đây là điều mà tất cả Công ty và các cổ đông của Công ty đều thấy đáng tự hào. Việc quan tâm thường xuyên về công tác an toàn lao động của Công ty đã mang lại thành tích về an toàn lao động cho Núi Pháo là 13 triệu giờ lao động liên tục mà không xảy ra bất kỳ tai nạn nào gây mất giờ công, tính đến tháng 12 năm 2015.

### Trách nhiệm xã hội & môi trường

Trong năm 2015, Công ty tiếp tục tuân thủ và thực hiện các cam kết của Công ty về xã hội và môi trường đối với cộng

đồng, đồng thời tiếp tục vận hành theo phương thức bền vững và thân thiện với môi trường. Công trình cải dịch Đường bộ và Đường sắt đã được hoàn thành và đưa vào sử dụng. Đường dẫn vào các khu tái định cư Nam Sông Công và Hùng Sơn 3 cũng đã được hoàn thành. Việc xây dựng khu tái định cư Đồng Bông, 1,8 km đường Tân Linh và 370 m đường Suối Bát cũng đã được thực hiện. Công trình Nhà thờ Nam Sông Công và Nhà văn hóa tại xã Hà Thượng cũng đã được đưa vào sử dụng, đồng thời Nhà thờ Đồng Bông đã hoàn thành xong việc xây dựng. Một trạm xử lý nước thải mới tại khu mỏ, với công suất xử lý 500m<sup>3</sup> nước thải mỗi giờ, cũng đã được hoàn thành và đang trong quá trình chạy thử để nghiệm thu.

#### Gắn kết cộng đồng

Công ty liên tục và tích cực thực hiện các hoạt động hỗ trợ tới cộng đồng tại địa phương. Công ty đã thực hiện các khoản đóng góp lớn sau đây: Festival Chè Thái Nguyên và Festival Chè Đại Từ (1,538 tỷ đồng), 2,6 tỷ đồng đóng góp xây dựng cơ sở hạ tầng tại địa phương. Thông qua Ngân hàng Chính sách Xã hội, chỉ tính riêng trong năm 2015, khoản vốn vay giá trị 1 tỷ đồng đã được giải ngân cho 28 hộ gia đình bị ảnh hưởng, nâng tổng giá trị của Quỹ Phục hồi Kinh tế lên 4 tỷ đồng và 122 hộ gia đình được hưởng lợi. Cho đến nay, đã có 5 cơ sở kinh doanh địa phương được thành lập để cung cấp dịch vụ cho hoạt động của mỏ, tạo việc làm cho 109 người bị ảnh hưởng bởi Dự án. Thêm vào đó, phối hợp với tổ chức Công đoàn của Công ty, Công ty đã đóng góp tích cực và hỗ trợ cho “Quỹ vì người nghèo”, “Tết cho người nghèo”, “Xây dựng nhà tình nghĩa” và nhiều quỹ khác.

Bắt đầu từ năm 2015 và kéo dài cho đến khi kết thúc hoạt động của Dự án, Công ty đóng góp hàng năm một khoản tiền tương đương 22 tỷ đồng (theo tỷ giá chuyển đổi USD tương đương năm 2016) vào ngân sách tỉnh Thái Nguyên để phát triển các hoạt động kinh tế-xã hội và cơ sở hạ tầng tại địa phương. Thực hiện cam kết này, Công ty đã ứng trước vào ngân sách tỉnh Thái Nguyên số tiền cho giai đoạn từ 2015 đến 2018.

#### Tài chính

Việc Công ty đăng ký giao dịch trên sàn giao dịch UPCOM của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội đã nâng cao đáng kể vị thế của Công ty đối với các khách hàng và đối tác quốc tế. Công ty đã hợp tác chặt chẽ với các đối tác tài chính để bảo đảm rằng Công ty có được các hỗ trợ tài chính cho các hoạt động kinh doanh của Công ty ngay khi cần đến.

#### Ghi nhận công chúng

Trong năm 2015, chúng ta tự hào nhận được một số giải thưởng, đặc biệt là giải thưởng “Top 100 thương hiệu tiêu biểu của Giải thưởng Sao Vàng Đất Việt”. Giải thưởng này một lần nữa khẳng định năng lực cạnh tranh và uy tín của Công ty đối với trong nước và quốc tế.

#### Phát triển thương hiệu Masan Resources trên toàn cầu

Ban Giám đốc của Công ty tiếp tục tập trung vào việc phát triển Masan Resources trở thành thương hiệu toàn cầu. Công ty đã tổ chức thành công Hội nghị thường niên của Hiệp hội Công nghiệp Vonfram Thế giới (ITIA) tại Hà Nội vào tháng 9 năm 2015. Bản thân tôi đã được bổ nhiệm vào Ban Điều hành của ITIA.

Trong một vài quý tiếp theo, Ban Giám đốc của Công ty dự kiến tiếp tục thực hiện các cam kết của Công ty, đầu tư thời gian, công sức cho các khách hàng và phát triển các sản phẩm chất lượng ngày càng cao. Công ty dự kiến tiếp tục tăng cường sự tham gia của Công ty vào các diễn đàn về các kinh nghiệm thực tiễn tốt nhất và hợp tác với các viện nghiên cứu để phát huy hiệu quả công việc thông qua nâng cao sản lượng và thu hồi. Nhất quán các cam kết của mình, Công ty tiếp tục phát triển chương trình tái định cư và phục hồi kinh tế để bảo đảm rằng các lợi ích của dự án đều được chia sẻ với các cổ đông, những người dân bị ảnh hưởng trực tiếp bởi dự án và với cộng đồng địa phương.

## BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Kính thưa các Cổ đông,

Hội đồng quản trị (“**HĐQT**”) của Masan Resources xin trân trọng gửi đến Quý Cổ đông báo cáo đánh giá của HĐQT về hoạt động của Công ty trong năm 2015 như sau:

### 1. Đánh giá của HĐQT về hoạt động của Công ty

Tại Masan Resources, chúng ta tin tưởng rằng việc kiến tạo giá trị có thể đạt được từ việc khai mở “Kho báu Quốc gia” của Việt Nam, trong đó bao gồm cả tài nguyên thiên nhiên và tài nguyên con người. Khi chúng ta nói về tài nguyên thiên nhiên, chúng ta không chỉ nói về việc khai thác quặng để xuất khẩu, mà còn nói về việc tiến sâu hơn vào chuỗi giá trị để mang ngày càng nhiều kỹ thuật và bí quyết công nghệ về Việt Nam. Khi chúng ta nói về tài nguyên con người, chúng ta không chỉ xem con người Việt Nam là nguồn lao động có giá rẻ, mà còn là thế hệ kế cận của nhân tài, sáng tạo và đam mê mà sẽ là động lực để Việt Nam phát triển. Những niềm tin này củng cố cam kết của chúng ta trong việc phát triển và vận hành một hệ thống sản xuất vonfram hàng đầu thế giới và đào tạo nhân tài địa phương. Đây chính là điều mà chúng ta gọi là “khai mở” kho báu quốc gia của Việt Nam. Nếu Công ty thành công, chúng ta không chỉ tạo ra giá trị cho các cổ đông, mà còn phục vụ cho người dân Việt Nam.

Kể từ năm 2010, Công ty đã thấy được cơ hội để xây dựng một mỏ có tầm ảnh hưởng toàn cầu thông qua việc tiếp nhận chuyển giao quyền kiểm soát mỏ Núi Pháo. Kể từ thời điểm đó, Công ty đã bắt tay với các đối tác có đẳng cấp thế giới để thiết kế, xây dựng và bắt đầu vận hành trong thời gian ngắn kỷ lục - chỉ có ba năm. Lô sản phẩm đầu tiên đã được giao tới khách hàng vào quý 3 năm 2013. Mỏ hiện nay đã đi vào sản xuất thương mại và đang hoạt động tối đa công suất.

Công ty đang áp dụng các tiêu chuẩn tốt nhất về môi trường, an toàn và cộng đồng. Liên quan đến môi trường, Công ty áp dụng các hướng dẫn về bảo vệ môi trường của IFC và Ngân hàng Thế giới, đồng thời nghiêm túc tuân thủ các quy định áp dụng của Việt Nam. Đối với an toàn, Công ty đạt được kết quả an toàn ở tầm cỡ thế giới với mức không có tai nạn tử vong và không có tai nạn gây mất ngày công trong suốt 24 tháng vừa qua. Tái định cư cho cộng đồng cũng đạt được ấn tượng với

việc tuân thủ Các nguyên tắc Xích đạo - vốn được coi là tiêu chuẩn vàng trong ngành công nghiệp.

Trong năm 2015, Công ty đã tiếp tục củng cố các giá trị cốt lõi và đạt được những dấu mốc thành công để tiếp tục hướng đến việc xây dựng một thương hiệu hoạt động đẳng cấp thế giới.

Để có thể liên tiếp đạt được hiệu quả vượt trội từ tất cả các hoạt động kinh doanh, Công ty tiếp tục đầu tư phát triển đội ngũ nhân viên. Ghi nhận rằng việc vận hành là chìa khóa đến thành công, Công ty đã phát triển một đội ngũ các chuyên gia công nghiệp khai khoáng quốc tế giàu kinh nghiệm. Đến cuối năm 2015, đội ngũ vận hành của Công ty rất đa dạng và được đào tạo bài bản, với các nhân viên đến từ 17 quốc gia, 44% trong số này có bằng cấp từ đại học trở lên.

Công ty Liên doanh - chuyên sản xuất các sản phẩm vonfram chất lượng cao, đã bắt đầu xây dựng nhà máy sản xuất các hóa chất vonfram trong năm 2014. Đến tháng 4 năm 2015, lò hàng APT đầu tiên đã được sản xuất thành công, và kể từ đó Nhà máy đã được nghiệm thu hoàn thành và sản xuất các sản phẩm APT, YTO và BTO chất lượng cao.

Là mỏ khai thác khoáng sản áp dụng các tiêu chuẩn tốt nhất về môi trường, an toàn và cộng đồng.



Nhà máy chế biến sâu đã được nghiệm thu hoàn thành và sản xuất các sản phẩm chất lượng cao APT, YTO và BTO.

Việc Công ty đăng ký giao dịch cổ phiếu trong tháng 9 năm 2015 trên sàn UPCOM của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội đã đưa Công ty trở thành một trong những công ty sản xuất vonfram được niêm yết lớn nhất trên thế giới ngoài Trung Quốc. Thành công này đã nâng cao đáng kể vị thế của Công ty với các khách hàng và đối tác quốc tế, cũng như thắt chặt hơn mối quan hệ của Công ty đối với các cổ đông.

Trách nhiệm xã hội vẫn là một phần không tách rời trong chiến lược phát triển và tăng trưởng bền vững của Công ty. Công ty đã hoàn thành việc xây dựng một trạm xử lý nước thải mới tại Mỏ vào tháng 8 năm 2015. Trạm xử lý nước thải này với công suất xử lý 500m<sup>3</sup> nước thải mỗi giờ, hiện đang trong quá trình nghiệm thu. Trạm xử lý nước thải này sẽ tiếp tục hỗ trợ giảm thiểu các tác động từ hoạt động vận hành của Công ty đến môi trường và cộng đồng dân cư xung quanh.

HĐQT đã hoàn thành các nhiệm vụ của mình trong việc xem xét và phê duyệt các nghị quyết về hoạt động của Công ty và các công ty con. Trong năm 2015, tất cả các thành viên của HĐQT không nhận bất kỳ khoản thù lao nào cho các nghĩa vụ của họ với tư cách là thành viên của HĐQT và không có bất kỳ chi phí nào cho hoạt động của HĐQT.

## 2. Đánh giá của HĐQT về hoạt động của Ban Giám đốc của Công ty

Ban Giám đốc tiếp tục quản lý Công ty một cách xứng đáng với niềm tin tuyệt đối của HĐQT. Tổng Giám đốc và các chức danh quản lý khác đã hoàn thành các nhiệm vụ và chức năng của mình trong năm 2015, cũng như đã thi hành đầy đủ tất cả các nghị quyết của Đại Hội đồng Cổ đông.

Liên quan đến chương trình bồi thường và tái định cư, Ban Giám đốc đã thực hiện các cam kết của Công ty tới cộng đồng địa phương, bao gồm hoàn thiện xây dựng Nhà thờ Nam Sông Công, Nhà văn hóa tại xã Hà Thượng, và cải dịch đường bộ và đường sắt gần khu vực mỏ Núi Pháo.

Ban Giám đốc cũng đang đầu tư thời gian và tập trung làm việc với các khách hàng để phát triển các sản phẩm chất lượng ngày càng cao, tham gia vào các diễn đàn về kinh nghiệm thực tiễn tốt nhất, hợp tác với các viện nghiên cứu để tiếp tục nâng cao hiệu quả hoạt động. Tất cả những điều này đã chứng nhận những nỗ lực của Ban Giám đốc trong việc bảo đảm việc tăng trưởng liên tục của Công ty.

## 3. Kế hoạch và định hướng của HĐQT

Mục tiêu của Công ty là cho thế giới thấy rằng một công ty Việt Nam có thể dẫn dắt sự thay đổi của thị trường Vonfram toàn cầu. Nếu chúng ta thành công, chúng ta có thể nói rằng Masan Resources đã thực sự khai mở “kho báu quốc gia” của Việt Nam vì lợi ích của các cổ đông và của Việt Nam.



## BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ CỦA BAN KIỂM SOÁT

Kính thưa các Cổ đông,

Căn cứ chức năng và nhiệm vụ của Ban Kiểm soát được quy định trong Điều lệ của Công ty Cổ phần Tài nguyên Ma San (**Công ty**), Ban Kiểm soát xin báo cáo hoạt động của Ban Kiểm soát trong năm 2015 với các nội dung như sau:

### I. Hoạt động của Ban Kiểm soát trong năm 2015

1. Giám sát và kiểm tra việc quản lý và thực hiện các hoạt động của Công ty trong năm 2015 của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc; Kiểm tra tính hợp pháp, hợp lý của các hoạt động của Công ty trong năm 2015 theo các nghị quyết của Đại Hội đồng Cổ đông năm 2015.
2. Kiểm tra và giám sát việc ban hành các nghị quyết và quyết định của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc.
3. Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong việc tổ chức công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính.

Thành viên Ban Kiểm soát không nhận thù lao khi thực hiện nhiệm vụ với tư cách là thành viên của Ban Kiểm soát và hoạt động của Ban Kiểm soát không phát sinh bất kỳ chi phí hoạt động nào.

### II. Kết quả hoạt động kiểm tra và giám sát của Ban Kiểm soát về các hoạt động của Công ty

#### 1. Về tình hình tài chính, kế toán của Công ty:

Ban Kiểm soát xác nhận các số liệu tài chính được đưa ra trong Báo cáo của Hội đồng Quản trị trình Cuộc họp Đại Hội đồng Cổ đông thường niên năm 2016 là thể hiện trung thực tình hình kế toán tài chính hiện tại của Công ty và các công ty con của Công ty.

Những số liệu chính về tình hình tài chính đến ngày 31/12/2015:

**Bảng 1: Bảng cân đối kế toán**

	Tập đoàn		Công ty	
	31/12/2015 Nghìn VNĐ	1/1/2015 Nghìn VNĐ	31/12/2015 Nghìn VNĐ	1/1/2015 Nghìn VNĐ
<b>TÀI SẢN</b>				
<b>Tài sản ngắn hạn</b>	<b>2.490.177.582</b>	<b>2.040.557.416</b>	<b>552.795</b>	<b>54.563.508</b>
Tiền và các khoản tương đương tiền	372.014.377	136.442.647	497.795	54.478.808
Đầu tư tài chính ngắn hạn	2.100.000	-	-	-
Các khoản phải thu - ngắn hạn	747.080.504	982.814.499	55.000	84.700
Hàng tồn kho	1.084.398.392	653.671.833	-	-
Tài sản ngắn hạn khác	286.684.309	267.628.437	-	-
<b>Tài sản dài hạn</b>	<b>24.117.529.315</b>	<b>23.065.736.511</b>	<b>10.079.094.084</b>	<b>11.087.179.134</b>
Các khoản phải thu – dài hạn	1.401.308.413	1.421.346.690	4.938.758.511	5.946.843.561
Tài sản cố định	16.902.122.433	17.347.633.391	-	-
Tài sản dở dang dài hạn	3.994.917.610	3.185.593.593	-	-
Đầu tư tài chính dài hạn	-	-	5.140.335.573	5.140.335.573
Tài sản dài hạn khác	1.819.180.859	1.111.162.837	-	-
<b>TỔNG TÀI SẢN</b>	<b>26.607.706.897</b>	<b>25.106.293.927</b>	<b>10.079.646.879</b>	<b>11.141.742.642</b>
<b>NGUỒN VỐN</b>				
<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>15.012.572.488</b>	<b>13.595.481.547</b>	<b>718.158.182</b>	<b>1.740.370.825</b>
Nợ ngắn hạn	3.971.178.995	2.653.866.107	65.834.559	381.818.469
Nợ dài hạn	11.041.393.493	10.941.615.440	652.323.623	1.358.552.356
<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>11.595.134.409</b>	<b>11.510.812.380</b>	<b>9.361.488.697</b>	<b>9.401.371.817</b>
<b>TỔNG NGUỒN VỐN</b>	<b>26.607.706.897</b>	<b>25.106.293.927</b>	<b>10.079.646.879</b>	<b>11.141.742.642</b>

## 2. Về tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty

Trong năm 2015, Ban Kiểm soát không thấy bất kỳ dấu hiệu bất thường nào trong hoạt động kinh doanh của Công ty. Các hoạt động của Công ty đều tuân thủ đúng Điều lệ của Công ty, Luật Doanh nghiệp và các quy định khác của pháp luật.

Kết quả sản xuất kinh doanh và số liệu kế toán đã được kiểm tra chặt chẽ, đảm bảo tính chính xác và hợp pháp trong việc ghi chép số liệu.

Công ty tuân thủ chặt chẽ tất cả các quy định hiện hành về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Số liệu về kết quả kinh doanh cho năm kết thúc ngày 31/12/2015:

**Bảng 2: Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh**

	Tập đoàn		Công ty	
	2015 Nghìn VNĐ	2014 Nghìn VNĐ	2015 Nghìn VNĐ	2014 Nghìn VNĐ
<b>Lợi nhuận/(lỗ) thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>76.729.078</b>	<b>(219.176.554)</b>	<b>(39.883.120)</b>	<b>(45.354.708)</b>
<b>Kết quả từ các hoạt động khác</b>	<b>(18.169.622)</b>	<b>226.898.465</b>	<b>-</b>	<b>(498.348)</b>
<b>Lợi nhuận/ (lỗ) trước thuế</b>	<b>58.559.456</b>	<b>7.721.911</b>	<b>(39.883.120)</b>	<b>(45.853.056)</b>
<b>Chi phí thuế TNDN hiện hành</b>	<b>113.525</b>	<b>(6.953.138)</b>	<b>-</b>	<b>(8.501.985)</b>
<b>Lợi ích thuế TNDN hoãn lại</b>	<b>(25.876.098)</b>	<b>(20.978.465)</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Lợi nhuận/ (lỗ) sau thuế</b>	<b>84.322.029</b>	<b>35.653.514</b>	<b>(39.883.120)</b>	<b>(37.351.071)</b>
<b>Phân bổ cho:</b>				
Chủ sở hữu của Công ty	152.135.747	46.676.208	-	-
Cổ đông không kiểm soát	(67.813.718)	(11.022.694)	-	-



### 3. Về công tác quản trị và điều hành

#### a. Hội đồng Quản trị

Ban Kiểm soát nhận thấy rằng Hội đồng Quản trị đã thực hiện đầy đủ trách nhiệm quản lý của mình tuân thủ đúng Điều lệ của Công ty, các Nghị quyết của Đại Hội đồng Cổ đông, Luật Doanh nghiệp và các quy định khác của pháp luật.

Hội đồng Quản trị đã thực hiện hợp lệ tất cả các nghị quyết của Đại Hội đồng Cổ đông trong năm 2015.

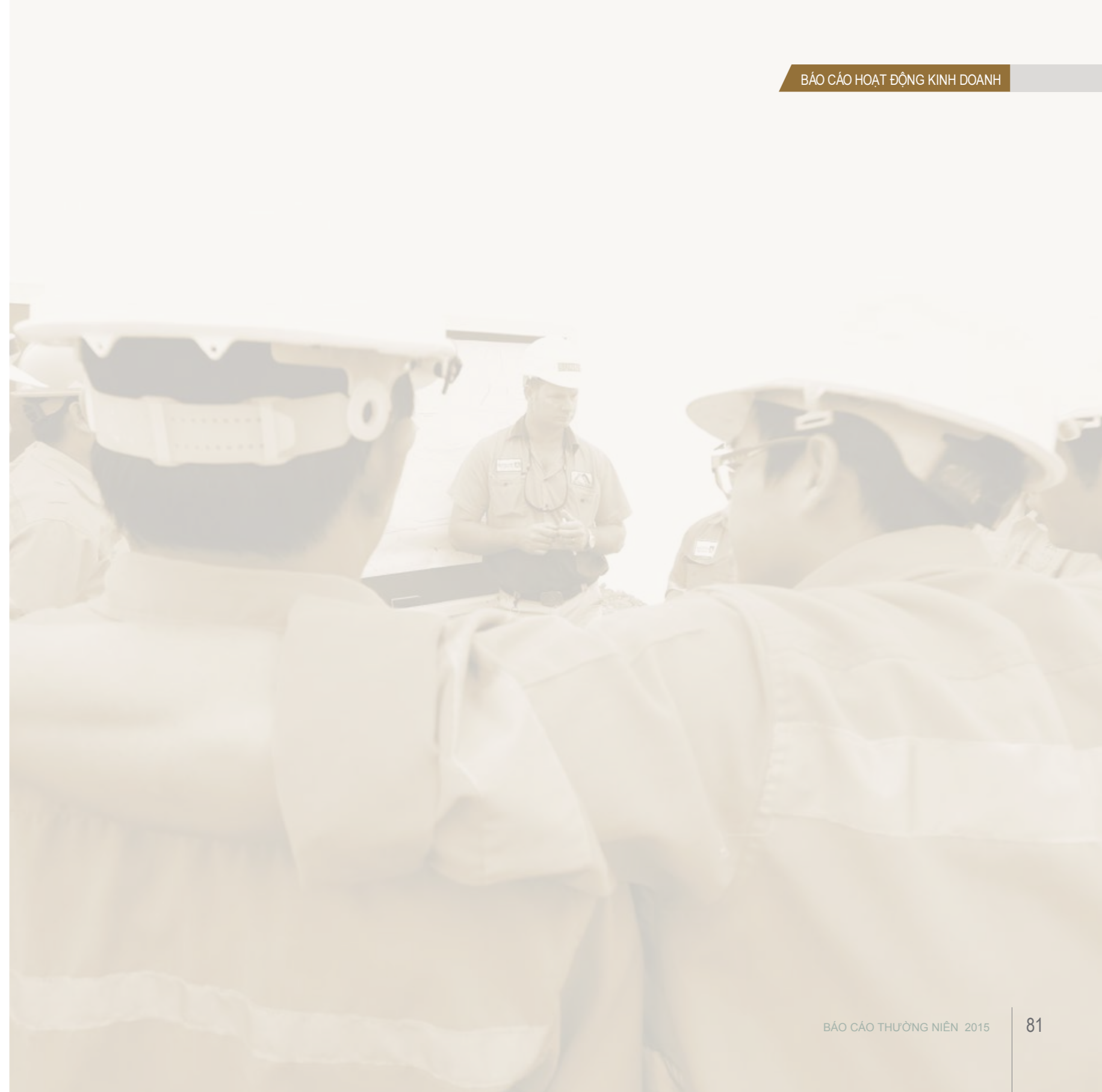
Các nghị quyết của Hội đồng Quản trị đã được ban hành tuân thủ thẩm quyền của Hội đồng Quản trị và nội dung của các nghị quyết này tuân thủ Điều lệ của Công ty, các Nghị quyết của Đại Hội đồng Cổ đông, Luật Doanh nghiệp, và các quy định khác của pháp luật.

#### b. Ban Giám đốc

Ban Kiểm soát nhận thấy rằng Ban Giám đốc đã thực hiện các hoạt động kinh doanh của Công ty có hiệu quả và tuân thủ đúng các nghị quyết của Hội đồng Quản trị.

### III. Kết luận

Các hoạt động của Công ty trong năm qua tuân thủ đúng Điều lệ của Công ty, Luật Doanh nghiệp, các quy định liên quan và chấp hành đúng các nghị quyết của Đại Hội đồng Cổ đông và các nghị quyết của Hội đồng Quản trị.



## BÁO CÁO QUẢN TRỊ CÔNG TY

Công ty Cổ phần Tài nguyên Ma Sơn (**Công ty**) xin báo cáo tình hình quản trị Công ty như sau:

### I. Hội đồng Quản trị

#### 1. Các thành viên và cơ cấu của Hội đồng Quản trị (HĐQT)

STT	Họ tên	Chức danh	Ngày bổ nhiệm	Số cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ cổ phần nắm giữ
1	TS. Nguyễn Đăng Quang	Chủ tịch	Bổ nhiệm theo Nghị quyết số 057/NQ-ĐHĐCĐ-13 của Đại Hội đồng Cổ đông ngày 18 tháng 02 năm 2013	0	0%
2	Ông Nguyễn Thiệu Nam	Thành viên	Bổ nhiệm theo Nghị quyết số 057/NQ-ĐHĐCĐ-13 của Đại Hội đồng Cổ đông ngày 18 tháng 02 năm 2013	714.286	0,099%
3	Ông Chetan Prakash Baxi	Thành viên	Bổ nhiệm theo Nghị quyết số 377/2013/NQ-ĐHĐCĐ của Đại Hội đồng Cổ đông ngày 20 tháng 12 năm 2013	0	0%
4	Ông Jonathan David Fiorello	Thành viên	Bổ nhiệm theo Nghị quyết số 237/2014/NQ-ĐHĐCĐ của Đại Hội đồng Cổ đông ngày 06 tháng 11 năm 2014	144.166.284	20,039%

#### 2. Thành viên độc lập trong Hội đồng Quản trị của Công ty

- (i) Ông Nguyễn Thiệu Nam; và
- (ii) Ông Chetan Prakash Baxi.



## 3. Chức danh của các thành viên HĐQT trong các Công ty khác

## (i) Các chức danh của TS. Nguyễn Đăng Quang trong các Công ty khác

Stt	Tên Công ty	Chức danh	Địa chỉ Công ty	Số đăng ký của Công ty	Ngày cấp	Cơ quan cấp
1	Công ty Cổ phần Masan	Chủ tịch HĐQT	Phòng 802, tầng 8, tòa nhà Central Plaza, 17 Lê Duẩn, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh	0302100924	13/9/2000	Sở KHĐT TP. Hồ Chí Minh
2	Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan	Chủ tịch HĐQT	Phòng 802, tầng 8, tòa nhà Central Plaza, 17 Lê Duẩn, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh	0303576603	18/11/2004	Sở KHĐT TP. Hồ Chí Minh
3	Công ty Cổ phần Hàng Tiêu Dùng Masan	Chủ tịch HĐQT	Tầng 12, Tòa nhà Kumho Asiana Saigon, 39 Lê Duẩn, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh	0302017440	31/5/2000	Sở KHĐT TP. Hồ Chí Minh
4	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ thương Việt Nam (Techcombank)	Thành viên HĐQT	Tòa nhà Techcombank, 191 Bà Triệu, quận Hai Bà Trưng, TP. Hà Nội	0100230800	7/9/1993	Sở KHĐT TP. Hà Nội
5	Công ty TNHH Masan (US) LLC	Chủ tịch	8700 Reseda Blvd., Num 220, Northridge, CA 91324, USA	200824710234	3/9/2008	USA
6	Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo	Chủ tịch HĐQT	Xóm 2, xã Hà Thượng, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên	4600864513	5/7/2010	Sở KHĐT tỉnh Thái Nguyên

## (ii) Các chức danh của Ông Nguyễn Thiệu Nam trong các Công ty khác

STT	Tên Công ty	Chức danh	Địa chỉ Công ty	Số đăng ký của Công ty	Ngày cấp	Cơ quan cấp
1	Công ty Cổ phần Bất động sản Masan	Chủ tịch HĐQT	Phòng 5, Trung tâm Giao dịch Thương mại Etown, số 364 Cộng Hòa, phường 13, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh	0302421325	28/9/2001	Sở KHĐT TP. Hồ Chí Minh
2	Công ty Cổ phần Masan	Thành viên HĐQT	Phòng 802, tầng 8, tòa nhà Central Plaza, 17 Lê Duẩn, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh	0302100924	13/9/2000	Sở KHĐT TP. Hồ Chí Minh
3	Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan	Thành viên HĐQT	Phòng 802, tầng 8, tòa nhà Central Plaza, 17 Lê Duẩn, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh	0303576603	18/11/2004	Sở KHĐT TP. Hồ Chí Minh
4	Công ty Cổ phần Xây dựng số 3 Hải Phòng	Thành viên HĐQT	Tầng 3, tòa nhà Htower II số 195 Văn Cao, phường Đằng Giang, Quận Ngô Quyền, TP. Hải Phòng	0200509429	25/12/2002	Sở KHĐT TP. Hải Phòng
5	Công ty Cổ phần Tập đoàn Baltic Titan	Thành viên HĐQT	634/1 Bắc Kạn, Tổ 16, phường Hoàng Văn Thụ, TP. Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên	1703000328	21/11/2007	Sở KHĐT tỉnh Thái Nguyên
6	Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo	Thành viên HĐQT	Xóm 2, xã Hà Thượng, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên	4600864513	5/7/2010	Sở KHĐT tỉnh Thái Nguyên
7	Công ty TNHH MTV Xây dựng Hoa Hường Dương	Chủ tịch Công ty	Phòng 802, tầng 8, tòa nhà Central Plaza, 17 Lê Duẩn, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh	0305340360	10/8/2009	Sở KHĐT TP. Hồ Chí Minh
8	Công ty TNHH Masan-ConsumerHoldings	Chủ tịch Công ty	Phòng 802, tầng 8, tòa nhà Central Plaza, 17 Lê Duẩn, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh	0309269038	6/8/2009	Sở KHĐT TP. Hồ Chí Minh
9	Công ty TNHH MTV Masan Brewery	Chủ tịch Công ty	Phòng 802, tầng 8, tòa nhà Central Plaza, 17 Lê Duẩn, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh	0309268926	6/8/2009	Sở KHĐT TP. Hồ Chí Minh
10	Công ty TNHH MTV Masan Brewery Distribution	Chủ tịch Công ty	Tầng 10, tòa nhà Central Plaza, 17 Lê Duẩn, quận 1, TP. Hồ Chí Minh	0313132445	9/2/2015	Sở KHĐT TP. Hồ Chí Minh
11	Công ty Cổ phần Nước khoáng Quảng Ninh	Chủ tịch HĐQT	Tổ 3A, Khu 4, phố Suối Mơ, phường Bãi Cháy, TP. Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh	5700379618	01/9/2004	Sở KHĐT tỉnh Quảng Ninh

**4. Các ủy ban của Hội đồng Quản trị**

Hội đồng Quản trị của Công ty không thành lập ủy ban nào.

**5. Hoạt động của Hội đồng Quản trị****(i) Cuộc họp Hội đồng Quản trị**

STT	Thành viên Hội đồng Quản trị	Chức danh	Số cuộc họp tham dự	Tỷ lệ
1	TS. Nguyễn Đăng Quang	Chủ tịch	04	100%
2	Ông Nguyễn Thiều Nam	Thành viên	04	100%
3	Ông Chetan Prakash Baxi	Thành viên	04	100%
4	Ông Jonathan David Fiorello	Thành viên	04	100%

**(ii) Nghị quyết do Hội đồng Quản trị ban hành**

STT	Số Nghị quyết	Ngày	Các nội dung chính
1	70/2015/NQ-HĐQT	23/3/2015	Phê duyệt việc tổ chức cuộc họp Đại Hội đồng Cổ đông thường niên năm 2015, và ủy quyền cho Chủ tịch HĐQT quyết định thời gian, địa điểm, và các vấn đề trình bày tại cuộc họp Đại Hội đồng Cổ đông thường niên năm 2015 để thảo luận và phê duyệt.
2	160/2015/NQ-HĐQT	20/4/2015	Phê duyệt việc miễn nhiệm Giám đốc Tài chính đương nhiệm và bổ nhiệm Giám đốc Tài chính mới.
3	175/2015/NQ-HĐQT	14/5/2015	Phê duyệt việc tổ chức cuộc họp Đại Hội đồng Cổ đông bất thường.

**(iii) Các hoạt động của thành viên Hội đồng Quản trị độc lập không điều hành**

Tuân thủ các chính sách của Công ty.

**(iv) Danh sách các thành viên Hội đồng Quản trị tham gia các chương trình về quản trị Công ty: Không.****II. Ban Kiểm soát****1. Thành viên và cơ cấu của Ban Kiểm soát**

STT	Họ tên	Chức danh	Số cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ
1	Bà Đoàn Thị Mỹ Duyên	Trưởng Ban Kiểm soát	0	0
2	Ông Lê Thanh Tùng	Thành viên	135	0,00%
3	Ông Đặng Ngọc Cả	Thành viên	0	0

**2. Hoạt động của Ban Kiểm soát: Tuân thủ Điều lệ và các quy định của Công ty**

STT	Số Nghị quyết	Ngày	Các nội dung chính
1	239/2015/NQ-B	5/5/2015	Phê duyệt việc bổ nhiệm Trưởng Ban Kiểm soát

**III. Ban Giám đốc**

STT	Họ tên	Chức danh	Số cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ
1	Ông Dominic John Heaton	Tổng Giám đốc	8.420.857	1,17%
2	Ông Wayne Frank Apted	Giám đốc Tài chính	0	0

#### IV. Thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc và Ban Kiểm soát

- Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát: không có thù lao hoặc lợi ích nào được chi trả cho bất kỳ thành viên nào của Hội đồng Quản trị hoặc của Ban Kiểm soát. Hơn nữa, hoạt động của Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát không phát sinh chi phí nào.
- Ban Giám đốc: Thành viên của Ban Giám đốc nhận thù lao theo quy định của Công ty. Phụ thuộc vào sự đánh giá và chấp thuận của Hội đồng Quản trị, thưởng theo kết quả thực hiện công việc của thành viên Ban Giám đốc lên đến 40% của khoản lương cố định hàng năm với điều kiện là Công ty đạt được các chỉ tiêu kết quả kinh doanh và từng thành viên Ban Giám đốc đạt được chỉ tiêu kết quả công việc, và với điều kiện là Công ty có thể chi trả được.

STT	Họ tên	Chức danh	Lương %	Thưởng %	Phụ cấp %	Tổng %
1	Ông Dominic John Heaton	Tổng Giám đốc	59,18	0,00	40,82	100
2	Ông Wayne Frank Apted	Giám đốc Tài chính	43,35	1,73	54,91	100

- Thông tin về giao dịch cổ phiếu của thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng, Thư ký Công ty, cổ đông lớn và những người liên quan: Không có giao dịch.
- Thông tin về hợp đồng hoặc giao dịch mà đã được ký kết hoặc đã được thực hiện trong năm với Công ty, các công ty con, các công ty mà Công ty nắm quyền kiểm soát của thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc, các cán bộ quản lý và những người liên quan tới các đối tượng nói trên: Không có.
- Việc thực hiện các quy định về quản trị Công ty: Tuân thủ Điều lệ và các quy định của Công ty.



## BÁO CÁO QUẢN LÝ NHÂN SỰ

### Nhân sự

Tổng số nhân viên và mức thu nhập bình quân

	2011	2012	2013	2014	2015
Tổng số nhân viên	279	537	1.281	1.349	1.475
Trong đó:					
- Nhân sự người Việt Nam	248	455	1.130	1.218	1.335
- Nhân sự người nước ngoài	31	82	151	131	140
Thu nhập bình quân/tháng (triệu đồng) của người Việt Nam	10,0	11,0	8,7	9,7	10,2

### Điều kiện làm việc

#### Thời gian làm việc tại Masan Resources

Thời giờ làm việc tiêu chuẩn của Công ty là 8 giờ theo quy định đối với các công việc thông thường, và 6 giờ đối với các công việc đặc biệt nặng nhọc, độc hại và nguy hiểm. Do đặc thù hoạt động sản xuất của nhà máy chế biến liên tục 24 giờ/ngày, 365 ngày/năm nên Công ty thống nhất với Công đoàn Cơ sở tổ chức làm việc theo ca và nghỉ bù hợp lý trên cơ sở tổng số giờ làm trong ngày hoặc trong tuần không vượt quá số giờ tối đa theo quy định của Nhà nước.

#### Tổng số giờ làm thêm

#### Điều kiện làm việc

	Điều kiện làm việc		
	Bình thường	Nặng nhọc nguy hiểm	Đặc biệt nặng nhọc nguy hiểm
Số giờ làm thêm/ngày	≤ 4 giờ	≤ 4 giờ	≤ 3 giờ
Tổng số giờ làm thêm /tuần	≤ 16 giờ	≤ 16 giờ	≤ 12 giờ
Tổng số giờ làm thêm trong 4 ngày liên tiếp	≤ 14 giờ	≤ 14 giờ	≤ 10 giờ

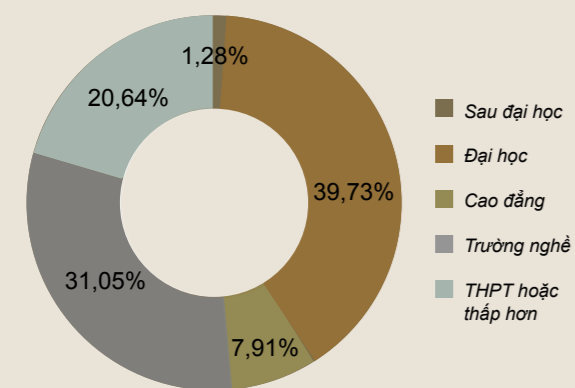
#### Môi trường làm việc

Công ty đảm bảo ở mức tốt nhất có thể để nhân viên được làm việc trong một môi trường làm việc an toàn và vệ sinh thông qua việc trang bị đầy đủ thiết bị bảo hộ, hướng dẫn an toàn lao động cho toàn thể nhân viên, và cho từng công việc cụ thể, đồng thời áp dụng các quy định, quy trình chuẩn về an toàn và vệ sinh lao động phù hợp với hoạt động của Công ty.

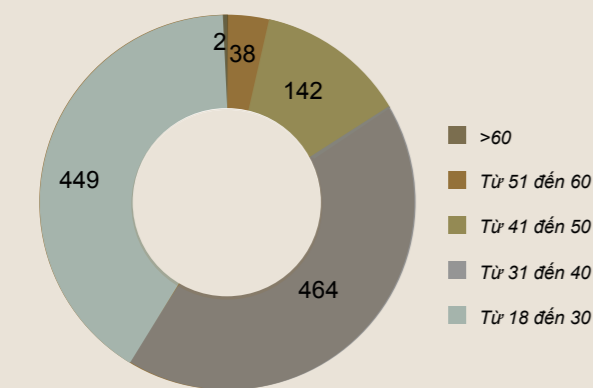
#### Nội quy Lao động

Nhận thức rằng Nội quy Lao động là qui định pháp lý quan trọng nhằm cụ thể hóa Luật Lao động và lồng ghép các định hướng, quy định mà người lao động phải tuân thủ. Nội quy Lao động của Công ty đã được xây dựng từ năm 2011 và lần lượt được sửa đổi bổ sung trong năm 2013 và 2014. Nội quy Lao động đã được Sở Lao động Thương binh và Xã hội tỉnh Thái Nguyên phê duyệt để áp dụng.

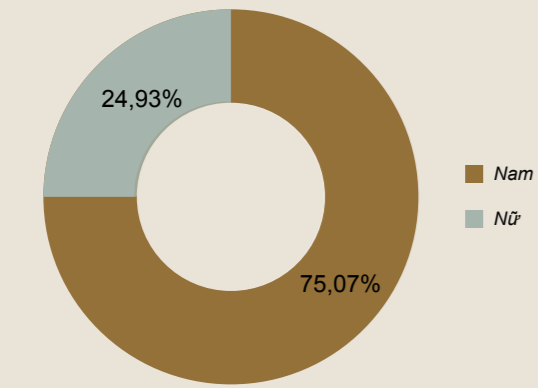
Tỷ lệ lao động 2015 phân loại theo trình độ học vấn



Tỷ lệ lao động 2015 phân loại theo độ tuổi



Tỷ lệ lao động 2015 phân loại theo giới tính



**Phụ cấp**

Tùy thuộc vào địa điểm làm việc, mức độ khan hiếm lao động trên thị trường, tầm quan trọng của vị trí công việc, và đặc thù cụ thể của công việc, một số các phụ cấp sau sẽ được áp dụng linh hoạt để thu hút người lao động có năng lực đến làm việc cho Công ty:

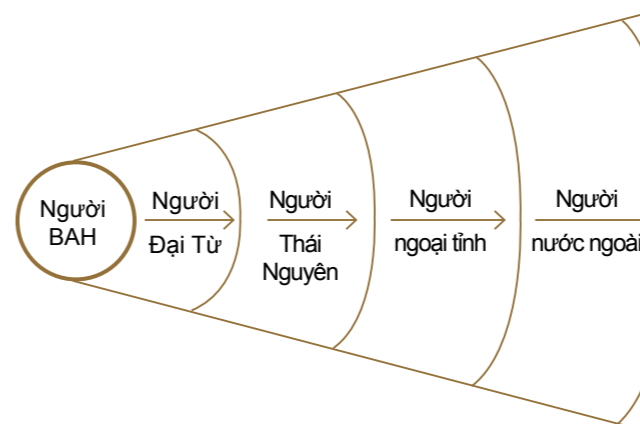
- Trợ cấp sinh hoạt
- Trợ cấp chỗ ở và ăn uống
- Chi phí chuyển đồ
- Vé tàu, xe và máy bay
- Học phí cho con em người lao động
- Trợ cấp khu vực làm việc
- Phí điện thoại

**Tuyển dụng**

Để triển khai thực hiện dự án mỏ Núi Pháo, Công ty đã thực hiện di dời và tái định cư qui mô lớn. Những người dân bị ảnh hưởng bởi Dự án đều được coi là một trong những đối tác cần được quan tâm của Công ty. Để thực hiện một trong những cam kết của Công ty đối với cộng đồng địa phương, Công ty đã xây dựng chính sách tuyển dụng và sử dụng người dân bị ảnh hưởng sao cho người dân được tiếp cận tất cả các cơ hội việc làm tại Công ty. Thứ tự ưu tiên được Công ty áp dụng chặt chẽ như sau:

- Người lao động đã và đang làm việc cho Công ty (chỉ áp dụng cho người lao động đã làm việc cho Công ty ít nhất một năm, các trường hợp ngoại trừ chỉ được phép khi có sự phê duyệt của Trưởng Bộ phận Quản lý trực tiếp);
- Là người bị ảnh hưởng trực tiếp hoặc gián tiếp bởi Dự án (BAH);
- Là người đang sinh sống tại huyện Đại Từ;
- Là người đang sinh sống tại tỉnh Thái Nguyên;
- Là người đến từ các tỉnh khác của nước Việt Nam;
- Người lao động đến từ các quốc gia khác.

**Phân cấp tuyển dụng**



Tính đến cuối năm 2015, lực lượng lao động tại Công ty được phân bổ như sau: 62% là người Đại Từ, 13% là người Thái Nguyên, 15% là người từ các tỉnh khác của Việt Nam và 10% là người nước ngoài.

**Lương và bảo hiểm**

Masan Resources duy trì chính sách lương cạnh tranh để giữ chân người lao động hiện đang làm việc cho Công ty đồng thời thu hút người có năng lực từ bên ngoài. Để nắm bắt được thị trường lao động, Công ty đã tham chiếu các khảo sát về tiền lương do các công ty chuyên nghiệp như Hay, Tower Watson và Mercer... thực hiện, đồng thời đăng ký nhận các báo cáo khảo sát lương hàng năm hoặc các báo cáo cụ thể đối với một số vị trí công việc. Dựa theo các chỉ số đo lường tại thị trường, Công ty thực hiện các điều chỉnh về tiền lương để phù hợp theo xu hướng toàn cầu. Masan Resources luôn tuân thủ các quy định của Nhà nước và thực hiện đầy đủ các trách nhiệm đóng góp bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp cho toàn thể người lao động. Tính đến nay không xảy ra bất kỳ khiếu nại nào của người lao động đang hoặc đã từng làm việc cho Công ty liên quan đến các quyền lợi trên. Bên cạnh đó, Công ty còn hỗ trợ thêm bảo hiểm y tế 24 giờ, bảo hiểm tai nạn cho toàn thể nhân viên, bao gồm cả người thân của họ.

**Chính sách khen thưởng**

Công ty đặt ra chính sách khen thưởng trên cơ sở tình hình tài chính của Công ty. Trong điều kiện kinh doanh tốt và với điều kiện nhân viên làm việc cho Công ty từ 12 tháng trở lên, mức thưởng theo kết quả thực hiện công việc được áp dụng như sau:

- Kết quả thực hiện công việc ở mức yếu: không có thưởng
- Kết quả thực hiện công việc ở mức trung bình: 1/2 tháng lương
- Kết quả thực hiện công việc ở mức khá: 1 tháng lương
- Kết quả thực hiện công việc ở mức giỏi: 1.5 tháng lương
- Kết quả thực hiện công việc ở mức xuất sắc: hai tháng lương

**Các hình thức khen thưởng**

Để kịp thời ghi nhận các cá nhân, tập thể có thành tích xuất sắc trong tháng và xây dựng môi trường làm việc hào hứng, tích cực, an toàn và tiết kiệm, đồng thời củng cố được Giá trị Cốt lõi của Công ty là: Tôn trọng – Hành động – Kết quả, tất cả các cá nhân, tập thể có thành tích nổi bật liên quan đến công việc, nhưng không giới hạn, có tác động tích cực đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty sẽ được Ban Giám đốc xét tặng khen thưởng Ngôi Sao Tháng, với các tiêu chí cụ thể như sau:

- Đóng góp ý kiến, sáng kiến góp phần nâng cao hiệu quả công việc và giảm bớt chi phí cho Công ty.
- Hoàn thành các nhiệm vụ khó khăn, quan trọng trong khoảng thời gian quy định.
- Đóng góp xuất sắc trong việc cải thiện môi trường làm việc an toàn, an ninh và vệ sinh công nghiệp.
- Đóng góp xuất sắc trong việc nâng cao hình ảnh về một Công ty thân thiện và có trách nhiệm đối với Cộng đồng.

Người được khen thưởng sẽ được nhận Chứng nhận đồng thời có thể lựa chọn hình thức nhận thưởng phù hợp với điều kiện của bản thân và gia đình. Công ty sẽ thanh toán chi phí theo định mức quy định.

### Đào tạo nhân viên

Masan Resources luôn hiểu rằng vốn con người là nhân tố quan trọng quyết định sự thành công của Công ty. Để đảm bảo Công ty luôn có nguồn nhân lực phù hợp sẵn sàng đáp ứng các mục tiêu hiện tại và lâu dài, Masan Resources đã đầu tư vào việc phát triển và đào tạo nguồn nhân lực theo hình thức sau: đào tạo nội bộ do các chuyên gia nước ngoài có kinh nghiệm thực hiện và đào tạo chuyên môn do các đơn vị chuyên nghiệp thực hiện trong nước và nước ngoài.

Điểm nổi bật của chương trình đào tạo năm 2015 là hoàn thiện các yêu cầu năng lực cho tất cả các vị trí, đánh giá năng lực của các nhân viên ở các vị trí hiện tại để làm cơ sở thiết kế các chương trình đào tạo phù hợp trong năm 2016.

### Công đoàn

Công đoàn cơ sở được thành lập năm 2011 và bầu lại vào năm 2014. Nhờ có thành lập Công đoàn, mối quan hệ giữa người lao động trong Công ty và Ban lãnh đạo Công ty được phát huy đáng kể. Công đoàn và Công ty chức thường xuyên tổ chức đối thoại để kịp thời giải quyết các vấn đề liên quan đến người lao động.







## BÁO CÁO QUẢN LÝ RỦI RO

Rủi ro	Cơ sở rủi ro	Biện pháp giảm thiểu
Rủi ro về giá bán sản phẩm	Giá các sản phẩm vonfram, đồng, florit và bismut của Công ty được xác định bởi, hoặc có liên quan đến giá cả của thị trường thế giới, mà giá các sản phẩm này từ trước đến nay thường chịu sự biến động đáng kể. Sự biến động về giá cả hàng hóa thường xảy ra do sự thay đổi giá cả phản ánh qua các yếu tố kinh tế và địa chính trị toàn cầu, các nhu cầu trong ngành, nguồn cung tăng do sự phát triển của các nguồn sản xuất mới, do sự thay đổi công nghệ, thay thế sản phẩm và thuế phí trong nước. Sự biến động của tăng trưởng kinh tế toàn cầu cũng tiềm ẩn tác động bất lợi đến nhu cầu tương lai và giá cả hàng hóa. Điều này cũng có nguy cơ tác động tiêu cực đến dòng tiền và giá trị tài sản trong thời gian sắp tới.	Công ty vận hành tại điểm thấp nhất trên đường cong chi phí toàn cầu với các loại sản phẩm của mình. Điều này giúp Công ty có ưu thế hơn so với các đối thủ cạnh tranh trong môi trường cạnh tranh về giá. Công ty có một danh mục đa dạng các sản phẩm được sản xuất từ một mỏ duy nhất và được bán ra cho các khách hàng đa dạng trên các thị trường trải trên nhiều khu vực địa lý và có mục đích sử dụng khác nhau. Việc này giúp Công ty không bị ảnh hưởng bởi những biến động lớn hoặc có thể ứng phó với tình trạng một mặt hàng nào của Công ty không bán được, đồng thời cũng bảo vệ Công ty tránh khỏi rủi ro hiệu quả thấp khi làm việc với khách hàng từ một khu vực địa lý duy nhất
Rủi ro về tỷ giá quy đổi	Phần lớn các mặt hàng bán ra của Công ty được xuất khẩu và định giá bằng tiền USD. Do vậy, sự biến động về tỷ giá quy đổi tiền VNĐ/USD có thể có những tác động đáng kể đến kết quả tài chính của Công ty.	Rất nhiều chi phí cho vật liệu và phụ tùng thay thế hiện không có sẵn tại Việt Nam đều được định giá bằng tiền USD. Điều này tạo ra một hàng rào tự nhiên bảo vệ Công ty khỏi một phần rủi ro về tỷ giá trong chi phí. Các chi phí còn lại cũng như các khoản nợ của Công ty thì được định giá bằng VNĐ. Do vậy Công ty phải đối mặt với sự giao động về tỷ giá giữa tiền VNĐ và tiền USD. Tuy nhiên xu hướng gần đây cho thấy VNĐ giảm giá so với USD và xu hướng này dự kiến sẽ còn tiếp tục khi mà đồng đôla tiếp tục được mạnh lên so với các đồng tiền khác trên thế giới. Rủi ro về tiền tệ thường xuyên được Giám đốc Tài chính theo dõi và đưa ra các khuyến nghị với HĐQT nhằm đảm bảo các biện pháp phù hợp để giảm thiểu rủi ro được thực hiện kịp thời.

Thay đổi bất lợi ngoài mong đợi hoặc bất ngờ về môi trường pháp lý và chính trị tại Việt Nam hoặc quốc gia của khách hàng có thể gây ảnh hưởng đến quá trình sản xuất, bán hàng hoặc quyết định kinh doanh của Công ty.	Sự thay đổi về quy định pháp luật của Việt Nam hoặc của các quốc gia của khách hàng tiềm ẩn việc tăng chi phí, giảm lợi nhuận biên hoặc gây trở ngại cho Công ty trong việc bán sản phẩm đến các quốc gia của khách hàng.	Công ty thường xuyên theo dõi môi trường pháp lý tại Việt Nam cũng như tại các quốc gia của khách hàng đồng thời đánh giá các tác động có thể xảy ra đối với hoạt động bán hàng của Công ty. Điều này được thực hiện nhằm đảm bảo Công ty và khách hàng của Công ty chủ động trong việc kiến nghị sửa đổi chính sách các quốc gia của khách hàng hoặc tại Việt Nam để đảm bảo kinh doanh ổn định lâu dài.
Sử dụng trữ lượng không hợp lý hoặc thất bại trong phát triển mô hình kinh doanh mới có thể tác động tiêu cực đến kết quả sản xuất và điều kiện tài chính trong tương lai.	Nhu cầu đối với sản phẩm của Công ty có thể dẫn đến tình trạng nguồn tài nguyên cạn kiệt theo thời gian. Doanh thu và lợi nhuận của Công ty là xuất phát hoạt động khai thác chế biến khoáng sản, do vậy, kết quả kinh doanh và điều kiện tài chính của Công ty trong tương lai sẽ liên quan trực tiếp tới hoạt động thăm dò và mua bán doanh nghiệp trong tương lai và khả năng tạo ra trữ lượng để đáp ứng yêu cầu sản xuất trong tương lai với mức chi phí cạnh tranh.	Công ty đã xác định được trữ lượng tài nguyên làm cơ sở vận hành mỏ trong thời gian dài. Trữ lượng này đã được đo đạc và xác định theo với các tiêu chuẩn quốc tế đồng thời được kiểm định bởi các đơn vị thứ ba độc lập. Điều này giúp Công ty có khả năng chiến lược để tiến hành thăm dò và đánh giá các cơ hội đầu tư trong tương lai. Trữ lượng hiện nay sẽ tiếp tục được khoan thăm dò bổ sung khi cần nhằm kéo dài tuổi thọ của mỏ hiện hành, trong trường hợp thuận lợi về mô hình hóa địa chất và thị trường. Các hoạt động khoan thực tế của Công ty cũng như ngân sách cho hoạt động khoan trong tương lai sẽ phụ thuộc vào quy mô và chất lượng khoáng sản còn lại, kết quả khoan, giá hàng hóa, chi phí khoan và sản xuất, mức độ sẵn có về thiết bị và dịch vụ khoan, thời hạn thuê mỏ và những chấp thuận về pháp lý.
Rủi ro từ các đối tác thương mại	Công ty đã ký kết hợp đồng với nhiều đối tác thương mại và tài chính, bao gồm khách hàng cuối cùng, các nhà cung cấp và các tổ chức tài chính. Sự biến động kinh tế thế giới tiếp tục gây căng thẳng cho thị trường tài chính toàn cầu, dẫn đến sự bất ổn về điều kiện kinh doanh nói chung. Ngoài ra, các khách hàng, nhà cung cấp, nhà thầu, hoặc các đối tác liên doanh có thể không thực hiện đúng các hợp đồng và các nghĩa vụ đang hiện hữu.	Công ty có các kiểm soát tín dụng đối tác nhằm hạn chế việc chỉ phụ thuộc vào một khách hàng, một khu vực địa lý hoặc một đối tác tài chính nào đó. Công ty cũng định kỳ đánh giá năng lực tài chính và thị trường của các đối tác tương ứng nhằm chủ động kiểm soát rủi ro và/hoặc các vấn đề tiềm ẩn.
Rủi ro về nhân sự chủ chốt	Việc mất đi các vị trí quản lý chủ chốt có thể dẫn đến gián đoạn việc hoạt động liên tục và/hoặc mất đi niềm tin của các cổ đông, khiến cho cổ phiếu rớt giá.	Quản lý nhân sự là nền tảng quan trọng đối với sự thành công của Công ty. Để kiểm soát rủi ro này, Công ty đã tiến hành các chương trình đào tạo và phát triển đội ngũ kế cận nhằm đảm bảo rằng những con người có năng lực luôn sẵn sàng để kế thừa công việc. Công ty cũng định kỳ đưa ra các chương trình sở hữu cổ phiếu hấp dẫn dành cho người lao động để giúp nhân viên trở thành cổ đông và giữ chân người lao động.

Rủi ro do cạnh tranh	Khả năng bảo vệ, duy trì và/hoặc nâng cao các mục tiêu chiến lược và thị phần của Công ty.	Công ty vận hành mỏ vonfram lớn nhất thế giới và mỏ này cũng là nguồn cung có tính cạnh tranh toàn cầu của một số khoáng sản khác. Mỏ này là nguồn cung cấp chiến lược các sản phẩm và hóa chất vonfram không có nguồn gốc từ Trung Quốc. Công ty đã ký kết các hợp đồng bán hàng dài hạn với nhiều công ty trong số 500 công ty lớn nhất trên toàn cầu, qua đó loại trừ rủi ro mất thị phần từ việc một số nhà cung cấp mới xuất hiện trong tương lai.
Thiên tai hoặc sự cố vận hành bất ngờ có thể tác động bất lợi tới vận hành của Công ty.	Thiên tai hoặc sự cố vận hành bất ngờ có thể tác động bất lợi tới hoạt động khai thác của Công ty, cản trở lộ trình ra thị trường hoặc tới các cơ sở của khách hàng. Tại công trình vận hành chủ đạo của Công ty, các thiên tai chính bao gồm lũ lụt và động đất. Các thiên tai này có thể tác động tới moong khai thác, công trình đập chứa đuôi quặng hoặc nhà máy chế biến. Các sự cố vận hành tiềm tàng gồm có tai nạn vận hành, cháy nổ ở nhà máy chế biến, xói lở bờ moong khai thác, mất điện hoặc hỏng thiết bị cơ khí trọng yếu.	Bằng việc áp dụng các quy trình quản lý rủi ro, Công ty nhận diện được các rủi ro về sự cố vận hành. Các kế hoạch duy trì hoạt động kinh doanh và ứng phó sự cố đã được xây dựng nhằm giảm thiểu tối đa các hậu quả của sự cố vận hành. Các rủi ro thiên tai cũng đã được xác định và các kế hoạch ứng phó thiên tai luôn sẵn sàng để giảm thiểu hậu quả. Các công trình của Công ty, bao gồm cả công trình đập chứa đuôi quặng, được xây dựng đáp ứng tiêu chuẩn quốc tế cao nhất. Các công trình này đáp ứng được Tiêu chuẩn Ngân hàng Thế giới và được kiểm tra định kỳ bởi một ban giám sát quốc tế độc lập.
Vi phạm các quy trình an ninh công nghệ thông tin có thể gây tác động bất lợi tới các hoạt động kinh doanh của Công ty.	Công ty duy trì các hệ thống công nghệ thông tin (IT), bao gồm cơ sở hạ tầng công nghệ thông tin, các phần mềm kinh doanh và truyền thông để hỗ trợ các hoạt động kinh doanh. Những hệ thống này có thể bị tác động bởi các hành vi vi phạm an ninh thông tin (như tội phạm mạng) dẫn đến gián đoạn sản xuất, mất các tài sản sở hữu trí tuệ hoặc bị tiết lộ các thông tin nhạy cảm về thương mại và làm phương hại đến uy tín của Công ty.	Công ty thường xuyên rà soát hệ thống an ninh, các quy trình và các giao thức công nghệ thông tin. Công ty cũng duy trì các tường lửa phù hợp và các bản sao lưu ngoại vi đối với các dữ liệu, hệ thống và quy trình chủ chốt.
Rủi ro về tính bền vững	Những sự cố, tai nạn liên quan đến sức khỏe, an toàn, môi trường hoặc cộng đồng cũng có thể ảnh hưởng bất lợi tới nhân viên của Công ty hoặc cộng đồng xung quanh khu vực Dự án, tới việc vận hành sản xuất và danh tiếng của Công ty hoặc giấy phép vận hành.	Các ứng phó của Công ty đối với các rủi ro về tính bền vững được thể hiện trong các Chính sách An toàn và Sức khỏe, Chính sách Môi trường và Chính sách Cộng đồng. Tất cả các sự cố hoặc tai nạn đều được ghi nhận và báo cáo cho Hội đồng Quản trị. Khi có sự cố xảy ra, Công ty sẽ làm việc trực tiếp với các cơ quan quản lý liên quan và các bên bị ảnh hưởng để giải quyết vấn đề và đảm bảo không tái diễn sự cố tương tự.



# BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

Phương pháp tiếp cận  
Đầu tư vào con người  
Quản lý tác động môi trường  
Kiến tạo giá trị chung cho cộng đồng

“Cam kết lâu dài và trọng tâm chính của Công ty là phát triển mối quan hệ đối tác cùng có lợi và hiệu quả với tất cả các bên liên quan.

Cùng với sự phát triển và mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty thì các bên liên quan ngày càng quan tâm tới cách thức Công ty giải quyết các vấn đề về phát triển bền vững và kiến tạo giá trị chung. Một trong những thách thức lớn nhất trong ngành khai khoáng là giải quyết sự khác biệt, mà thường là những xung đột, các mối quan tâm của những bên liên quan về định hướng kinh doanh và quản lý các tác động từ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Chúng tôi tin tưởng rằng với việc thực hiện trách nhiệm với những tác động tới môi trường và xã hội, thông qua các cuộc đối thoại cởi mở và cơ chế khiếu nại thắc mắc được thiết lập, Công ty mới có thể nâng cao được sự minh bạch và trách nhiệm giải trình.

Báo cáo Phát triển Bền vững năm nay là một kênh chính thức, qua đó Công ty trao đổi và thể hiện cam kết về các giá trị, lợi ích và đảm bảo sự gắn kết hiệu quả với các bên liên quan.”

(Ông Dominic John Heaton - Tổng Giám đốc)

Nội dung của Báo cáo Bền vững 2015 này được xây dựng trên cơ sở các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, lợi ích của các đối tác và những lĩnh vực trọng yếu có ảnh hưởng lớn tới các vấn đề liên quan đến **Kinh tế, Môi trường và Xã hội.**

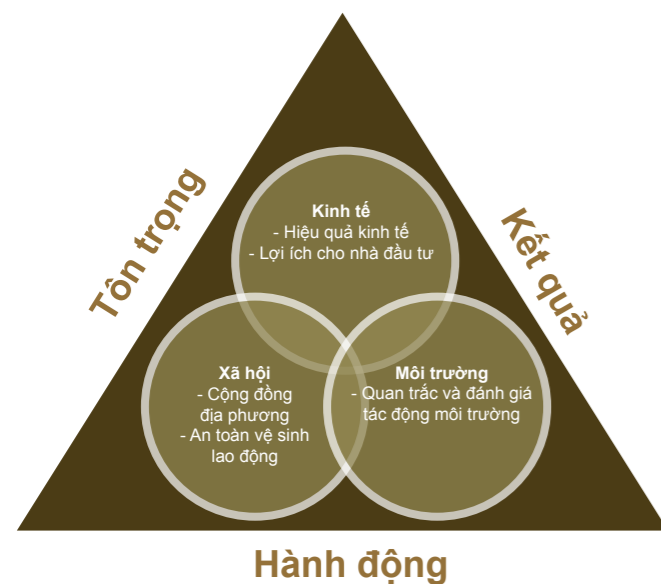
Masan Resources bắt đầu phát hành Báo cáo Phát triển Bền vững từ năm 2013. Báo cáo năm nay được biên soạn theo hướng dẫn của Sáng kiến Báo cáo Toàn cầu (GRI) (phiên bản G4). Chúng tôi cũng tham khảo hướng dẫn bổ sung của GRI dành cho lĩnh vực khai thác mỏ và chế biến khoáng sản. Báo cáo trình bày những cam kết của Công ty đang thực hiện đồng thời chính sách vận dụng của các tổ chức quốc tế, các tiêu chuẩn và thực tiễn quản lý, trong đó có những nguyên tắc được trình bày trong Khung Phát triển Bền vững của Hiệp hội Quốc tế về Khai khoáng và Kim loại (ICMM), Hiệp ước Toàn cầu của Liên Hợp Quốc (UNGC).

Báo cáo Phát triển Bền vững năm 2015 của Masan Resources được phát hành đồng thời với bản Báo cáo Thường niên này. Bản Báo cáo Phát triển Bền vững 2015 đầy đủ đã thể hiện tất cả các lĩnh vực hoạt động của Công ty trong năm 2015. Phần Tóm tắt này của Báo cáo Phát triển Bền vững sẽ không nhắc lại một số lĩnh vực đã được trình bày trong các phần khác của Báo cáo Thường niên mà sẽ tập trung vào các khía cạnh Con người, Môi trường và Cộng đồng.



## PHƯƠNG PHÁP TIẾP CẬN

Chúng tôi xác định 3 giá trị để tham chiếu trong quá trình ra quyết định của mình là: Tôn trọng, Hành động và Kết quả. Đây là 3 giá trị cốt lõi trong chiến lược của chúng tôi. Phương pháp tiếp cận của chúng tôi nhấn mạnh tầm quan trọng như nhau giữa lợi ích của nhà đầu tư, người dân và cộng đồng, giữa môi trường và quản trị hợp lý. Trong tất cả các lĩnh vực hoạt động của Công ty, chúng tôi chủ trương nhận diện và quản lý các vấn đề trọng yếu, tích hợp mối quan ngại của các bên vào quy trình ra quyết định của Công ty. Hơn nữa, chúng tôi nỗ lực để đảm bảo các biện pháp bảo vệ môi trường cụ thể đều được thực thi, sao cho những lợi ích cụ thể của người dân đều được quan tâm, cũng như bất cứ tác động tiêu cực nào đối với cộng đồng đều phải được giảm thiểu. Công ty cam kết - với tư cách là một chủ thể có trách nhiệm trong việc sử dụng và phát triển tài nguyên thiên nhiên, sẽ nỗ lực không ngừng để giảm thiểu những tác động tới môi trường từ hoạt động của chúng tôi.



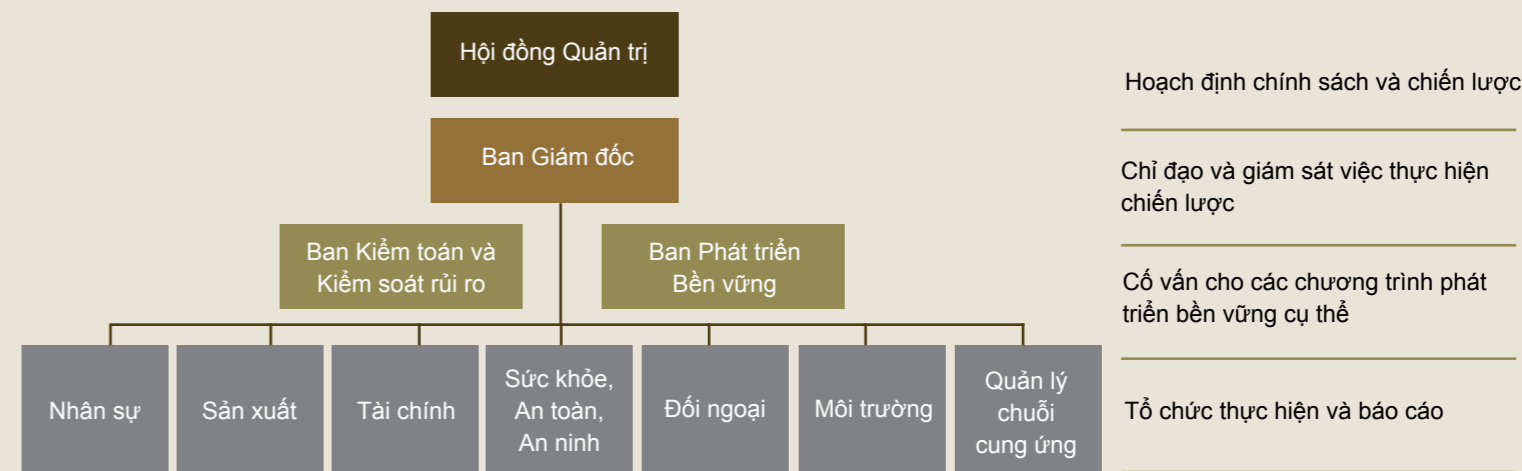
### Khung Phát triển bền vững

Khung Phát triển bền vững là công cụ giúp chúng tôi tiếp cận hiệu quả bằng cách chuẩn hóa mọi hoạt động và liên tục cải tiến các sáng kiến phát triển bền vững. Ở cấp cao nhất, các chính sách được ban hành để xác định các tiêu chuẩn đánh giá. Tương tự, các quy trình được ban hành để giám sát sự tuân thủ theo các tiêu chuẩn của Công ty trong khi các chỉ số đa dạng và phù hợp cho phép cấp quản lý cao nhất và các bên liên quan có thể theo dõi một cách minh bạch việc thực thi của Công ty. Các mục tiêu được định kỳ rà soát và cập nhật cho nhất quán với kỳ vọng. Cuối cùng, các báo cáo được hợp nhất để trình cho các bên liên quan.



### Quản trị Phát triển bền vững

Chúng tôi áp dụng Khung Phát triển bền vững trong mọi hoạt động của Công ty. Các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty được thực hiện theo chỉ đạo của Hội đồng Quản trị, những người có trách nhiệm đảm bảo các chính sách và mục tiêu chiến lược phù hợp với tầm nhìn hoạt động của Công ty. Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc thường xuyên giám sát và đánh giá việc thực hành bền vững. Ban Giám đốc cũng điều hành hoạt động của Ban Kiểm toán và Kiểm soát rủi ro và Ban Phát triển bền vững, hai bộ phận chịu trách nhiệm phân tích và báo cáo chi tiết các vấn đề trọng yếu. Ban Điều hành bao gồm Tổng Giám đốc, Giám đốc bộ phận Đối ngoại, Giám đốc Sản xuất, Quản lý Nhân sự, Quản lý Sức khỏe, An toàn và An ninh, Quản lý Môi trường, Quản lý Chuỗi cung ứng và Giám đốc Tài chính có nhiệm vụ chỉ đạo và giám sát việc thực hiện chiến lược ở các cấp. Mỗi bộ phận trong Công ty đều được coi là một phần của lực lượng thực thi bền vững và có trách nhiệm đáp ứng kỳ vọng của các đối tác khác nhau của Công ty.



## Gắn kết với các bên liên quan

Sự gắn kết với các đối tác đóng vai trò quan trọng trong hoạt động sản xuất kinh doanh và giúp xây dựng niềm tin với toàn xã hội, góp phần thực hiện thuận lợi các hoạt động của Công ty. Các bên liên quan của Công ty gồm nhiều tổ chức và cá nhân khác nhau, những người có 'liên quan' (hoặc 'lợi ích') từ hoạt động của Công ty. Họ có thể là những người hoặc chịu tác động tích cực hoặc tiêu cực bởi hoạt động của Công ty ở một phương diện nào đó, hoặc có khả năng ảnh hưởng tới hoạt động của Công ty. Các hoạt động gắn kết với các bên của Công ty được thực hiện theo các giai đoạn, từ việc nhận diện tất cả các đối tác liên quan, ưu tiên tiên các hoạt động gắn kết, đến thực hiện các cuộc đối thoại mang tính xây dựng với các nhóm đối tác này.

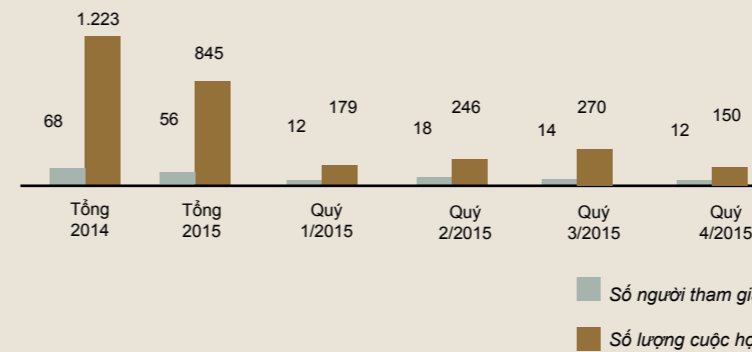
Chương trình Tham vấn cộng đồng và Công bố thông tin (PCDP) là kênh chính để kết nối Công ty với cộng đồng địa phương và giải quyết các thắc mắc, khiếu nại từ cộng đồng.

Từ việc đánh giá nhu cầu thông qua các cuộc họp cộng đồng, khảo sát và phỏng vấn trực tiếp với cộng đồng và các hoạt động khác, Masan Resources đã thiết kế các chương trình phù hợp để đáp ứng các nhu cầu của cộng đồng và không ngừng điều chỉnh hình thức đánh giá để kịp thời phản ánh một cách trung thực các nhu cầu kinh tế - xã hội luôn thay đổi.

Masan Resources đã thiết lập một cơ chế giải quyết các khiếu nại thắc mắc ngay từ khi bắt đầu triển khai Dự án và luôn nỗ lực cải thiện cơ chế này trong thời gian qua. Đây là một minh chứng cụ thể về tuân thủ cam kết của Công ty đối với vấn đề gắn kết cộng đồng và đây sẽ tiếp tục được coi là chính sách trung tâm trong chiến lược phát triển bền vững của Masan Resources.

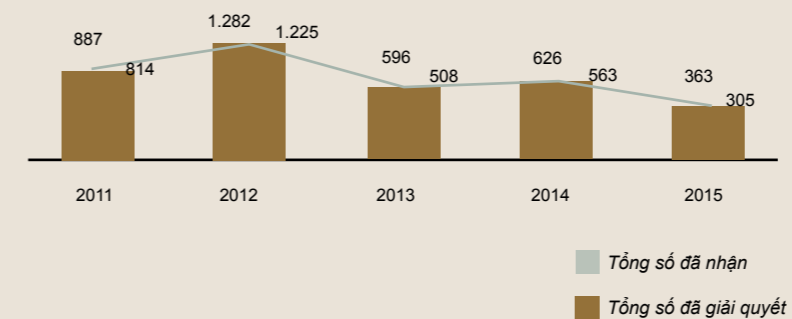
Là một phần của chương trình PCDP, những người bị ảnh hưởng bởi Dự án (BAH) và những đối tác liên quan được khuyến khích và hướng dẫn để chia sẻ và bày tỏ các yêu cầu, mối quan tâm và khiếu nại trực tiếp bằng văn bản với Công ty. Năm 2015, số lượng các yêu cầu và khiếu nại đã giảm mạnh so với năm 2014 nhờ kết quả của PCDP trong việc tổ chức và thực hiện hiệu quả các cuộc họp với cộng đồng.

Thống kê số lượng cuộc họp với cộng đồng trong 2015



Góc thông tin của Công ty Núi Pháo tại cơ sở xóm

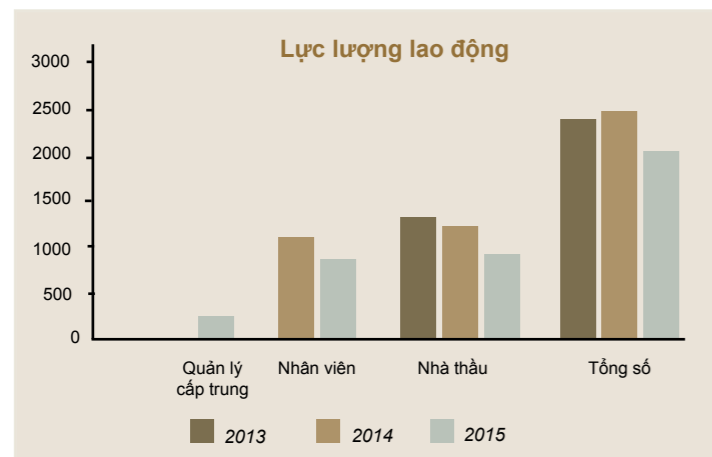
Yêu cầu và khiếu nại từ năm 2011 đến 2015 (tính theo văn bản và khiếu nại)



Họp giao ban hàng tuần với xóm 3, 4 xã Hà Thượng

## ĐẦU TƯ VÀO CON NGƯỜI

Masan Resources đã có những nỗ lực toàn diện để đầu tư vào yếu tố con người bằng cách khuyến khích, động viên toàn thể nhân viên phát huy hết năng lực. Công ty duy trì chương trình khen thưởng, tạo cơ hội để giúp nhân viên trưởng thành và thành công trong các hoạt động. Công ty cũng thực hiện đánh giá nhu cầu nhằm hiểu được nguyện vọng và mối quan tâm của người lao động để thực hiện các chương trình đào tạo phù hợp trong năm.



Trao đổi công việc tại phòng điều khiển

### Đào tạo

Bộ phận Nhân sự của Công ty đã hợp tác với các chuyên gia Trường Đại học Quốc gia Hà Nội (HNU) thiết kế Chương trình Đánh giá Năng lực và Đào tạo. Chương trình gồm bốn giai đoạn: Xây dựng từ điển năng lực; Xác định Khung Năng lực; Phân tích nhu cầu đào tạo và đề xuất các chương trình đào tạo nâng cao năng lực cho nhân viên; và Xây dựng Chương trình Đào tạo.

Chương trình này cho phép Công ty chuẩn hóa kiến thức cần thiết cho tổ chức, cũng như lấp đầy được lỗ hổng năng lực theo yêu cầu, đồng thời giảm bớt lãng phí.



Khóa học Kỹ năng Đàm phán, tạo ảnh hưởng với mục đích nâng cao năng lực cho 28 cán bộ quản lý và giám sát của Công ty

### Đánh giá công việc định kỳ

Thực hiện đánh giá công việc của nhân viên là một yếu tố quan trọng để nâng cao hiệu quả hoạt động của Công ty. Tất cả mọi nhân viên đều phải được đánh giá công việc ít nhất mỗi năm một lần. Quá trình đánh giá có sự tham gia của người quản lý và bản thân nhân viên, trong đó cả hai bên dành thời gian cần thiết điền vào biểu mẫu đánh giá công việc và chuẩn bị cho cuộc đối thoại giữa hai bên. Điều này nhằm đảm bảo một quy trình công bằng mà trong đó các nhân viên đều được tham gia đối thoại trong quá trình đánh giá. Đánh giá đột xuất cũng có thể thực hiện trong một số trường hợp cụ thể như: gia hạn hợp đồng lao động, đề bạt, tiến cử hoặc các trường hợp làm việc kém hiệu quả.

Tùy thuộc vào tình hình tài chính của Công ty, trong điều kiện tối ưu, chế độ khen thưởng được áp dụng đối với nhân viên đã làm việc tại Công ty từ 12 tháng trở lên. Mức thưởng từ nửa tháng lương đến hai tháng lương.



Trao giải thưởng Ngôi sao trong tháng cho các nhân viên đạt giải

### An toàn

Trong năm 2015, Bộ phận Sức khỏe, An toàn và An ninh đã liên tục tổ chức các khóa đào tạo và huấn luyện an toàn cho nhân viên, từ đó xây dựng văn hóa an toàn vững mạnh. Mục tiêu hàng đầu, lâu dài và bền vững của Công ty là luôn đảm bảo toàn thể công nhân viên Công ty và công nhân viên của Nhà thầu trở về nhà an toàn sau mỗi ngày làm việc.

Các nhân viên và nhà thầu làm việc tại công trường luôn phải tuân thủ nghiêm ngặt các quy định về an toàn của Công ty.

Kết quả Báo cáo về Các chấn thương ngoài giờ làm việc cho thấy ứng xử bình đẳng của Công ty đối với nhân viên và các nhà thầu kể cả trong và sau giờ làm việc; đây là phương pháp tối ưu nhất để đảm bảo một lực lượng lao động khỏe mạnh và hiệu quả.

Ban Giám đốc thường xuyên áp dụng và phát huy hiệu quả phần mềm quản lý an toàn nghề nghiệp "OcSafe"<sup>(1)</sup> để theo dõi sự cố và đảm bảo đưa ra các ứng cứu phù hợp và theo tiêu chuẩn quy định.

(1) Phần mềm quản lý an toàn nghề nghiệp

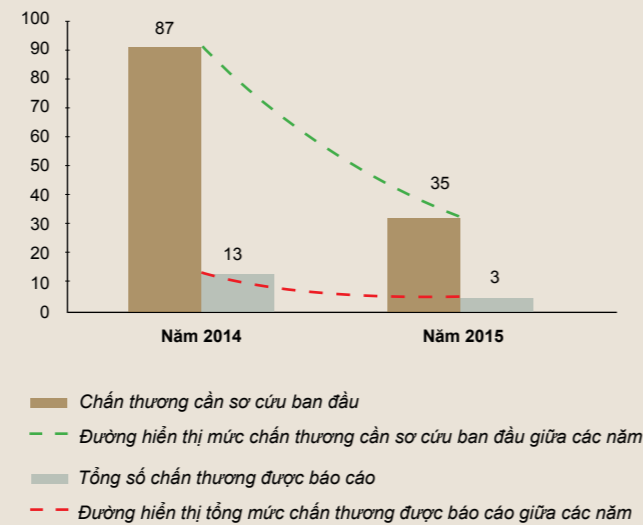
Một năm làm việc không xảy ra tai nạn nghiêm trọng nào gây mất giờ công và đạt mốc trên 13 triệu giờ công an toàn.

Để đảm bảo các hệ thống luôn được cập nhật và tuân thủ theo các quy định mới nhất về an toàn, đồng thời nâng cao tính minh bạch trong hoạt động của Công ty, Công ty đã nghiêm túc thực hiện các chương trình thanh tra, kiểm tra nhằm đảm bảo các cơ quan chức năng của nhà nước như Sở Khoa học và Công nghệ (DOST) (thanh tra về phóng xạ), Sở Công thương (thanh tra về hóa chất), Sở LĐ-TBXH (thanh tra về lao động và bảo hiểm), Cảnh sát phòng cháy chữa cháy...



Diễn tập chữa cháy và cứu nạn cứu hộ tại khu vực Nhà kho

Biểu đồ so sánh tỷ lệ chấn thương qua các năm 2014/2015



### Sức khỏe

Công ty mong muốn tất cả các nhân viên được đảm bảo không gặp phải những rủi ro nghề nghiệp ảnh hưởng đến sức khỏe. Công ty có đội ngũ cán bộ y tế có trình độ chuyên môn cao, được trang bị đầy đủ, luôn sẵn sàng túc trực để hỗ trợ về y tế và sức khỏe của nhân viên và cả cộng đồng bên ngoài (đối với các tình huống cấp cứu khẩn cấp).

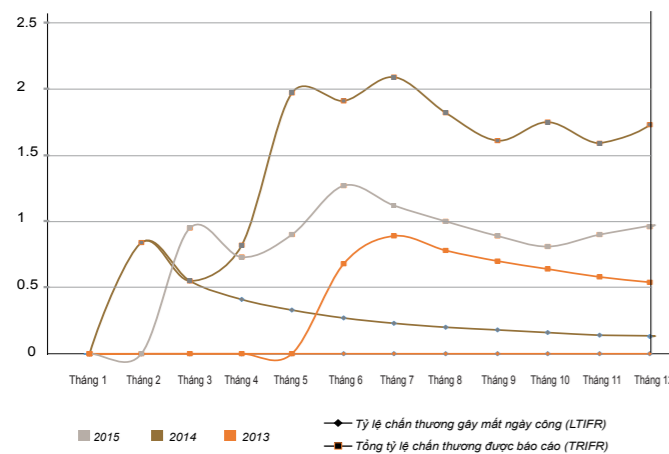


Diễn tập cứu hộ cứu nạn tại khu vực Nhà máy - Mỏ Núi Pháo

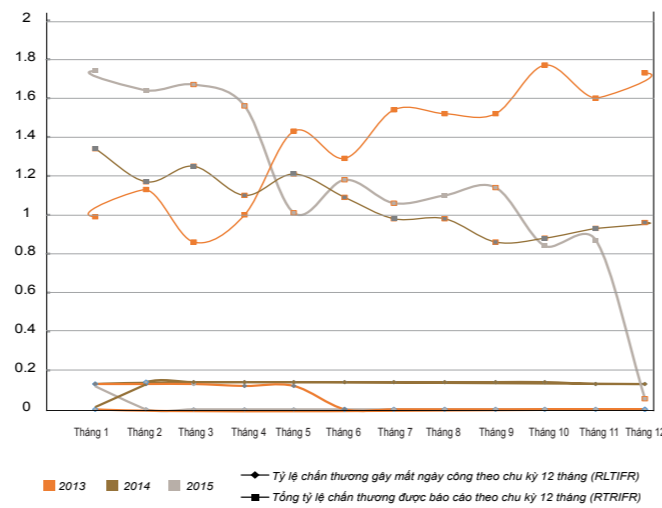


Tập huấn sơ cấp cứu ban đầu cho người lao động

Tần suất chấn thương qua các năm 2013-2015



Tần suất chấn thương tính theo chu kỳ 12 tháng của các năm 2013-2015





## QUẢN LÝ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG

Quản lý môi trường đóng vai trò quan trọng và được ưu tiên như tất cả các hoạt động sản xuất khác. Công tác môi trường được phát triển và duy trì ngay từ những giai đoạn đầu thực hiện Dự án nhằm giảm thiểu tác động tiêu cực đồng thời nâng cao trách nhiệm quản lý tài nguyên.

Công ty đã cải thiện một cách đáng kể hoạt động giám sát môi trường trên cơ sở tuân thủ các quy định của nhà nước về môi trường thông qua công tác quản lý việc thực hiện Báo cáo Đánh giá Tác động Môi trường (EIA) đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.



Cán bộ Môi trường lấy mẫu nước tại khu vực giáp ranh giữa Nhà máy và khu dân cư



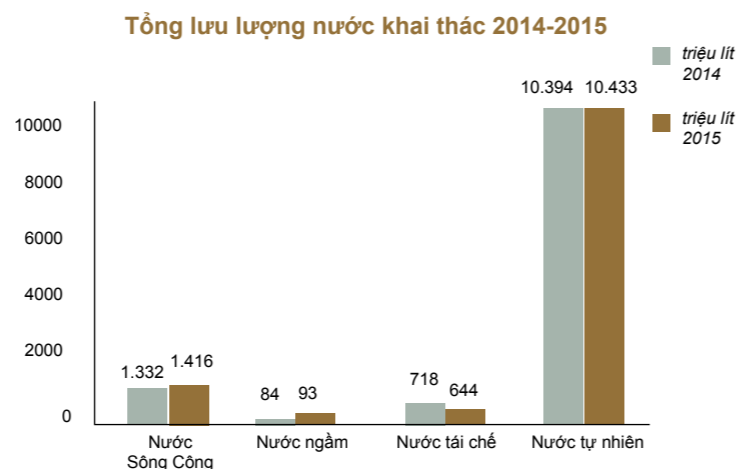
Công tác phục hồi môi trường

### Sử dụng nước

Sự bền vững của các hoạt động của Công ty phụ thuộc vào khả năng tiếp cận được nguồn nước với chất lượng và số lượng thích hợp, đồng thời sử dụng nguồn tài nguyên này một cách có trách nhiệm. Do vậy, ưu tiên tới đây của Công ty là giảm lượng nước dẫn từ Sông Công, nâng cao lượng nước tái chế từ nước thải và cải thiện hệ thống quản lý nước tổng thể.

Khi đã sản xuất ổn định, kế hoạch của Công ty là giảm lượng nước dẫn trực tiếp bằng cách tăng cường tái chế nước thải tuần hoàn trong Nhà máy (tỷ lệ nước tái chế từ nước thải hiện nay là 83%). Hiệu quả quản lý nước sẽ tiếp tục được cải thiện trong những năm tới.

Bảng biểu dưới đây trình bày lượng nước khai thác so sánh giữa năm 2014 và 2015.



### Trạm xử lý nước thải

Trạm xử lý nước thải tập trung với công suất xử lý 500 m<sup>3</sup>/h được đã được xây dựng vào cuối năm 2015 và sẽ chính thức được vận hành trong năm 2016. Trạm xử lý nước thải được thiết kế theo phương pháp xử lý sinh hóa và lọc than hoạt tính để hỗ trợ quá trình lọc nước. Nước xả thải sau xử lý sẽ đáp ứng các yêu cầu của nhà nước theo quy định trong Giấy phép Xả thải số 927/GP-BTNMT do Bộ Tài nguyên và Môi trường cấp. Khi Trạm xử lý nước thải tập trung đi vào hoạt động năm 2016, tỷ lệ nước thu hồi từ nước thải tái chế sẽ tăng từ 83% lên tới hơn 90%; đồng thời chất lượng nước thải xả xuống hạ lưu cũng sẽ được cải thiện và loại trừ mọi tác động tiêu cực ra môi trường bên ngoài.



Trạm xử lý nước thải tại mỏ Núi Pháo

### Mức tiêu thụ năng lượng

Tôi hiểu rằng việc quản lý năng lượng sử dụng là rất cấp thiết trong việc nâng cao hiệu quả sản xuất, đồng thời chúng tôi cũng ý thức được mối quan hệ giữa các vấn đề về nhu cầu năng lượng, phát thải khí nhà kính (GHG) và biến đổi khí hậu. Công ty thực hiện đo lường về mức năng lượng tiêu thụ và đã xây dựng một kế hoạch hành động để giảm mức năng lượng tiêu thụ và mức phát thải khí CO<sub>2</sub>.

Mức tiêu thụ năng lượng (Kj)	2014	2015
Điện	420.480	545.659
Dầu diesel	423.797	322.980
Xăng	5.213	2.794

### Tuân thủ

Trong năm 2015, Công ty đã đón 09 đoàn thanh tra (so với 8 đoàn thanh tra năm 2014) từ Bộ Tài nguyên và Môi trường, Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Thái Nguyên, Sở Công thương, UBND huyện Đại Từ và Cảnh sát Môi trường quan tâm đến hoạt động khai thác, chế biến khoáng sản, công tác bảo quản vật liệu nổ công nghiệp và bảo vệ môi trường của Công ty. Công tác của các đoàn là đánh giá mức độ tuân thủ các quy định và chính sách của nhà nước về môi trường, kiểm tra hiện trường, đối chiếu các dữ liệu thu thập với các văn bản đã được phê duyệt, các quy định của pháp luật có liên quan và giấy phép được cấp. Các đoàn đều kết luận Công ty đã hoàn toàn tuân thủ các quy định và luật pháp hiện hành.



Đại biểu Hội đồng Nhân dân xã Hà Thượng thăm và đánh giá công tác giảm thiểu tác động môi trường tại mỏ Núi Pháo

## KIẾN TẠO GIÁ TRỊ CHUNG CHO CỘNG ĐỒNG

Đặc điểm của hoạt động khai thác khoáng sản là phụ thuộc không gian địa lý, các hoạt động khai thác ảnh hưởng lớn tới đời sống cộng đồng địa phương. Đồng thời, mức độ hoạt động thuận lợi của Công ty một phần phụ thuộc vào nhận thức của cộng đồng, bởi việc không đáp ứng được nhu cầu của cộng đồng có thể dẫn đến ngưng trệ sản xuất kinh doanh. Mối quan hệ phụ thuộc lẫn nhau đối với cộng đồng nhắc nhở Công ty về tầm quan trọng của việc cần phải đảm bảo đời sống của người dân không bị nghèo đi cùng với sự hiện diện của Công ty.

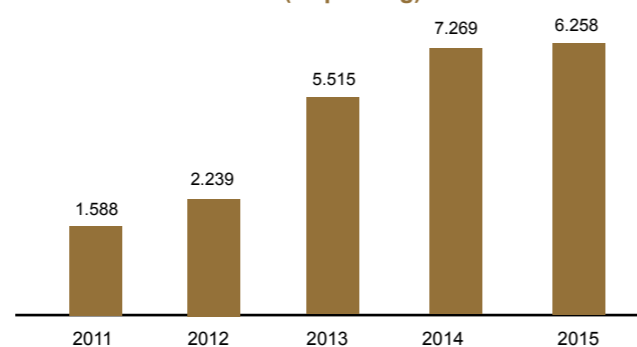
Gắn kết cởi mở bằng cách duy trì các diễn đàn để trao đổi ý kiến như tổ chức các cuộc đối thoại hàng tháng với cộng đồng địa phương. Đây là kênh quan trọng để Công ty kịp thời nắm bắt được nhu cầu của cộng đồng, cân nhắc quan điểm và mối quan tâm của cộng đồng trong quá trình ra quyết định của Công ty. Chúng tôi phấn đấu thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội lâu dài bằng cách gắn kết với cộng đồng địa phương và xây dựng mối quan hệ các bên cùng có lợi. Năm 2015, Công ty tiếp tục thực hiện và nhân rộng các hoạt động gắn kết cộng đồng, cụ thể là các chương trình phát triển cộng đồng và phục hồi kinh tế.

### Phát triển Cộng đồng

Mục tiêu trong kế hoạch phát triển cộng đồng của Công ty là tạo nền tảng cho sự phát triển kinh tế và phúc lợi xã hội.

Chương trình Phát triển cộng đồng của Masan Resources đặt trọng tâm vào phát triển kinh tế cho các cộng đồng xung quanh thông qua phân bổ nguồn lực cho 03 lĩnh vực chính: cơ sở hạ tầng, xây dựng năng lực cho các hoạt động và các dịch vụ khuyến nông.

Chi phí cho cộng đồng 2011-2015 (Triệu đồng)



Công ty đã dành hơn 511 triệu đồng hỗ trợ nâng cấp 1,8 km đường tại xã Tân Linh



Khóa tập huấn Sơ cấp cứu được tổ chức cho 102 cán bộ y tế xã và y tế trường của các xã Hà Thượng, TT Hùng Sơn, xã Tân Linh và xã Cát Nê

### Phổ biến tiêu chuẩn VietGAP trong sản xuất nông nghiệp

Với mục đích thúc đẩy sự phát triển độc lập và bền vững cho cộng đồng, Masan Resources tiếp tục mở rộng các dịch vụ khuyến nông hiện có với cây chè và rau xanh- là những sản phẩm chủ lực để nâng cao lợi thế cạnh tranh của nền nông nghiệp địa phương. Công ty thực hiện các chính sách hỗ trợ tài chính và huy động sự tham gia của các cơ quan, tổ chức nhằm giúp các hộ gia đình đạt được Chứng nhận VietGAP (là Chứng chỉ về Thực hành sản xuất nông nghiệp

tốt ở Việt Nam do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành năm 2008). Chương trình đã mang lại những kết quả đầy triển vọng: Tới nay đã có 114 hộ gia đình với 31 ha trồng chè được cấp Chứng nhận VietGAP; 40 hộ được Hội Nông dân Tỉnh cho phép sử dụng thương hiệu chè Thái Nguyên và 19 hộ tham gia vào mô hình trồng rau sạch thí điểm trên diện tích 2,1 ha tại thôn Cầu Thành thị trấn Hùng Sơn được chứng nhận đạt tiêu chuẩn VietGAP.



Trồng chè an toàn theo tiêu chuẩn VietGAP tại xóm 3, thị trấn Hùng Sơn



Mô hình trồng rau an theo tiêu chuẩn VietGAP tại xóm 6, thị trấn Hùng Sơn

## Phục hồi kinh tế

Tạo sự khác biệt thông qua phương thức thực hiện các dự án phục hồi kinh tế.

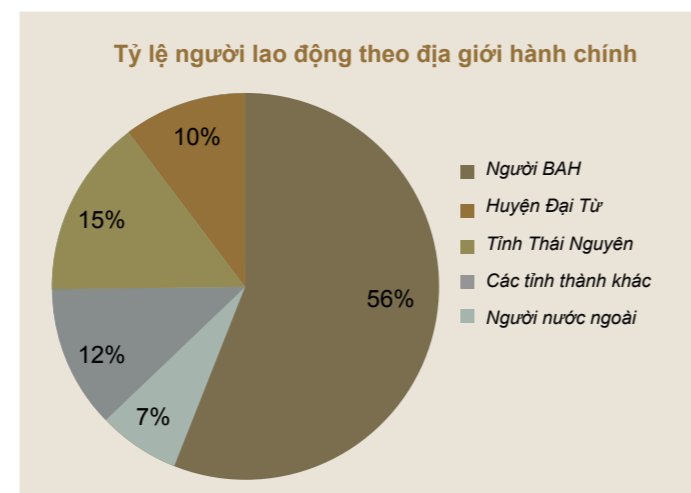
Nhất quán với tiêu chuẩn của Tổ chức Tài chính Quốc tế (IFC), Masan Resources tin tưởng rằng yếu tố then chốt là phải phục hồi khả năng tạo thu nhập cho những người dân bị ảnh hưởng về vật chất và kinh tế do thu hồi đất cho Dự án. Công ty đặc biệt quan tâm đến những hộ tái định cư đã từng có nguồn thu nhập phụ thuộc vào đất đã bàn giao cho Dự án. Các hoạt động phục hồi kinh tế đã được thiết kế nhằm hỗ trợ người dân phải di dời tới các khu tái định cư - nơi họ không còn đất để sản xuất nông nghiệp như trước đây.



Khu vực Bếp ăn cộng đồng thành lập theo chương trình Phục hồi kinh tế tại mỏ Núi Pháo

### Ưu tiên tuyển dụng

Một trong những chiến lược của Masan Resources nhằm đảm bảo sinh kế cho người bị ảnh hưởng bởi Dự án (BAH) chính là chính sách ưu tiên tuyển dụng. Tính đến hết năm 2015, đã có 714 người BAH được tuyển dụng vào làm việc chính thức tại Công ty, chiếm 56% tổng lực lượng lao động của Công ty.

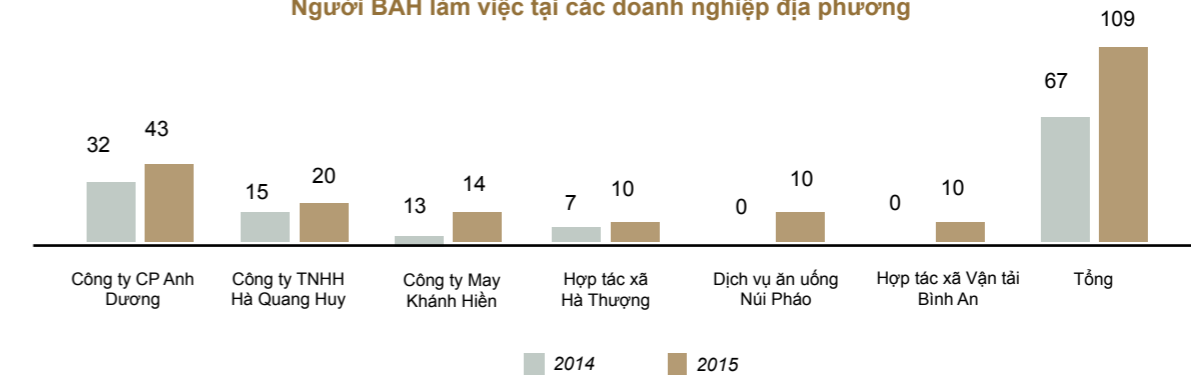


### Dịch vụ cung ứng địa phương

Năm 2015, Công ty tiếp tục hỗ trợ 4 doanh nghiệp địa phương được thành lập theo chương trình phục hồi kinh tế nhằm tạo việc làm ổn định tại chỗ cho cộng đồng.

Cũng trong năm 2015, Công ty đã hỗ trợ thành lập mới 2 mô hình cung ứng địa phương (Tổ hợp Dịch vụ ăn uống Núi Pháo và Hợp tác xã Vận tải Bình An), tạo thêm việc làm cho 22 người BAH.

**Người BAH làm việc tại các doanh nghiệp địa phương**



### Vững vàng phát triển

Công ty TNHH Bao bì Anh Dương được thành lập theo chương trình phục hồi kinh tế của Núi Pháo đã trở thành nhà cung cấp bao bì đựng quặng cho nhiều công ty khai khoáng lớn tại Việt Nam chỉ sau hơn một năm hoạt động. Công ty đã đem lại sinh kế ổn định cho 43 người BAH với thu nhập trung bình hàng tháng 4,5 triệu đồng/người. Trong thời gian tới, Công ty có kế hoạch mở rộng và xây dựng mối quan hệ thương mại với các nhà cung cấp nước ngoài và phát triển các dòng sản phẩm thông qua các hoạt động kinh doanh đa dạng để đáp ứng tiêu chuẩn xuất khẩu.



Doanh nghiệp Anh Dương – mô hình may túi đựng quặng thành lập theo chương trình Phục hồi kinh tế

## Các hoạt động Từ thiện, Quyên góp và Tài trợ



Nhà tài trợ chính của Festival Quốc tế Trà Thái Nguyên năm 2015 với mức tài trợ 1 tỷ đồng



Ủng hộ Festival Trà Đại Từ năm 2015 với mức 538 triệu đồng



Cán bộ y tế của Công ty khám chữa bệnh miễn phí cho người già, trẻ em và người tàn tật



Trao quà từ thiện tại xóm Cây Thông - xã Phúc Lương - huyện Đại Từ

Công ty tin rằng mối quan hệ khăng khít với cộng đồng và trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp là một nhân tố quan trọng để đạt được “giấy thông hành xã hội” (social license) để Công ty có thể hoạt động hiệu quả. Do vậy, Công ty đã có những đóng góp về nguồn lực, chia sẻ kiến thức và nuôi dưỡng mối quan hệ tốt đẹp nhằm phát huy những kết quả tích cực đã đạt được đối với cộng đồng bị ảnh hưởng, cũng như đối với huyện Đại Từ và tỉnh Thái Nguyên.

### Quỹ phục hồi kinh tế

Thành lập năm 2013 theo chương trình hợp tác giữa Công ty và Ngân hàng Chính sách và Xã hội huyện Đại Từ, Quỹ vốn vay theo hình thức tài chính vi mô đã chứng tỏ là một mô hình phục hồi kinh tế sáng tạo và hiệu quả, đáp ứng nhu cầu của người BAH.

Tính đến cuối năm 2015, đã có 122 hộ gia đình được vay vốn để thực hiện các hoạt động tạo thu nhập khác nhau như thành lập hoặc mở rộng các mô hình sinh kế hoặc khởi sự kinh doanh. Vốn vay được dùng để mua gia súc, gia cầm, thức ăn chăn nuôi, cây giống và phân bón hoặc nâng cấp cơ sở hạ tầng, mua trang thiết bị hoặc công nghệ.

### Sử dụng nguồn vốn vay hiệu quả

Anh Nguyễn Văn Quảng và gia đình có 2.000 m<sup>2</sup> đất trồng chè bị thu hồi để phục vụ cho hoạt động của mỏ Núi Pháo. Anh Quảng bắt đầu mô hình nuôi thỏ với chỉ 30 con thỏ cái và vài chục thỏ con. Anh Quảng đã vay 45 triệu đồng từ Quỹ vốn vay phục hồi kinh tế và mở rộng thành công mô hình của mình. Hiện nay, anh đã tăng quy mô kinh doanh lên gấp tám lần. Anh Quảng đã xuất chuồng được gần 500 con thỏ, thu lại lợi nhuận thuần là 40%. Thành công ban đầu của anh Quảng đã thôi thúc những người dân trong cộng đồng học tập theo mô hình của anh, tiếp cận nguồn vốn để khởi nghiệp.



Mô hình trang trại nuôi thỏ của anh Nguyễn Văn Quảng, xóm 13 - xã Tân Linh



# BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Thông tin về Công ty  
Báo cáo của Hội đồng Quản trị  
Báo cáo Kiểm toán độc lập  
Bảng cân đối kế toán  
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh  
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ  
Thuyết minh báo cáo tài chính

## THÔNG TIN VỀ CÔNG TY

### Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số

0309966889 ngày 4 tháng 2 năm 2015

Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh của Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần, và lần điều chỉnh gần đây nhất là vào ngày 4 tháng 2 năm 2015. Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh và các bản điều chỉnh do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đầu tiên số 0309966889 được cấp ngày 27 tháng 4 năm 2010.

### Giấy chứng nhận đầu tư số

41122000131 ngày 2 tháng 8 năm 2013

Giấy chứng nhận đầu tư do Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cấp cho Công ty để thực hiện việc đầu tư dự án “Công ty Cổ phần Tài nguyên Ma San”. Dự án đầu tư có thời gian hoạt động là 10 năm kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đầu tư.

### Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Đăng Quang	Chủ tịch
Ông Nguyễn Thiệu Nam	Thành viên
Ông Chetan Prakash Baxi	Thành viên
Ông Jonathan David Fiorello	Thành viên

### Ban Giám đốc

Ông Dominic John Heaton	Tổng Giám đốc
-------------------------	---------------

### Trụ sở đăng ký

Phòng 802, Tầng 8, Tòa nhà Central Plaza  
Số 17 Lê Duẩn, Quận 1  
Thành phố Hồ Chí Minh  
Việt Nam

### Công ty kiểm toán

Công ty TNHH KPMG  
Việt Nam



## BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng Quản trị của Công ty Cổ phần Tài nguyên Ma Sơn (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng và hợp nhất đính kèm của Công ty và các công ty con (gọi chung là “Tập đoàn”) tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

Hội đồng Quản trị Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày báo cáo tài chính riêng và hợp nhất theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Theo ý kiến của Hội đồng Quản trị Công ty:

- báo cáo tài chính riêng và hợp nhất được trình bày từ trang 127 đến trang 187 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty và Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty và Tập đoàn cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; và
- tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Hội đồng Quản trị Công ty cho rằng Tập đoàn sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Hội đồng Quản trị Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính riêng và hợp nhất đính kèm.

Thay mặt Hội đồng Quản trị



**Tiến sỹ Nguyễn Đăng Quang**  
Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 7 tháng 3 năm 2016



# BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi các Cổ đông  
Công ty Cổ phần Tài nguyên Ma San

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng và hợp nhất đính kèm của Công ty Cổ phần Tài nguyên Ma San (“Công ty”) và các công ty con (gọi chung là “Tập đoàn”), bao gồm bảng cân đối kế toán riêng và hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng và hợp nhất liên quan cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Hội đồng Quản trị Công ty phê duyệt phát hành ngày ngày 7 tháng 3 năm 2016, được trình bày từ trang 127 đến 187.

## Trách nhiệm của Hội đồng Quản trị

Hội đồng Quản trị Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm đối với hệ thống kiểm soát nội bộ mà Hội đồng Quản trị xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính riêng và hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

## Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng và hợp nhất này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính riêng và hợp nhất có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Hội đồng Quản trị của Công ty, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

## Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng và hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty và Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trong năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

## Công ty TNHH KPMG

Việt Nam  
Báo cáo kiểm toán số: 15-02-523



Đàm Xuân Lâm  
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề  
kiểm toán số: 0861-2013-007-1  
Phó Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 7 tháng 3 năm 2016

Lại Thùy Linh  
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề  
kiểm toán số: 2040-2013-007-1

# BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

## Công ty Cổ phần Tài nguyên Ma San và các công ty con

Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

Mẫu B 01 – DN/HN  
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Mã số	Thuyết minh	Tập đoàn		Công ty	
		31/12/2015 Nghìn VNĐ	1/1/2015 Nghìn VNĐ	31/12/2015 Nghìn VNĐ	1/1/2015 Nghìn VNĐ
<b>Đã phân loại lại</b>					
<b>TÀI SẢN</b>					
<b>Tài sản ngắn hạn</b> (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	<b>100</b>	<b>2.490.177.582</b>	<b>2.040.557.416</b>	<b>552.795</b>	<b>54.563.508</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>372.014.377</b>	<b>136.442.647</b>	<b>497.795</b>	<b>54.478.808</b>
Tiền	111	370.384.377	81.442.647	497.795	478.808
Các khoản tương đương tiền	112	1.630.000	55.000.000	-	54.000.000
<b>Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	<b>2.100.000</b>	-	-	-
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	2.100.000	-	-	-
<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>	<b>747.080.504</b>	<b>982.814.499</b>	<b>55.000</b>	<b>84.700</b>
Phải thu khách hàng	131	241.247.245	594.764.354	-	-
Trả trước cho người bán	132	75.767.652	107.716.633	-	-
Các khoản phải thu khác	136	432.350.795	280.333.512	55.000	84.700
Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	137	(2.285.188)	-	-	-
<b>Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>1.084.398.392</b>	<b>653.671.833</b>	-	-
Hàng tồn kho	141	1.084.398.392	653.671.833	-	-
<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>	<b>284.584.309</b>	<b>267.628.437</b>	-	-
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	42.783.827	42.907.396	-	-
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152	241.800.482	224.721.041	-	-

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này



Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN/HN  
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Mã số	Thuyết minh	Tập đoàn		Công ty	
		31/12/2015 Nghìn VNĐ	1/1/2015 Nghìn VNĐ	31/12/2015 Nghìn VNĐ	1/1/2015 Nghìn VNĐ
<b>Đã phân loại lại</b>					
<b>Tài sản dài hạn (200 = 210 + 220 + 240 + 250 + 260)</b>	<b>200</b>	<b>24.117.529.315</b>	<b>23.065.736.511</b>	<b>10.079.094.084</b>	<b>11.087.179.134</b>
<b>Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>	<b>1.401.308.413</b>	<b>1.421.346.690</b>	<b>4.938.758.511</b>	<b>5.946.843.561</b>
Phải thu về cho vay dài hạn	215	9	-	3.945.518.100	4.941.518.100
Các khoản phải thu dài hạn khác	216	7	1.401.308.413	1.421.346.690	993.240.411
<b>Tài sản cố định</b>	<b>220</b>	<b>16.902.122.433</b>	<b>17.347.633.391</b>	-	-
Tài sản cố định hữu hình	221	10	16.256.577.694	16.648.908.324	-
<i>Nguyên giá</i>	222		17.617.933.108	17.288.013.900	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(1.361.355.414)	(639.105.576)	-
Tài sản cố định hữu hình thuê tài chính	224	11	31.406.667	44.866.667	-
<i>Nguyên giá</i>	225		67.300.000	67.300.000	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		(35.893.333)	(22.433.333)	-
Tài sản cố định vô hình	227	12	614.138.072	653.858.400	-
<i>Nguyên giá</i>	228		677.181.458	675.161.792	137.950
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(63.043.386)	(21.303.392)	(137.950)
<b>Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>	<b>3.994.917.610</b>	<b>3.185.593.593</b>	-	-
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	13	3.994.917.610	3.185.593.593	-
<b>Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	-	-	<b>5.140.335.573</b>	<b>5.140.335.573</b>
Đầu tư vào công ty con	251	14	-	5.140.335.573	5.140.335.573
<b>Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>	<b>1.819.180.859</b>	<b>1.111.162.837</b>	-	-
Chi phí trả trước dài hạn	261	15	1.819.180.859	1.111.162.837	-
<b>TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)</b>	<b>270</b>	<b>26,607,706,897</b>	<b>25,106,293,927</b>	<b>10,079,646,879</b>	<b>11,141,742,642</b>

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN/HN  
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Mã số	Thuyết minh	Tập đoàn		Công ty	
		31/12/2015 Nghìn VNĐ	1/1/2015 Nghìn VNĐ	31/12/2015 Nghìn VNĐ	1/1/2015 Nghìn VNĐ
<b>Đã phân loại lại</b>					
<b>NGUỒN VỐN</b>					
<b>NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)</b>	<b>300</b>	<b>15.012.572.488</b>	<b>13.595.481.547</b>	<b>718.158.182</b>	<b>1.740.370.825</b>
<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>	<b>3.971.178.995</b>	<b>2.653.866.107</b>	<b>65.834.559</b>	<b>381.818.469</b>
Phải trả người bán	311		527.850.896	419.650.935	36.416
Người mua trả tiền trước	312		5.011.136	11.016.118	-
Thuế phải nộp Nhà nước	313	16	29.966.819	106.059.649	-
Phải trả người lao động	314		11.626	-	-
Chi phí phải trả	315	17	798.272.246	683.665.697	778.096
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	18	79.848.379	91.429.382	65.020.047
Vay ngắn hạn	320	19	2.530.217.893	1.342.044.326	-
<b>Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>	<b>11.041.393.493</b>	<b>10.941.615.440</b>	<b>652.323.623</b>	<b>1.358.552.356</b>
Phải trả dài hạn khác	337	18	1.581.573.288	2.251.402.102	652.323.623
Vay và nợ dài hạn	338	19	8.173.417.989	7.352.306.206	-
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341	21	704.173.514	730.049.612	-
Dự phòng dài hạn	342	20	582.228.702	607.857.520	-

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

## BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm kết thúc ngày  
31 tháng 12 năm 2015

Mẫu B 02 – DN/HN  
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Mã số	Thuyết minh	Tập đoàn		Công ty	
		2015 Nghìn VNĐ	2014 Nghìn VNĐ	2015 Nghìn VNĐ	2014 Nghìn VNĐ
		Đã phân loại lại			
<b>Doanh thu bán hàng</b>	<b>01 25</b>	<b>2.665.267.495</b>	<b>2.853.656.655</b>	-	-
<b>Các khoản giảm trừ doanh thu</b>	<b>02</b>	<b>7.392.789</b>	<b>27.924.847</b>	-	-
<b>Doanh thu thuần về bán hàng (10 = 01 - 02)</b>	<b>10</b>	<b>2.657.874.706</b>	<b>2.825.731.808</b>	-	-
<b>Giá vốn hàng bán</b>	<b>11</b>	<b>1.894.376.161</b>	<b>2.086.313.265</b>	-	-
<b>Lợi nhuận gộp (20 = 10 - 11)</b>	<b>20</b>	<b>763.498.545</b>	<b>739.418.543</b>	-	-
Doanh thu hoạt động tài chính	21 26	556.078.851	28.075.634	18.095.979	96.906.522
Chi phí tài chính	22 27	834.759.478	614.292.329	52.914.399	141.526.121
Chi phí bán hàng	25	160.179.519	91.853.389	-	-
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	247.909.321	280.525.013	5.064.700	735.109
<b>Lợi nhuận/(lỗ) thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}</b>	<b>30</b>	<b>76.729.078</b>	<b>(219.176.554)</b>	<b>(39.883.120)</b>	<b>(45.354.708)</b>
Thu nhập khác	31	11.769.734	268.333.674	-	-
Chi phí khác	32	29.939.356	41.435.209	-	498.348
<b>(Lỗ)/lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)</b>	<b>40</b>	<b>(18.169.622)</b>	<b>226.898.465</b>	-	<b>(498.348)</b>

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN/HN  
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Mã số	Thuyết minh	Tập đoàn		Công ty	
		31/12/2015 Nghìn VNĐ	1/1/2015 Nghìn VNĐ	31/12/2015 Nghìn VNĐ	1/1/2015 Nghìn VNĐ
		Đã phân loại lại			
<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)</b>	<b>400</b>	<b>11.595.134.409</b>	<b>11.510.812.380</b>	<b>9.361.488.697</b>	<b>9.401.371.817</b>
<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410 22</b>	<b>11.595.134.409</b>	<b>11.510.812.380</b>	<b>9.361.488.697</b>	<b>9.401.371.817</b>
Vốn cổ phần	411 23	7.194.473.280	7.194.473.280	7.194.473.280	7.194.473.280
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a	7.035.448.980	7.035.448.980	7.035.448.980	7.035.448.980
- Cổ phiếu ưu đãi	411b	159.024.300	159.024.300	159.024.300	159.024.300
Thặng dư vốn cổ phần	412 23	1.944.327.324	1.944.327.324	1.944.327.324	1.944.327.324
Vốn khác của chủ sở hữu	414	(295.683.347)	(295.683.347)	-	-
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	2.441.963.692	2.289.827.945	222.688.093	262.571.213
- Lợi nhuận chưa phân phối đến cuối năm trước	421a	2.289.827.945	2.243.151.737	262.571.213	299.922.284
- Lợi nhuận/(lỗ) chưa phân phối năm nay	421b	152.135.747	46.676.208	(39.883.120)	(37.351.071)
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429	310.053.460	377.867.178	-	-
<b>TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)</b>	<b>440</b>	<b>26.607.706.897</b>	<b>25.106.293.927</b>	<b>10.079.646.879</b>	<b>11.141.742.642</b>

Ngày 7 tháng 3 năm 2016

Người lập:

Người kiểm tra:

Người duyệt:



Nguyễn Thị Hải Yến  
Kế toán trưởng



Wayne Apted  
Giám đốc Tài chính



Tiến sỹ Nguyễn Đăng Quang  
Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

## BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 03 – DN/HN  
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Mã số	Thuyết minh	Tập đoàn		Công ty	
		2015 Nghìn VNĐ	2014 Nghìn VNĐ	2015 Nghìn VNĐ	2014 Nghìn VNĐ
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>					
01		58.559.456	7.721.911	(39.883.120)	(45.853.056)
<b>Điều chỉnh cho các khoản</b>					
02	Khấu hao và phân bổ	808.013.379	597.005.484	-	42.151
03	Các khoản dự phòng	49.802.020	-	-	-
04	Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	23.164.104	-	-	-
05	Lãi từ hoạt động đầu tư	(508.467.181)	(3.644.215)	(18.095.979)	(96.906.522)
06	Chi phí lãi vay và chi phí đi vay	706.154.441	589.036.786	52.914.399	141.526.121
08	<b>Lợi nhuận/(lỗ) từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động</b>	<b>1.137.226.219</b>	<b>1.190.119.966</b>	<b>(5.064.700)</b>	<b>(1.191.306)</b>
09	Biến động các khoản phải thu và tài sản ngắn hạn khác	207.127.762	(854.397.624)	-	32.428.519
10	Biến động hàng tồn kho	(428.357.269)	(177.418.124)	-	-
11	Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	227.307.687	(155.196.023)	(27.056.124)	(26.363.309)
12	Biến động chi phí trả trước	(90.851.565)	147.836.215	-	-
		<b>1.052.452.834</b>	<b>150.944.410</b>	<b>(32.120.824)</b>	<b>4.873.904</b>
14	Tiền lãi vay đã trả	(1.010.638.167)	(651.146.434)	(384.946.188)	-
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	(108.583)	(1.579.340)	-	-
16	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	-	66.917	-	-
17	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	-	(36.773.092)	-	-
20	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>41.706.084</b>	<b>(538.487.539)</b>	<b>(417.067.012)</b>	<b>4.873.904</b>

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 02 – DN/HN  
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Mã số	Thuyết minh	Tập đoàn		Công ty	
		2015 Nghìn VNĐ	2014 Nghìn VNĐ	2015 Nghìn VNĐ	2014 Nghìn VNĐ
<b>Đã phân loại lại</b>					
50		58.559.456	7.721.911	(39.883.120)	(45.853.056)
51	28	113.525	(6.953.138)	-	(8.501.985)
52	28	(25.876.098)	(20.978.465)	-	-
60		84.322.029	35.653.514	(39.883.120)	(37.351.071)
<b>Lợi nhuận thuần phân bổ cho:</b>		<b>Nghìn VNĐ</b>	<b>Nghìn VNĐ</b>		
61	Chủ sở hữu của Công ty	152.135.747	46.676.208		
62	Cổ đông không kiểm soát	(67.813.718)	(11.022.694)		
<b>Lãi trên cổ phiếu</b>		<b>VNĐ</b>	<b>VNĐ</b>		
29	Lãi cơ bản và lãi suy giảm trên mỗi cổ phần	211	65		

Ngày 7 tháng 3 năm 2016

Người lập:

Người kiểm tra:

Người duyệt:



Nguyễn Thị Hải Yến  
Kế toán trưởng



Wayne Apted  
Giám đốc Tài chính



Tiến sỹ Nguyễn Đăng Quang  
Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015**  
(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)

Mẫu B 03 – DN/HN  
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Mã số	Tập đoàn		Công ty	
	2015 Nghìn VNĐ	2014 Nghìn VNĐ	2015 Nghìn VNĐ	2014 Nghìn VNĐ
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				
Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21	(2.000.266.615)	(1.932.755.579)	-
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	22	227.273	-	-
Các khoản vay cấp cho một công ty con	23	-	-	(23.408.000)
Tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng	23	(2.100.000)	-	-
Tiền thu hồi khoản cho vay tại các đơn vị khác	24	-	-	996.000.000
Tiền thu lãi tiền gửi	27	4.661.873	4.502.683	30.210.729
				711.156
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>(1.997.477.469)</b>	<b>(1.928.252.896)</b>	<b>1.026.210.729</b>
				<b>(22.696.844)</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu	31	-	61.472.500	-
Tiền thu từ góp vốn của cổ đông không kiểm soát vào một công ty con	31	-	388.889.872	-
Tiền vay nhận được	33	11.247.836.312	8.257.995.390	-
Tiền chi trả chi phí giao dịch liên quan tới các khoản vay	34	(122.500.000)	(232.767.449)	-
Tiền chi trả các khoản vay	34	(8.874.377.630)	(5.979.493.537)	(611.053.812)
Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35	(11.351.889)	(10.837.282)	-
Tiền chi trả cổ tức	36	(52.070.918)	(33.696.303)	(52.070.918)
				(33.696.303)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>2.187.535.875</b>	<b>2.451.563.191</b>	<b>(663.124.730)</b>
				<b>27.776.197</b>

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015**  
(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)

Mẫu B 03 – DN/HN  
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Mã số	Tập đoàn		Công ty	
	2015 Nghìn VNĐ	2014 Nghìn VNĐ	2015 Nghìn VNĐ	2014 Nghìn VNĐ
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)</b>	<b>50</b>	<b>231.764.490</b>	<b>(15.177.244)</b>	<b>(53.981.013)</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>	<b>136.442.647</b>	<b>150.739.223</b>	<b>54.478.808</b>
<b>Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái đối với tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>61</b>	<b>3.807.240</b>	<b>880.668</b>	<b>-</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60 + 61) (Thuyết minh 6)</b>	<b>70</b>	<b>372.014.377</b>	<b>136.442.647</b>	<b>497.795</b>
				<b>54.478.808</b>

Người lập:

Nguyễn Thị Hải Yến  
Kế toán trưởng

Ngày 7 tháng 3 năm 2016

Người kiểm tra:

Wayne Apted  
Giám đốc Tài chính

Người duyệt:



Tiền sỹ Nguyễn Đăng Quang  
Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

# THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Mẫu B 09 – DN/HN  
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính đính kèm.

## 1. Đơn vị báo cáo

### Hình thức sở hữu vốn và cấu trúc Tập đoàn

Công ty Cổ phần Tài nguyên Ma San (“Công ty” hoặc “MSR”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam. Hoạt động chính của Công ty là tư vấn quản lý.

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Công ty và các công ty con (gọi chung là “Tập đoàn”).

Các hoạt động chính của các công ty con như sau:

Tên công ty	Hoạt động chính	Tỷ lệ lợi ích kinh tế	
		31/12/2015	1/1/2015
Công ty TNHH MTV Tài Nguyên Ma San Thái Nguyên (“MRTN”)	Tư vấn quản lý	100%	100%
Công ty TNHH MTV Thương mại và Đầu tư Thái Nguyên (“TNTI”)	Tư vấn quản lý	100%	100%
Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo (“NPM”)	Khai thác và chế biến khoáng sản	100%	100%
Công ty TNHH Tinh luyện vonfram Núi Pháo - H.C. Starck (“NPHCS”)	Chế biến kim loại màu và kim loại quý hiếm (Vonfram)	51%	51%

Tỷ lệ lợi ích kinh tế phản ánh tỷ lệ thực tế của các lợi ích kinh tế trực tiếp và gián tiếp của Công ty tại các công ty con.

Tất cả các công ty con của Công ty được thành lập tại Việt Nam.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Công ty có 2 nhân viên (1/1/2015: 2 nhân viên) và Tập đoàn có 1.475 nhân viên (1/1/2015: 1.349 nhân viên).

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015  
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN  
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

## 2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

### (a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính riêng và hợp nhất được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

### (b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính riêng và hợp nhất, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng và hợp nhất, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng và hợp nhất được lập theo phương pháp gián tiếp.

### (c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty và các công ty con là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

### (d) Đơn vị tiền tệ kế toán

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam (“VNĐ”). Báo cáo tài chính được lập và trình bày bằng VNĐ làm tròn đến hàng nghìn (“Nghìn VNĐ”).

## 3. Áp dụng Hướng dẫn Chế độ Kế toán Doanh nghiệp mới ban hành

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ Kế toán Doanh nghiệp (“Thông tư 200”). Thông tư 200 thay thế cho quy định về Chế độ Kế toán Doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Thông tư 200 có hiệu lực sau 45 ngày kể từ ngày ký và áp dụng cho kỳ kế toán năm bắt đầu từ hoặc sau ngày 1 tháng 1 năm 2015.

Cùng ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 202/2014/TT-BTC hướng dẫn phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất (“Thông tư 202”). Thông tư 202 thay thế cho các hướng dẫn trước đây trong phần XIII Thông tư số 161/2007/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2007 của Bộ Tài chính. Thông tư 202 cũng có hiệu lực sau 45 ngày kể từ ngày ký và áp dụng cho kỳ kế toán năm bắt đầu từ hoặc sau ngày 1 tháng 1 năm 2015.

Kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2015, Tập đoàn và Công ty đã áp dụng các quy định của Thông tư 200 và Thông tư 202. Những thay đổi quan trọng trong chính sách kế toán của Tập đoàn và Công ty và các ảnh hưởng đến báo cáo tài chính của Tập đoàn và Công ty được trình bày trong thuyết minh 4(b) về ghi nhận chênh lệch tỷ giá hối đoái.

**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015**  
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN  
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

## 4. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Tập đoàn và Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng và hợp nhất này.

### (a) Cơ sở hợp nhất

#### (i) Hợp nhất kinh doanh

Hợp nhất kinh doanh được hạch toán theo phương pháp mua tại ngày mua, là ngày mà quyền kiểm soát được chuyển giao cho Tập đoàn. Sự kiểm soát tồn tại khi Tập đoàn có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của đơn vị nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của đơn vị đó. Khi đánh giá quyền kiểm soát, Tập đoàn phải xem xét quyền biểu quyết tiềm tàng có thể thực hiện được tại thời điểm hiện tại.

Theo phương pháp mua, tài sản và nợ phải trả của công ty được mua được hợp nhất theo giá trị hợp lý khi hợp nhất. Giá mua bao gồm tổng giá trị hợp lý của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã tiếp nhận và các công cụ vốn chủ sở hữu phát hành bởi Tập đoàn tại ngày trao đổi. Lợi thế thương mại là phần chênh lệch giữa chi phí mua và lợi ích của Tập đoàn trong giá trị hợp lý thuần của các tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và nợ tiềm tàng của công ty được mua. Khoản chênh lệch âm được ghi nhận thẳng vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Các chi phí giao dịch, ngoại trừ các chi phí liên quan đến việc phát hành công cụ hoặc chứng khoán vốn của Tập đoàn liên quan đến việc hợp nhất kinh doanh, bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh, như chi phí trả cho tư vấn tài chính, tư vấn pháp lý, thẩm định viên về giá và các nhà tư vấn liên quan đến hợp nhất kinh doanh. Các chi phí giao dịch này được tính vào giá phí hợp nhất kinh doanh. Các chi phí quản lý chung và các chi phí khác không liên quan trực tiếp đến giao dịch hợp nhất kinh doanh cụ thể đang được ghi nhận thì không được tính vào chi phí mua, mà được ghi nhận là chi phí phát sinh trong kỳ.

#### (ii) Công ty con

Các công ty con là các đơn vị chịu sự kiểm soát của Tập đoàn. Sự kiểm soát tồn tại khi Tập đoàn có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của đơn vị nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của đơn vị đó. Việc đánh giá quyền kiểm soát có xét đến quyền bỏ phiếu tiềm năng có thể thực hiện được tại thời điểm hiện tại. Báo cáo tài chính của các công ty con được hợp nhất trong báo cáo tài chính hợp nhất từ ngày bắt đầu cho tới ngày chấm dứt kiểm soát đối với các đơn vị này.

#### (iii) Lợi ích cổ đông không kiểm soát

Lợi ích cổ đông không kiểm soát được xác định theo tỷ lệ lợi ích kinh tế của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của đơn vị bị mua lại tại ngày mua.

#### (iv) Các giao dịch được loại trừ khi hợp nhất

Các số dư trong nội bộ tập đoàn và các khoản thu nhập và chi phí chưa thực hiện từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất.

#### (b) Ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VNĐ trong năm được quy đổi sang VNĐ theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch. Tỷ giá thực tế áp dụng cho các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi mua bán ngoại tệ là tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua bán ngoại tệ giữa Công ty hoặc các công ty con và ngân hàng thương mại.
- Tỷ giá giao dịch thực tế khi góp vốn hoặc nhận vốn góp là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản để nhận vốn góp tại ngày góp vốn.
- Tỷ giá giao dịch thực tế khi ghi nhận nợ phải thu là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty hoặc các công ty con nhận tiền từ khách hàng hoặc đối tác.
- Tỷ giá giao dịch thực tế khi ghi nhận nợ phải trả là tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty hoặc các công ty con dự kiến thanh toán khoản phải trả đó.

**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015**  
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN  
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí thanh toán ngay bằng ngoại tệ, tỷ giá giao dịch thực tế là tỷ giá mua của ngân hàng nơi Công ty hoặc các công ty con thực hiện thanh toán.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VNĐ được quy đổi sang VNĐ theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày lập báo cáo tài chính được xác định như sau:

- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ là tài sản (tiền mặt và phải thu): dùng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty hoặc các công ty con thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tiền gửi ngân hàng bằng ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá mua ngoại tệ của chính ngân hàng nơi Công ty hoặc các công ty con gửi tiền hoặc mở tài khoản ngoại tệ.

- Đối với nợ phải trả tiền tệ (các khoản phải trả và vay): dùng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty hoặc các công ty con thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Trước ngày 1 tháng 1 năm 2015, tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, trừ các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh liên quan đến hoạt động xây dựng cơ bản để hình thành tài sản cố định và chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ trong giai đoạn trước hoạt động của các công ty con, thì được ghi nhận vào Tài khoản Chênh lệch tỷ giá hối đoái thuộc nguồn vốn chủ sở hữu cho đến khi công ty con bắt đầu hoạt động. Khi công ty con bắt đầu hoạt động và tài sản cố định hoàn thành đưa vào sử dụng, các khoản lãi hoặc lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái thuần có liên quan được kết chuyển vào Tài khoản Doanh thu chưa thực hiện hoặc vào Tài khoản Chi phí trả trước dài hạn. Các khoản lãi hoặc lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái thuần này được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng năm (5) năm.

Kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2015, do áp dụng Thông tư 200, tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá bao gồm cả chênh lệch tỷ giá phát sinh trong giai đoạn trước hoạt động được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Số dư còn lại chưa phân bổ hết tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 của khoản chênh lệch tỷ giá trước đây đã ghi nhận vào Tài khoản Chi phí trả trước dài hạn được kết chuyển vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

#### (c) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

#### (d) Các khoản đầu tư

##### (i) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Hội đồng Quản trị của Tập đoàn dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn, trái phiếu và các khoản phải thu từ cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

##### (ii) Đầu tư vào công ty con

Cho mục đích của báo cáo tài chính riêng, các khoản đầu tư vào công ty con được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong dự kiến của Hội đồng Quản trị của Tập đoàn khi quyết định đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia.

**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015  
(tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN/HN  
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giả định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

**(e) Các khoản phải thu**

Các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

**(f) Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và sản phẩm dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí khai thác khoáng sản và sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí bán hàng.

Tập đoàn áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

**(g) Tài sản cố định hữu hình**

**(i) Nguyên giá**

Khi kết thúc giai đoạn xây dựng mỏ, các tài sản được kết chuyển vào “nhà cửa, vật kiến trúc”, “máy móc và thiết bị” hoặc “tài sản khai thác khoáng sản khác” thuộc khoản mục tài sản cố định hữu hình. Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua hoặc chi phí xây dựng, bao gồm thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến, và chi phí để tháo dỡ, di dời tài sản và khôi phục hiện trường tại địa điểm đặt tài sản. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu

được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

Tài sản khai thác khoáng sản khác bao gồm chi phí phục hồi môi trường mỏ; và giá trị hợp lý của trữ lượng khai thác và trữ lượng địa chất khoáng sản từ hợp nhất kinh doanh.

Căn cứ hướng dẫn tại công văn số 12727/BTC-TCĐN ngày 14 tháng 9 năm 2015 của Bộ Tài chính về việc ghi nhận các chi phí liên quan đến hoạt động khai thác khoáng sản là chi phí trả trước dài hạn thuộc tài sản dài hạn, NPM - một công ty con của Tập đoàn đã phân loại lại một số chi phí liên quan đến hoạt động khai thác khoáng sản vào chi phí trả trước dài hạn.

**(ii) Khấu hao**

*Máy móc, thiết bị và giá trị hợp lý của trữ lượng khoáng sản từ hợp nhất kinh doanh liên quan trực tiếp đến hoạt động khai thác khoáng sản*

Máy móc, thiết bị và giá trị hợp lý của trữ lượng khoáng sản từ hợp nhất kinh doanh liên quan trực tiếp đến hoạt động khai thác khoáng sản được khấu hao dựa trên trữ lượng khoáng sản của mỏ theo phương pháp khối lượng sản phẩm. Trữ lượng khoáng sản của mỏ là sản lượng quặng ước tính có thể được khai thác hợp pháp và thu được lợi ích kinh tế từ tài sản khai thác khoáng sản của Tập đoàn.

*Máy móc và thiết bị của một công ty con liên quan trực tiếp đến hoạt động sản xuất*

Tài sản cố định hữu hình của một công ty con liên quan trực tiếp đến hoạt động chế biến các sản phẩm tinh chế từ vonfram được tính khấu hao trong thời gian hữu dụng ước tính của tài sản theo đơn vị sản phẩm. Tổng đơn vị sản phẩm ước tính mà tài sản cố định khấu hao theo phương pháp khấu hao theo đơn vị sản phẩm là như sau:

**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015  
(tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN/HN  
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

■ nhà máy ST	91.000 tấn vonfram
■ nhà máy APT	86.215 tấn vonfram

**Các tài sản khác**

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

■ nhà cửa và vật kiến trúc	5 – 20 năm
■ máy móc và thiết bị	5 – 15 năm
■ dụng cụ văn phòng	3 – 10 năm
■ phương tiện vận chuyển	3 – 6 năm
■ các tài sản khai thác khoáng sản khác	15 – 20 năm

Trong năm, NPHCS - một công ty con của Tập đoàn đã điều chỉnh thời gian hữu dụng ước tính của một số tài sản cố định hữu hình. Phương pháp khấu hao cũng đã được thay đổi từ phương pháp đường thẳng sang phương pháp khấu hao theo đơn vị sản phẩm để phản ánh phương thức mà Công ty dự kiến sẽ sử dụng các lợi ích kinh tế tương lai của tài sản.

**(h) Tài sản cố định hữu hình thuê tài chính**

Các hợp đồng thuê được phân loại là thuê tài chính nếu theo các điều khoản của hợp đồng, Tập đoàn đã nhận phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu. Tài sản cố định hữu hình dưới hình thức thuê tài chính được thể hiện bằng số tiền tương đương với số thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản cố định và giá trị hiện tại của các khoản tiền thuê tối thiểu, tính tại thời điểm bắt đầu thuê, trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Khấu hao của tài sản thuê tài chính được hạch toán theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản thuê tài chính là năm (5) năm.

**(i) Tài sản cố định vô hình**

**(i) Phần mềm máy vi tính**

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng từ 3 đến 8 năm.

**(ii) Quyền khai thác khoáng sản**

Quyền khai thác khoáng sản được tính dựa trên trữ lượng khai thác còn lại nhân với giá khoáng sản do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh công bố theo quy định tại Nghị định số 203/2013/NĐ/CP ngày 28 tháng 11 năm 2013 có hiệu lực từ ngày 20 tháng 1 năm 2014. Nguyên giá của quyền khai thác khoáng sản được trình bày theo giá trị hiện tại của tiền cấp quyền khai thác khoáng sản và được vốn hóa và hạch toán như một tài sản cố định vô hình. Quyền khai thác khoáng sản được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên vòng đời kinh tế của trữ lượng khoáng sản của mỏ.

**(j) Xây dựng cơ bản dở dang**

Xây dựng cơ bản dở dang bao gồm tài sản khoáng sản đang trong quá trình phát triển và chi phí xây dựng và máy móc chưa hoàn thành, chưa lắp đặt xong và chưa nghiệm thu đưa vào hoạt động. Xây dựng cơ bản dở dang cũng bao gồm giá trị của trữ lượng khai thác khoáng sản, trữ lượng địa chất khoáng sản và các chi phí liên quan đến việc phát triển mỏ đã phát sinh trong giao dịch hợp nhất kinh doanh và các chi phí phát triển mỏ phát sinh sau này. Các tài sản này đủ điều kiện để được vốn hóa khi trữ lượng khai thác khoáng sản liên quan đã được chứng minh là có tính khả thi về lợi ích kinh tế và kỹ thuật. Các tài sản này ban đầu được ghi nhận theo giá trị hợp lý như một phần của giao dịch hợp nhất kinh doanh và các chi phí phát triển mỏ phát sinh sau đó sẽ được vốn hóa sau khi cân trừ tiền thu về từ việc bán sản phẩm sản xuất thử trong giai đoạn phát triển mỏ. Khi hoàn thành giai đoạn xây dựng, được xác định là từ khi tài sản được đưa đến vị trí và trạng thái sẵn sàng cho mục đích sử dụng đã dự kiến, toàn bộ tài sản được phân loại lại vào tài sản cố định hữu hình là “nhà cửa và vật kiến trúc”, “máy móc và thiết bị” hoặc “tài sản khai thác khoáng sản khác” hoặc vào chi phí trả trước dài hạn là “chi phí khai thác khoáng sản khác”.

Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình phát triển mỏ, xây dựng, lắp đặt và chưa nghiệm thu để đưa tài sản vào sử dụng.

**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015**  
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN  
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**(k) Chi phí trả trước dài hạn**

**(i) Chi phí trước hoạt động**

Chi phí trước hoạt động được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, ngoại trừ chi phí thành lập, chi phí đào tạo, quảng cáo, khuyến mại phát sinh từ ngày thành lập cho tới ngày bắt đầu hoạt động. Các chi phí này được ghi nhận là chi phí trả trước dài hạn, ban đầu được phân ánh theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong ba (3) năm kể từ ngày bắt đầu hoạt động kinh doanh.

**(ii) Chi phí đền bù giải phóng mặt bằng**

Chi phí đền bù giải phóng mặt bằng bao gồm chi phí phát sinh liên quan đến việc bảo đảm mặt bằng cần thiết cho việc sử dụng đất thuê phục vụ hoạt động khai thác khoáng sản. Các chi phí này được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê đất là 20 năm.

**(iii) Chi phí khai thác khoáng sản khác**

Chi phí khai thác khoáng sản khác bao gồm:

- Chi phí thăm dò, đánh giá và phát triển mỏ (bao gồm chi phí bóc đất đá phát triển mỏ); và
- Chi phí bóc đất đá trong quá trình sản xuất (như được nêu dưới đây trong phần 'Chi phí bóc đất đá chờ phân bổ').

**Chi phí bóc đất đá chờ phân bổ**

Hoạt động khai thác mỏ lộ thiên đòi hỏi phải bóc lớp đất đá phủ bên trên và các loại phế liệu khác để tiếp cận thân quặng cần khai thác. Chi phí bóc đất đá phát sinh trong quá trình phát triển mỏ (chi phí bóc đất đá phát triển mỏ) được ghi nhận vào chi phí xây dựng mỏ. Toàn bộ chi phí bóc đất đá phát triển mỏ phát sinh trong giai đoạn xây dựng được kết chuyển vào chi phí khai thác khoáng sản khác.

Chi phí loại bỏ đất đá trong giai đoạn sản xuất của mỏ (chi phí bóc đất đá trong quá trình sản xuất) được giữ lại chờ phân bổ khi chi phí này làm phát sinh lợi ích trong tương lai:

- a) Khi Tập đoàn chắc chắn thu được lợi ích kinh tế trong tương lai;
- b) Khi có thể xác định được thành phần của phần thân quặng mà khả năng tiếp cận đã được cải thiện; và
- c) Khi các chi phí phát sinh có thể được tính toán được một cách đáng tin cậy.

Chi phí bóc đất đá trong quá trình sản xuất được phân bổ giữa hàng tồn kho và chi phí trả trước dài hạn trong quá trình sản xuất dựa trên tỷ lệ bóc đất đá trong vòng đời của mỏ.

Tỷ lệ bóc đất đá trong vòng đời của mỏ là tỷ lệ giữa tổng lượng đất đá và phế liệu ước tính phải bóc trên tổng lượng quặng ước tính có thể thu hồi được lợi ích kinh tế trong suốt vòng đời của mỏ. Chi phí bóc đất đá trong quá trình sản xuất được ghi nhận thành chi phí trả trước dài hạn khi tỷ lệ bóc đất đá thực tế của kỳ hiện tại cao hơn tỷ lệ bóc đất đá trung bình trong vòng đời của mỏ.

Chi phí bóc đất đá trong quá trình phát triển mỏ và sản xuất được phân bổ một cách có hệ thống trong suốt giai đoạn khai thác trữ lượng của các thành phần khoáng sản liên quan đã được chứng minh chắc chắn.

**(iv) Chi phí trả trước khác**

Chi phí trả trước khác bao gồm phí dịch vụ được ghi nhận lần đầu theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn hợp đồng.

**(l) Các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác**

Các khoản phải trả người bán và khoản phải trả khác thể hiện theo nguyên giá.

**(m) Dự phòng**

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Tập đoàn hoặc Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách

**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015**  
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN  
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

**(i) Quyền khai thác khoáng sản**

Theo quy định của Luật Khoáng sản năm 2010, một công ty con của Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước tiền cấp quyền khai thác khoáng sản. Tiền cấp quyền khai thác khoáng sản được tính dựa trên trữ lượng khai thác còn lại nhân với giá khoáng sản do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh công bố theo quy định tại Nghị định số 203/2013/NĐ/CP ngày 28 tháng 11 năm 2013 có hiệu lực từ ngày 20 tháng 1 năm 2014. Tiền cấp quyền khai thác khoáng sản được ghi nhận là tài sản cố định vô hình.

**(ii) Dự phòng phục hồi môi trường mỏ**

Hoạt động khai thác và chế biến khoáng sản của Tập đoàn làm phát sinh nghĩa vụ đóng cửa mỏ hoặc phục hồi môi trường mỏ có thể bao gồm việc giải bản mỏ và tháo dỡ thiết bị; phục hồi mặt bằng đất và khu vực khai thác. Phạm vi công việc phải thực hiện và các chi phí liên quan tùy thuộc vào các quy định của Bộ Tài nguyên và Môi trường ("MONRE") và các chính sách môi trường của Tập đoàn theo Báo cáo Tác động Môi trường.

Dự phòng chi phí của mỗi chương trình đóng cửa và phục hồi môi trường mỏ được ghi nhận tại thời điểm ảnh hưởng tiêu cực đến môi trường xảy ra. Khi mức độ ảnh hưởng đến môi trường tăng lên theo thời gian hoạt động khai thác, dự phòng sẽ tăng theo tương ứng. Các chi phí được tính vào dự phòng bao gồm tất cả các chi phí liên quan đến hoạt động đóng cửa mỏ và phục hồi môi trường mỏ dự kiến sẽ được trích lập liên tục theo suốt thời gian khai thác, chế biến khoáng sản, tương ứng với mức độ ảnh hưởng đối với môi trường tại ngày báo cáo.

Trong trường hợp hoạt động phục hồi mỏ được thực hiện một cách có hệ thống trong suốt thời gian hoạt động khai thác mà không phải tại thời điểm đóng cửa mỏ, dự phòng được trích lập cho công việc phục hồi mỏ liên tục chưa thực hiện ước tính tại mỗi thời điểm báo cáo và chi phí

được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Chi phí hoạt động thường ngày có thể tác động đến các hoạt động đóng cửa mỏ và phục hồi môi trường mỏ sau này như công việc xử lý vật liệu thải được thực hiện như một phần không tách rời của quá trình khai thác khoáng sản hoặc sản xuất, không được tính vào dự phòng. Chi phí phát sinh từ các tình huống không dự kiến trước được, như tình trạng ô nhiễm do chất thải ngoài dự kiến, được ghi nhận là chi phí và nợ phải trả khi sự cố làm phát sinh một nghĩa vụ có thể ước tính được một cách đáng tin cậy.

Thời gian đóng cửa mỏ thực tế và chi phí phục hồi môi trường mỏ phụ thuộc vào vòng đời của mỏ. Dự phòng đóng cửa và phục hồi mỏ được ghi nhận theo giá trị dự kiến của dòng tiền trong tương lai, được chiết khấu về giá trị hiện tại và được xác định theo xác suất ước tính của các dòng tiền phát sinh đối với mỗi hoạt động khai thác. Các xét đoán và ước tính trọng yếu được sử dụng để hình thành dự kiến về các hoạt động trong tương lai và giá trị và thời gian của dòng tiền liên quan. Những dự kiến này được hình thành dựa trên yêu cầu về môi trường và pháp lý hiện hành làm phát sinh một nghĩa vụ liên đới.

Khi dự phòng đóng cửa và phục hồi môi trường mỏ được ghi nhận lần đầu, chi phí tương ứng được vốn hóa như một tài sản, thể hiện một phần chi phí để thu được lợi ích kinh tế trong tương lai từ hoạt động khai thác. Chi phí đóng cửa và phục hồi môi trường mỏ đã vốn hóa được ghi nhận vào tài sản khai thác khoáng sản khác và được khấu hao sau đó. Chênh lệch về giá trị của khoản dự phòng tăng lên theo thời gian do ảnh hưởng của việc chiết khấu đến giá trị hiện tại, được ghi nhận là chi phí tài chính.

Dự phòng đóng cửa và phục hồi môi trường mỏ sẽ được điều chỉnh theo các thay đổi về ước tính. Các điều chỉnh này sẽ được hạch toán như một thay đổi về chi phí được vốn hóa tương ứng, trừ trường hợp số giảm dự phòng cao hơn chi phí được vốn hóa chưa được trích khấu hao của các tài sản liên quan, khi đó chi phí được vốn hóa được giảm xuống bằng không và phần chênh lệch còn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Các thay đổi về chi phí được vốn hóa dẫn đến một thay đổi về chi phí khấu hao trong tương lai. Các thay đổi



**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015  
(tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN/HN  
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

về giá trị và thời gian ước tính của các dòng tiền trong tương lai đối với hoạt động đóng cửa và phục hồi mô là một sự kiện bình thường phù hợp với các xét đoán và ước tính quan trọng liên quan.

**(n) Trái phiếu phát hành**

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, trái phiếu được xác định theo giá gốc bao gồm khoản tiền thu được từ việc phát hành trái phiếu trừ đi chi phí phát hành. Các khoản chiết khấu, phụ trội và chi phí phát hành được phân bổ dần theo phương pháp đường thẳng trong suốt kỳ hạn của trái phiếu.

**(o) Vốn chủ sở hữu**

**(i) Cổ phiếu phổ thông**

Cổ phiếu phổ thông được trình bày là vốn chủ sở hữu. Phần chênh lệch tăng do phát hành cổ phiếu cao hơn mệnh giá được ghi nhận vào thặng dư vốn cổ phần. Chi phí liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu phổ thông được ghi nhận là khoản giảm thặng dư vốn cổ phần.

**(ii) Cổ phiếu ưu đãi**

Cổ phiếu ưu đãi bắt buộc phải chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông được phân loại là vốn chủ sở hữu do cổ phiếu này hưởng cổ tức cố định, đồng thời vẫn có quyền nhận cổ tức công bố cho các cổ phiếu phổ thông và quyền bình đẳng đối với các tài sản còn lại của Công ty. Các chi phí liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu ưu đãi được ghi nhận như một khoản giảm thặng dư vốn.

**(iii) Vốn khác**

Các biến động vốn chủ sở hữu do việc mua hoặc thanh lý cổ phần cho cổ đông không kiểm soát và các giao dịch liên quan đến công cụ vốn chủ sở hữu trước đây được ghi nhận vào “Quỹ khác”. Quỹ này đã được phân loại vào “Vốn khác”

**(p) Phân loại các công cụ tài chính**

Nhằm mục đích duy nhất là cung cấp các thông tin thuyết minh về tầm quan trọng của các công cụ tài chính đối với tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh riêng và hợp nhất của Công ty và Tập đoàn và tính chất và mức

độ rủi ro phát sinh từ các công cụ tài chính, Tập đoàn và Công ty phân loại các công cụ tài chính như sau:

**(i) Tài sản tài chính**

*Tài sản tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh*

Tài sản tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là một tài sản tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- Tài sản tài chính được Hội đồng Quản trị phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh, nếu:
  - tài sản được mua chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn;
  - có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
  - công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Tập đoàn và Công ty xếp tài sản tài chính vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

*Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn*

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Tập đoàn và Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn, ngoại trừ:

- các tài sản tài chính mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu đã được Tập đoàn và Công ty xếp vào nhóm xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- các tài sản tài chính đã được Tập đoàn và Công ty xếp vào nhóm sẵn sàng để bán; và
- các tài sản tài chính thỏa mãn định nghĩa về các khoản cho vay và phải thu.

**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015  
(tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN/HN  
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

*Các khoản cho vay và phải thu*

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường, ngoại trừ:

- các khoản mà Tập đoàn và Công ty có ý định bán ngay hoặc sẽ bán trong tương lai gần được phân loại là tài sản nắm giữ vì mục đích kinh doanh, và các loại mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu được Tập đoàn và Công ty xếp vào nhóm xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- các khoản được Tập đoàn và Công ty xếp vào nhóm sẵn sàng để bán tại thời điểm ghi nhận ban đầu; hoặc
- các khoản mà Tập đoàn và Công ty có thể không thu hồi được phần lớn giá trị đầu tư ban đầu, không phải do suy giảm chất lượng tín dụng, và được phân loại vào nhóm sẵn sàng để bán.

*Tài sản tài chính sẵn sàng để bán*

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là:

- các tài sản tài chính xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn; hoặc
- các khoản cho vay và các khoản phải thu.

**(ii) Nợ phải trả tài chính**

*Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh*

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là một khoản nợ phải trả tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- Nợ phải trả tài chính được Hội đồng Quản trị phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Một khoản nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh nếu:
  - khoản nợ đó được tạo ra chủ yếu cho mục đích mua lại trong thời gian ngắn;
  - có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc

- là công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Tập đoàn và Công ty xếp nợ phải trả tài chính vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

*Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ*

Các khoản nợ phải trả tài chính không được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh sẽ được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ.

Việc phân loại các công cụ tài chính kể trên chỉ nhằm mục đích trình bày và thuyết minh và không nhằm mục đích mô tả phương pháp xác định giá trị của các công cụ tài chính. Các chính sách kế toán về xác định giá trị của các công cụ tài chính được trình bày trong các thuyết minh liên quan khác.

**(q) Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi

**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015  
(tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN/HN  
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

sở cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

**(r) Doanh thu bán hàng**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu hàng bán được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá ghi trên hóa đơn bán hàng.

Đối với doanh thu bán khoáng sản, giá bán thường được xác định sơ bộ tại ngày ghi nhận doanh thu và ngày điều chỉnh giá bán phát sinh sau đó dựa trên biến động giá niêm yết trên thị trường hoặc giá theo hợp đồng cho đến ngày định giá chính thức. Khoảng thời gian giữa thời điểm ghi nhận doanh thu sơ bộ và thời điểm định giá chính thức thường là từ 30 đến 60 ngày, tuy nhiên một số trường hợp có thể lên đến 90 ngày. Doanh thu ghi nhận sơ bộ được ghi nhận dựa trên giá trị hợp lý ước tính của tổng giá trị các khoản phải thu.

Trong trường hợp các điều kiện trong hợp đồng mua bán cho phép điều chỉnh giá bán dựa trên kết quả khảo nghiệm hàng hóa của khách hàng, kết quả phân tích được

lập bởi một bên thứ ba sẽ được sử dụng, trừ khi kết quả khảo nghiệm của khách hàng nằm trong phạm vi sai số đã được quy định tại hợp đồng bán sản phẩm, khi đó doanh thu được ghi nhận dựa trên bản phân tích chất lượng sản phẩm gần nhất được các bên chấp thuận.

**(s) Doanh thu hoạt động tài chính và chi phí tài chính**

**(i) Doanh thu hoạt động tài chính**

Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm thu nhập lãi tiền gửi và cho vay và lãi chênh lệch tỷ giá. Thu nhập lãi được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo cơ sở dồn tích.

**(ii) Chi phí hoạt động tài chính**

Chi phí tài chính bao gồm chi phí lãi vay, phí thu xếp tín dụng, chi phí tài chính, chi phí giao dịch và lỗ do chênh lệch tỷ giá.

**(t) Các khoản thanh toán thuê hoạt động**

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

**(u) Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay bao gồm chi phí lãi vay, phí thu xếp tín dụng, chi phí tài chính, chi phí giao dịch và lệ phí vay. Chi phí vay được ghi nhận là chi phí trong năm khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện thì khi đó chi phí vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

**(v) Lãi trên cổ phiếu**

Tập đoàn trình bày lãi cơ bản và lãi suy giảm, nếu có, trên cổ phiếu (EPS) cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty chia cho số lượng cổ phiếu

**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015  
(tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN/HN  
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong năm. Lãi hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông được xác định bằng kết quả kinh doanh trong năm phân bổ cho số lượng cổ phiếu phổ thông và các công cụ chứng khoán vốn. Phương thức phân bổ này dựa trên quyền được phân chia lợi nhuận của các loại cổ phiếu khác nếu toàn bộ lợi nhuận hoặc lỗ được phân chia.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng cách điều chỉnh lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân đang lưu hành có tính đến các ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông tiềm năng. Cổ phiếu phổ thông tiềm năng không bao gồm các loại công cụ tài chính đi kèm điều khoản bắt buộc chuyển đổi.

**(w) Báo cáo bộ phận**

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Tập đoàn tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể, mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Mẫu báo cáo bộ phận cơ bản của Tập đoàn là dựa theo bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh.

**(x) Các bên liên quan**

Các bên được xem là bên liên quan của Tập đoàn nếu một bên có khả năng, trực tiếp hay gián tiếp, kiểm soát bên kia hay có ảnh hưởng đáng kể đến bên kia trong việc đưa ra các quyết định ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu các bên cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan. Các bên liên quan cá nhân là các cán bộ quản lý chủ chốt có thẩm quyền và trách nhiệm trong việc lập kế hoạch, chỉ đạo và kiểm soát hoạt động của Công ty, bao gồm các giám đốc và cán bộ của Công ty. Các công ty liên quan bao gồm các nhà đầu tư và công ty mẹ cấp cao nhất và các công ty con và công ty liên kết của công ty này.

**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015**  
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN  
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

## 5. Báo cáo bộ phận

**Bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh**

Tập đoàn gồm các bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh chính như sau:

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015	Đồng	Fluorit	Vonfram	Các bộ phận khác	Tổng cộng
	Nghìn VNĐ	Nghìn VNĐ	Nghìn VNĐ	Nghìn VNĐ	Nghìn VNĐ
Doanh thu bộ phận	672.611.077	776.156.464	1.140.434.864	76.065.090	2.665.267.495
Các khoản giảm trừ doanh thu bộ phận	-	-	(7.392.789)	-	(7.392.789)
<b>Tổng doanh thu của bộ phận</b>	<b>672.611.077</b>	<b>776.156.464</b>	<b>1.133.042.075</b>	<b>76.065.090</b>	<b>2.657.874.706</b>
Lợi nhuận gộp của bộ phận	122.582.447	404.095.452	225.592.823	11.227.823	763.498.545
Chi phí không phân bổ					408.088.840
Thu nhập từ hoạt động tài chính					556.078.851
Chi phí tài chính					834.759.478
<b>Kết quả từ các hoạt động kinh doanh</b>					<b>76.729.078</b>
Thu nhập khác					11.769.734
Chi phí khác					29.939.356
Thuế thu nhập doanh nghiệp					(25.762.573)
<b>Lợi nhuận thuần sau thuế</b>					<b>84.322.029</b>

**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015**  
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN  
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014	Đồng	Fluorit	Vonfram	Các bộ phận khác	Tổng cộng
	Nghìn VNĐ	Nghìn VNĐ	Nghìn VNĐ	Nghìn VNĐ	Nghìn VNĐ
Doanh thu bộ phận	343.339.743	402.628.255	2.035.774.221	71.914.436	2.853.656.655
Các khoản giảm trừ doanh thu bộ phận	-	-	(27.924.847)	-	(27.924.847)
<b>Tổng doanh thu của bộ phận</b>	<b>343.339.743</b>	<b>402.628.255</b>	<b>2.007.849.374</b>	<b>71.914.436</b>	<b>2.825.731.808</b>
Lợi nhuận gộp của bộ phận	78.222.343	104.633.945	556.753.213	(190.958)	739.418.543
Chi phí không phân bổ					372.378.402
Thu nhập từ hoạt động tài chính					28.075.634
Chi phí tài chính					614.292.329
<b>Kết quả từ các hoạt động kinh doanh</b>					<b>(219.176.554)</b>
Thu nhập khác					268.333.674
Chi phí khác					41.435.209
Thuế thu nhập doanh nghiệp					(27.931.603)
<b>Lợi nhuận thuần sau thuế</b>					<b>35.653.514</b>

**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015**  
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN  
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Đồng Nghìn VNĐ	Fluorit Nghìn VNĐ	Vonfram Nghìn VNĐ	Các bộ phận khác Nghìn VNĐ	Tổng cộng Nghìn VNĐ
<b>Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015</b>					
Tài sản của bộ phận	228.602.892	1.190.123.806	1.926.105.078	374.493.881	3.719.325.657
Tài sản không phân bổ					22.888.381.240
<b>Tổng tài sản</b>					<b>26.607.706.897</b>
<b>Tổng nợ phải trả</b>					<b>15.012.572.488</b>
<b>Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014</b>					
Tài sản của bộ phận	240.614.106	1.209.354.984	918.976.946	394.233.151	2.763.179.187
Tài sản không phân bổ					22.343.114.740
<b>Tổng tài sản</b>					<b>25.106.293.927</b>
<b>Tổng nợ phải trả</b>					<b>13.595.481.547</b>
<b>Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015</b>					
Chi tiêu vốn	-	-	565.635.939	-	565.635.939
Chi tiêu vốn không phân bổ					1.434.630.676
Khấu hao tài sản cố định hữu hình	12.011.214	62.165.939	62.974.002	19.273.104	156.424.259
Khấu hao tài sản cố định hữu hình không phân bổ					613.725.509
Khấu hao tài sản cố định vô hình không phân bổ					115.779.983
<b>Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014</b>					
Chi tiêu vốn	-	-	655.146.475	-	655.146.475
Chi tiêu vốn không phân bổ					1.277.609.104
Khấu hao tài sản cố định hữu hình	9.728.510	34.791.410	43.196.181	6.521.646	94.237.747
Khấu hao tài sản cố định hữu hình không phân bổ					536.835.289
Khấu hao tài sản cố định vô hình không phân bổ					172.304.125

**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015**  
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN  
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**6. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	Tập đoàn		Công ty	
	31/12/2015 Nghìn VNĐ	1/1/2015 Nghìn VNĐ	31/12/2015 Nghìn VNĐ	1/1/2015 Nghìn VNĐ
Tiền mặt	120.699	205.175	-	-
Tiền gửi ngân hàng	370.263.678	81.237.472	497.795	478.808
Các khoản tương đương tiền	1.630.000	55.000.000	-	54.000.000
	<b>372.014.377</b>	<b>136.442.647</b>	<b>497.795</b>	<b>54.478.808</b>

**7. Phải thu ngắn hạn và dài hạn khác**

	Tập đoàn		Công ty	
	31/12/2015 Nghìn VNĐ	1/1/2015 Nghìn VNĐ	31/12/2015 Nghìn VNĐ	1/1/2015 Nghìn VNĐ
<b>Đã phân loại lại</b>				
<b>Phải thu ngắn hạn</b>				
Phải thu từ việc bán các khoản phải thu tiền bồi thường	256.200.000	256.200.000	-	-
Phải thu ngắn hạn khác	176.150.795	24.133.512	55.000	84.700
	<b>432.350.795</b>	<b>280.333.512</b>	<b>55.000</b>	<b>84.700</b>
<b>Phải thu dài hạn</b>				
Chi phí đi vay - MRTN (a)	-	-	993.240.411	1.005.325.461
Phải thu tiền bồi thường giải phóng mặt bằng từ UBND tỉnh Thái Nguyên (b)	1.383.085.565	1.383.085.565	-	-
Phải thu dài hạn khác	18.222.848	38.261.125	-	-
	<b>1.401.308.413</b>	<b>1.421.346.690</b>	<b>993.240.411</b>	<b>1.005.325.461</b>

(a) Khoản phải thu dài hạn từ một công ty con không có đảm bảo và thu được khi đến hạn.

(b) Khoản phải thu dài hạn thể hiện khoản phải thu Nhà nước liên quan đến chi phí đền bù giải phóng mặt bằng mà Dự án Khai thác chế biến khoáng sản Núi Pháo đã chi trả cho các hộ gia đình nằm trong vùng bị ảnh hưởng của dự án tại Xã Hà Thượng, Huyện Đại Từ, Tỉnh Thái Nguyên. Khoản phải thu này có thể được cân trừ với tiền thuê đất hàng năm.

**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015**  
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN  
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

## 8. Hàng tồn kho

	Tập đoàn		Công ty	
	31/12/2015 Nghìn VNĐ	1/1/2015 Nghìn VNĐ	31/12/2015 Nghìn VNĐ	1/1/2015 Nghìn VNĐ
Hàng mua đang đi trên đường	65.652.476	18.406.161	-	-
Nguyên vật liệu	152.374.069	25.030.031	-	-
Công cụ và dụng cụ	548.806.632	452.518.607	-	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	104.308.694	16.176.270	-	-
Thành phẩm	213.256.521	141.540.764	-	-
	1.084.398.392	653.671.833	-	-

## 9. Phải thu về cho vay dài hạn

	Tập đoàn		Công ty	
	31/12/2015 Nghìn VNĐ	1/1/2015 Nghìn VNĐ	31/12/2015 Nghìn VNĐ	1/1/2015 Nghìn VNĐ
Phải thu về cho vay dài hạn từ một công ty liên quan	-	-	3.945.518.100	4.941.518.100

Khoản phải thu về cho vay từ một công ty liên quan không được đảm bảo, đáo hạn vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và chịu lãi suất trên cơ sở thỏa thuận của các bên.

Theo các điều khoản của hợp đồng chuyển đổi, Công ty có quyền chuyển đổi khoản vay thành vốn góp trước hoặc vào ngày đáo hạn của khoản vay.

**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015**  
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN  
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

## 10. Tài sản cố định hữu hình

Tập đoàn:	Nhà cửa và vật kiến trúc Nghìn VNĐ	Máy móc và thiết bị Nghìn VNĐ	Dụng cụ văn phòng Nghìn VNĐ	Phương tiện vận chuyển Nghìn VNĐ	Tài sản khai thác khoáng sản khác VNghìn VNĐ	Tổng cộng Nghìn VNĐ
<b>Nguyên giá</b>						
Số dư đầu năm	2.014.688.557	9.363.681.452	32.199.893	23.866.764	5.853.577.234	17.288.013.900
Tăng trong năm	1.307.828	46.504.975	3.306.001	-	-	51.118.804
Chuyển từ chi phí xây dựng cơ bản dở dang (Thuyết minh 13)	243.879.433	862.457.972	346.696	-	-	1.106.684.101
Phân loại lại vào chi phí trả trước dài hạn (Thuyết minh 15)	-	-	-	-	(827.285.950)	(827.285.950)
Phân loại lại	29.144.846	(29.144.846)	-	-	-	-
Thanh lý	-	-	-	(597.747)	-	(597.747)
Số dư cuối năm	2.289.020.664	10.243.499.553	35.852.590	23.269.017	5.026.291.284	17.617.933.108
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>						
Số dư đầu năm	82.586.749	350.951.950	20.113.441	11.804.082	173.649.354	639.105.576
Khấu hao trong năm	108.251.587	466.598.140	4.655.780	3.628.334	173.555.927	756.689.768
Phân loại lại vào chi phí trả trước dài hạn (Thuyết minh 15)	-	-	-	-	(33.842.183)	(33.842.183)
Phân loại lại	2.317.318	(2.317.318)	-	-	-	-
Thanh lý	-	-	-	(597.747)	-	(597.747)
Số dư cuối năm	193.155.654	815.232.772	24.769.221	14.834.669	313.363.098	1.361.355.414
<b>Giá trị còn lại</b>						
Số dư đầu năm	1.932.101.808	9.012.729.502	12.086.452	12.062.682	5.679.927.880	16.648.908.324
Số dư cuối năm	2.095.865.010	9.428.266.781	11.083.369	8.434.348	4.712.928.186	16.256.577.694

**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015  
(tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN/HN  
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Theo hướng dẫn của Bộ Tài chính, NPM đã phân loại lại một số chi phí liên quan đến hoạt động khai thác khoáng sản vào chi phí trả trước dài hạn (Thuyết minh 15).

Bao gồm trong tài sản cố định hữu hình của Tập đoàn có các tài sản có nguyên giá là 30.283 triệu VNĐ đã khấu hao hết tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 (1/1/2015: 18.750 triệu VNĐ) nhưng vẫn đang được sử dụng.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại là 10.440 tỷ VNĐ được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản trái phiếu dài hạn đã phát hành của NPM (1/1/2015: 11.698 tỷ VNĐ) (Thuyết minh 19(b)(ii)).

## 11. Tài sản cố định hữu hình thuê tài chính

Tập đoàn:

	<b>Máy móc và thiết bị Nghìn VNĐ</b>
<b>Nguyên giá</b>	
Số dư đầu năm và số dư cuối năm	67.300.000
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>	
Số dư đầu năm	22.433.333
Khấu hao trong năm	13.460.000
Số dư cuối năm	35.893.333
<b>Giá trị còn lại</b>	
Số dư đầu năm	44.866.667
Số dư cuối năm	31.406.667

Công ty con của Công ty - NPM thuê thiết bị thí nghiệm để phân tích hàm lượng kim loại trong sản phẩm. Thiết bị thí nghiệm này được coi là tài sản thuê tài chính vì nghĩa vụ thuê được đảm bảo (Thuyết minh 19(b)(iii)).

**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015  
(tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN/HN  
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

## 12. Tài sản cố định vô hình

Tập đoàn:

	<b>Phần mềm máy vi tính Nghìn VNĐ</b>	<b>Quyền khai thác khoáng sản Nghìn VNĐ</b>	<b>Tổng cộng Nghìn VNĐ</b>
<b>Nguyên giá</b>			
Số dư đầu năm	86.790.974	588.370.818	675.161.792
Tăng trong năm	231.536	-	231.536
Chuyển từ chi phí xây dựng cơ bản dở dang (Thuyết minh 13)	1.788.130	-	1.788.130
Số dư cuối năm	88.810.640	588.370.818	677.181.458
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>			
Số dư đầu năm	15.934.675	5.368.717	21.303.392
Khấu hao trong năm	11.189.666	30.550.328	41.739.994
Số dư cuối năm	27.124.341	35.919.045	63.043.386
<b>Giá trị còn lại</b>			
Số dư đầu năm	70.856.299	583.002.101	653.858.400
Số dư cuối năm	61.686.299	552.451.773	614.138.072

Bao gồm trong tài sản cố định vô hình có các tài sản với nguyên giá 9.765 triệu VNĐ đã được khấu hao hết tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 (1/1/2015: 4.934 triệu VNĐ), nhưng vẫn đang được sử dụng.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 tài sản cố định vô hình có giá trị còn lại là 611 tỷ VNĐ được thế chấp tại các ngân hàng để đảm bảo cho các trái phiếu dài hạn đã phát hành của NPM (1/1/2015: 652 tỷ VNĐ) (Thuyết minh 19(b)(ii)).

**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015**  
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN  
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

### 13. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Tập đoàn:

	2015	2014
	Nghìn VNĐ	Nghìn VNĐ
Số dư đầu năm	3.185.593.593	20.158.594.314
Tăng trong năm	1.904.441.432	2.585.094.922
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình (Thuyết minh 10)	(1.106.684.101)	(17.129.559.382)
Chuyển sang tài sản cố định vô hình (Thuyết minh 12)	(1.788.130)	(71.752.127)
Chuyển từ/(sang) chi phí trả trước dài hạn (Thuyết minh 15)	13.354.816	(973.698.569)
Phân loại lại sang các khoản phải thu khác	-	(1.383.085.565)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>3.994.917.610</b>	<b>3.185.593.593</b>

Trong năm, chi phí vay được vốn hóa vào xây dựng cơ bản dở dang trị giá 299 tỷ VNĐ (2014: 553 tỷ VNĐ). Tại ngày báo cáo, xây dựng cơ bản dở dang của NPM chủ yếu phản ánh chi phí phát triển mỏ, xây dựng nhà máy và các chi phí khác được vốn hóa liên quan đến khu chứa đuôi quặng và nhà máy Bismuth, được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các trái phiếu dài hạn đã phát hành của NPM.

**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015**  
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN  
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

### 14. Đầu tư tài chính dài hạn

	Tập đoàn		Công ty	
	31/12/2015	1/1/2015	31/12/2015	1/1/2015
	Nghìn VNĐ	Nghìn VNĐ	Nghìn VNĐ	Nghìn VNĐ
<b>Đầu tư vào một công ty con</b>				
Đầu tư vào MRTN	-	-	5.140.335.573	5.140.335.573

Dưới đây là thông tin về các công ty con được hợp nhất (Thuyết minh 1) tại ngày 31 tháng 12 năm 2015:

Tên công ty	Địa chỉ
Công ty TNHH MTV Tài Nguyên Ma San Thái Nguyên ("MRTN")	Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Công ty TNHH MTV Thương mại và Đầu tư Thái Nguyên ("TNTI")	Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo ("NPM")	Tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam
Công ty TNHH Tinh luyện Vonfram Núi Pháo - H.C. Starck ("NPHCS")	Tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam

NPHCS là công ty con của NPM. TNTI và NPM là các công ty con của MRTN. MRTN là công ty con của Công ty.

**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015**  
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN  
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

## 15. Chi phí trả trước dài hạn

Tập đoàn:

	Chi phí	Chi phí	Tiền đóng	Lệ phí vay	Chênh	Chi phí	Chi phí	Tổng				
	trước hoạt	đền bù	góp cho						lệch	khai thác	trả trước	cộng
	động	giải phóng	Nhân dân						tỷ giá	khoáng	khác	
Nghìn	Nghìn	Nghìn	Nghìn	Nghìn	Nghìn	Nghìn	Nghìn	Nghìn				
VNĐ	VNĐ	VNĐ	VNĐ	VNĐ	VNĐ	VNĐ	VNĐ	VNĐ				
Số dư đầu năm	226.188.216	632.993.433	58.796.000	150.633.930	35.927.461	-	6.623.797	1.111.162.837				
Tăng trong năm	-	6.258.642	-	-	-	145.823.653	520.695	152.602.990				
Chuyển từ/(sang) xây dựng cơ bản dở dang (Thuyết minh 13)	8.375.792	-	-	-	(43.366.253)	21.635.645	-	(13.354.816)				
Chuyển từ tài sản cố định hữu hình (Thuyết minh 10)	-	-	-	-	-	793.443.767	-	793.443.767				
Chuyển sang phát hành trái phiếu dài hạn (Thuyết minh 19(b)(ii))	-	-	-	(150.633.930)	-	-	-	(150.633.930)				
Phân loại lại	(226.188.215)	-	-	-	7.438.792	218.749.423	-	-				
Phân bổ trong năm	(697.983)	(33.025.744)	(18.932.000)	-	-	(19.738.214)	(1.646.048)	(74.039.989)				
Số dư cuối năm	7.677.810	606.226.331	39.864.000	-	-	1.159.914.274	5.498.444	1.819.180.859				

### Tiền đóng góp cho Ủy ban Nhân dân Tỉnh Thái Nguyên

Ngày 20 tháng 7 năm 2010, NPM đã ký thỏa thuận với Ủy ban Nhân dân Tỉnh Thái Nguyên theo đó bắt đầu từ năm 2015 NPM cam kết đóng góp 1 triệu USD mỗi năm cho Kho bạc nhà nước tỉnh Thái Nguyên trong thời hạn của Dự án Khai thác và Chế biến Khoáng sản Núi Pháo. Số tiền đóng góp sẽ được xem xét và điều chỉnh 5 năm một lần nhưng không tăng quá 15%.

**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015**  
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN  
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

## 16. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

Tập đoàn:

	1/1/2015	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp/bù trừ	31/12/2015
	Nghìn VNĐ	Nghìn VNĐ	trong năm Nghìn VNĐ	Nghìn VNĐ
Thuế giá trị gia tăng	-	410.648.182	(410.648.182)	-
Thuế xuất nhập khẩu	-	133.414.810	(133.414.810)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	113.525	(109.520)	4.005
Thuế bảo vệ môi trường	-	5.352.773	(5.352.773)	-
Thuế thu nhập cá nhân	28.294.286	51.395.307	(54.176.119)	25.513.474
Thuế tài nguyên	70.461.365	170.783.057	(241.244.422)	-
Thuế nhà đất	-	15.290	(15.290)	-
Các loại thuế khác	7.303.998	27.968.007	(30.822.665)	4.449.340
	106.059.649	799.690.951	(875.783.781)	29.966.819

## 17. Chi phí phải trả

	Tập đoàn		Công ty	
	31/12/2015	1/1/2015	31/12/2015	1/1/2015
	Nghìn VNĐ	Nghìn VNĐ	Nghìn VNĐ	Nghìn VNĐ
Tiền thưởng	5.792.711	20.049.207	-	-
Tiền lãi vay phải trả	251.034.100	240.683.978	-	-
Thuế nhà thầu nước ngoài	1.907.433	1.907.433	-	-
Thuế và phí tài nguyên	286.165.753	77.125.358	-	-
Chi phí xây dựng phải trả	139.122.810	179.968.710	-	-
Phí tư vấn	14.990.638	11.261.110	-	-
Chi phí hoạt động	96.350.608	117.309.318	-	-
Chi phí phải trả khác	2.908.193	35.360.583	778.096	504.530
	798.272.246	683.665.697	778.096	504.530



**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015**  
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN  
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

## 18. Các khoản phải trả ngắn hạn và dài hạn khác

Các khoản phải trả khác bao gồm các khoản sau:

	Tập đoàn		Công ty	
	31/12/2015	1/1/2015	31/12/2015	1/1/2015
	Nghìn VNĐ	Nghìn VNĐ	Nghìn VNĐ	Nghìn VNĐ
<b>Phải trả Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan (MSN)</b>				
Chi phí tài chính – dài hạn (a)	1.555.323.840	2.134.490.175	626.074.175	956.529.090
Lãi vay – ngắn hạn	-	35.315.815	-	35.315.815
Lãi vay – dài hạn	-	38.448.900	-	18.482.071
<b>Phải trả cho Công ty Cổ phần Tầm nhìn Masan (MH)</b>				
Phi thương mại – ngắn hạn (a)	2.511.785	2.511.785	2.511.785	2.511.785
<b>Phải trả cho NPM</b>				
Phi thương mại – ngắn hạn (a)	-	-	10.294.685	37.294.686
<b>Phải trả khác cho các bên thứ ba</b>				
Phải trả khác – ngắn hạn	77.336.594	53.601.782	52.213.577	52.070.916
Phải trả khác – dài hạn	26.249.448	78.463.027	26.249.448	78.463.027

(a) Các khoản phải trả các công ty liên quan không được đảm bảo, không chịu lãi và đáo hạn trên cơ sở thỏa thuận của các bên.

**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015**  
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN  
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

## 19. Vay, trái phiếu phát hành và nợ thuê tài chính

(a) Vay ngắn hạn

Tập đoàn:	1/1/2015		Biến động trong năm				31/12/2015	
	Giá trị ghi sổ Nghìn VNĐ	Số có khả năng trả nợ Nghìn VNĐ	Tăng Nghìn VNĐ	Thanh toán Nghìn VNĐ	Lỗi chênh	Phân loại lãi từ vay dài hạn Nghìn VNĐ	Giá trị ghi sổ Nghìn VNĐ	Số có khả năng trả nợ Nghìn VNĐ
					lệch tỷ giá chưa thực hiện Nghìn VNĐ			
Vay ngắn hạn	1.305.713.481	1.305.713.481	2.785.677.753	(1.694.323.818)	21.438.737	-	2.418.506.153	2.418.506.153
Vay dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh (b))	36.330.845	36.330.845	2.730.555	(36.837.075)	-	109.487.415	111.711.740	111.711.740
	1.342.044.326	1.342.044.326	2.788.408.308	(1.731.160.893)	21.438.737	109.487.415	2.530.217.893	2.530.217.893
<b>Công ty:</b>	1/1/2015		Biến động trong năm				31/12/2015	
	Giá trị ghi sổ Nghìn VNĐ	Số có khả năng trả nợ Nghìn VNĐ	Tăng Nghìn VNĐ	Thanh toán Nghìn VNĐ	Giá trị ghi sổ Nghìn VNĐ	Số có khả năng trả nợ Nghìn VNĐ		
Vay ngắn hạn	231.000.000	231.000.000	-	(231.000.000)	-	-		
Vay dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh (b))	22.754.630	22.754.630	2.730.555	(25.485.185)	-	-		
	253.754.630	253.754.630	2.730.555	(256.485.185)	-	-		

**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015**  
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN  
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn tại ngày báo cáo hiện còn số dư như sau:

Loại tiền	Tập đoàn		Công ty		
	31/12/2015 Nghìn VNĐ	1/1/2015 Nghìn VNĐ	31/12/2015 Nghìn VNĐ	1/1/2015 Nghìn VNĐ	
Khoản vay không đảm bảo từ công ty mẹ cấp cao nhất (i)	VND	-	231.000.000	-	231.000.000
Khoản vay ngân hàng được đảm bảo (ii)	USD	1.732.671.150	1.035.382.342	-	-
Khoản vay ngân hàng được đảm bảo (iii)	VND	120.000.000	-	-	-
Khoản vay từ bên thứ ba (iv)	USD	1.447.303	39.331.139	-	-
Khoản vay từ một nhà đầu tư của một công ty con (v)	USD	564.387.700	-	-	-
		2.418.506.153	1.305.713.481	-	231.000.000

(i) Khoản vay từ công ty mẹ cấp cao nhất không được đảm bảo, chịu lãi suất trên cơ sở thỏa thuận của các bên và đã được hoàn trả trong năm.

(ii) Khoản vay hợp vốn bằng USD từ các ngân hàng trong nước chịu lãi suất 4,5% một năm và được đảm bảo bằng hàng tồn kho và một phần phải thu ngắn hạn của NPM. Khoản vay này đã được hoán đổi thành khoản vay bằng VNĐ với lãi suất hoán đổi là 4,5% một năm. Cùng với các khoản vay ngân hàng được đảm bảo dài hạn, khoản vay này cũng được đảm bảo bằng 158 triệu cổ phiếu của Công ty do Công ty Cổ phần Tầm nhìn Masan nắm giữ.

(iii) Khoản vay bằng VNĐ trị giá 120.000 triệu VNĐ từ một ngân hàng trong nước được đảm bảo bằng một phần phải thu ngắn hạn của NPM và chịu lãi suất 8% một năm.

(iv) Khoản vay bằng USD trị giá 1.447 triệu VNĐ từ khách hàng của NPM theo hợp đồng bao tiêu sản phẩm với khách hàng này. Khoản vay này dùng để tài trợ cho hoạt động xây dựng của NPM và chịu lãi suất 8,5% một năm.

(v) Khoản vay bằng USD trị giá 564.388 triệu VNĐ từ một nhà đầu tư của một công ty con không được đảm bảo và chịu lãi suất 6% một năm.

**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015**  
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN  
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**(b) Vay dài hạn, trái phiếu phát hành và nợ thuê tài chính dài hạn**

	Tập đoàn		Công ty	
	31/12/2015 Nghìn VNĐ	1/1/2015 Nghìn VNĐ	31/12/2015 Nghìn VNĐ	1/1/2015 Nghìn VNĐ
Vay dài hạn (i)	380.000.000	537.832.798	-	327.832.798
Phát hành trái phiếu dài hạn (ii)	7.865.677.365	6.800.000.000	-	-
Nợ thuê tài chính dài hạn (iii)	39.452.364	50.804.253	-	-
	8.285.129.729	7.388.637.051	-	327.832.798
Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng (Thuyết minh (a))	(111.711.740)	(36.330.845)	-	(22.754.630)
Khoản đến hạn trả sau 12 tháng	8.173.417.989	7.352.306.206	-	305.078.168

**(i) Vay dài hạn**

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay dài hạn hiện còn số dư như sau:

Loại tiền	Năm đáo hạn	Tập đoàn		Công ty		
		31/12/2015 Nghìn VNĐ	1/1/2015 Nghìn VNĐ	31/12/2015 Nghìn VNĐ	1/1/2015 Nghìn VNĐ	
Khoản vay không đảm bảo từ công ty mẹ cấp cao nhất (*)	VND	-	-	22.754.630	-	22.754.630
Khoản vay không đảm bảo từ công ty mẹ cấp cao nhất (*)	VND	-	-	305.078.168	-	305.078.168
Khoản vay không đảm bảo từ công ty mẹ cấp cao nhất (*)	VND	-	-	210.000.000	-	-
Khoản vay ngân hàng có đảm bảo (**)	VND	2018	380.000.000	-	-	-
			380.000.000	537.832.798	-	327.832.798

(\*) Khoản vay từ công ty mẹ cấp cao nhất không được đảm bảo và chịu lãi suất trên cơ sở thỏa thuận của các bên.

(\*\*) Các khoản vay trung hạn từ một ngân hàng trong nước được đảm bảo và chịu lãi suất 9,3% một năm. Cùng với các khoản vay ngắn hạn bằng USD, khoản vay này cũng được đảm bảo bằng 158 triệu cổ phiếu của Công ty do Công ty Cổ phần Tầm nhìn Masan nắm giữ.

**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015**  
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN  
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**(ii) Trái phiếu dài hạn**

Điều khoản và điều kiện của trái phiếu dài hạn hiện còn số dư như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm	Năm đáo hạn	Tập đoàn	
				31/12/2015	1/1/2015
				Nghìn VNĐ	Nghìn VNĐ
Phát hành trái phiếu có đảm bảo	VNĐ	10%	-	-	6,800,000,000
Phát hành trái phiếu có đảm bảo	VNĐ	8%	2020	7,865,677,365	-
				7,865,677,365	6,800,000,000

Số trái phiếu bằng VNĐ do NPM phát hành có kỳ hạn 5 năm và chịu lãi suất 8% trong 12 tháng đầu. Sau khi kết thúc 12 tháng đầu tiên, lãi suất được điều chỉnh mỗi ba tháng và tính bằng trung bình cộng của lãi suất tiền gửi tiết kiệm kỳ hạn 12 tháng trả lãi sau của các ngân hàng tham chiếu có liên quan cộng 3%. Số tiền thu được từ trái phiếu đã được NPM sử dụng và được đảm bảo bằng một số tài sản dài hạn của NPM.

Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 được căn trừ với phí thu xếp phát hành trái phiếu theo hướng dẫn của Thông tư 200/2014/TT/BTC.

**(iii) Các khoản nợ thuê tài chính**

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê tài chính không thể hủy ngang như sau:

	31/12/2015			1/1/2015		
	Tổng khoản thanh toán tiền thuê tài chính	Tiền lãi thuê	Nợ gốc	Tổng khoản thanh toán tiền thuê tài chính	Tiền lãi thuê	Nợ gốc
	Nghìn VNĐ	Nghìn VNĐ	Nghìn VNĐ	Nghìn VNĐ	Nghìn VNĐ	Nghìn VNĐ
Trong vòng một năm	21.930.692	5.218.952	16.711.740	20.364.222	6.788.007	13.576.215
Trong vòng hai đến năm năm	25.063.649	2.323.025	22.740.624	43.861.390	6.633.352	37.228.038
	46.994.341	7.541.977	39.452.364	64.225.612	13.421.359	50.804.253

**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015**  
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN  
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**20. Dự phòng dài hạn**

Biến động của các khoản dự phòng trong năm như sau:

Tập đoàn:	Khôi phục hiện trường Nghìn VNĐ	Quyền khai thác mỏ Nghìn VNĐ	Tổng Nghìn VNĐ
Số dư đầu năm	19.486.702	588.370.818	607.857.520
Dự phòng lập trong năm	1.500.476	46.016.356	47.516.832
Dự phòng sử dụng trong năm	-	(73.145.650)	(73.145.650)
Số dư cuối năm	20.987.178	561.241.524	582.228.702

**21. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả và tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận**

**(i) Thuế thu nhập hoãn lại phải trả**

	Tập đoàn		Công ty	
	31/12/2015 Nghìn VNĐ	1/1/2015 Nghìn VNĐ	31/12/2015 Nghìn VNĐ	1/1/2015 Nghìn VNĐ
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả				
Trừ lượng khai thác và trừ lượng địa chất	704.173.514	730.049.612	-	-

**(ii) Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận**

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận đối với các khoản lỗ tính thuế các năm trước của một số đơn vị trong Tập đoàn, các khoản lỗ tính thuế này có thể được chuyển sang năm sau trong khoảng thời gian đến 5 năm:

	Số lỗ được khấu trừ	
	Tập đoàn Nghìn VNĐ	Công ty Nghìn VNĐ
Lỗ tính thuế lũy kế 5 năm	479.175.459	85.910.872
Trong đó:		
Đã quyết toán với cơ quan thuế	4.194.763	-
Chưa quyết toán – tùy thuộc kết quả kiểm tra của cơ quan thuế (*)	474.980.696	85.910.872
	479.175.459	85.910.872

(\*) Khoản lỗ tính thuế này có thể có thay đổi tùy thuộc kết quả kiểm tra và thanh tra của cơ quan thuế.

**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015**  
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN  
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

## 22. Thay đổi vốn chủ sở hữu

Tập đoàn:

	Vốn cổ phần Nghìn VNĐ	Thặng dư vốn cổ phần Nghìn VNĐ	Chênh lệch tỷ giá hối đoái Nghìn VNĐ	Vốn khác Nghìn VNĐ	Quỹ khác Nghìn VNĐ	Lợi nhuận chưa phân phối Nghìn VNĐ	Vốn chủ sở hữu thuộc về các chủ sở hữu của Công ty Nghìn VNĐ	Lợi ích cổ đồng không kiểm soát Nghìn VNĐ	Tổng cộng Nghìn VNĐ
<b>Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2014</b>	6.985.808.990	2.097.724.074	(60.006.826)	-	(295.683.347)	2.243.151.737	10.970.994.628	-	10.970.994.628
Phát hành cổ phiếu	208.664.290	(153.396.750)	-	-	-	-	55.267.540	388.889.872	444.157.412
Chênh lệch tỷ giá hối đoái tại một công ty con	-	-	60.006.826	-	-	-	60.006.826	-	60.006.826
Lợi nhuận/(lỗ) thuần trong năm	-	-	-	-	-	46.676.208	46.676.208	(11.022.694)	35.653.514
<b>Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2015 – đã báo cáo trước đây</b>	7.194.473.280	1.944.327.324	-	-	(295.683.347)	2.289.827.945	11.132.945.202	377.867.178	11.510.812.380
<i>Phân loại lại</i>	-	-	-	(295.683.347)	295.683.347	-	-	-	-
<b>Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2015 – đã phân loại lại</b>	7.194.473.280	1.944.327.324	-	(295.683.347)	-	2.289.827.945	11.132.945.202	377.867.178	11.510.812.380
Lợi nhuận/(lỗ) thuần trong năm	-	-	-	-	-	152.135.747	152.135.747	(67.813.718)	84.322.029
<b>Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2015</b>	7.194.473.280	1.944.327.324	-	(295.683.347)	-	2.441.963.692	11.285.080.949	310.053.460	11.595.134.409

**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015**  
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN  
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Công ty:

	Vốn cổ phần Nghìn VNĐ	Thặng dư vốn cổ phần Nghìn VNĐ	Lợi nhuận chưa phân phối Nghìn VNĐ	Tổng cộng Nghìn VNĐ
<b>Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2014</b>	6.985.808.990	2.097.724.074	299.922.284	9.383.455.348
Phát hành cổ phiếu	208.664.290	(153.396.750)	-	55.267.540
Lỗ thuần trong năm	-	-	(37.351.071)	(37.351.071)
<b>Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2015</b>	7.194.473.280	1.944.327.324	262.571.213	9.401.371.817
Lỗ thuần trong năm	-	-	(39.883.120)	(39.883.120)
<b>Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2015</b>	7.194.473.280	1.944.327.324	222.688.093	9.361.488.697

**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015**  
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN  
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

## 23. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	31/12/2015		1/1/2015	
	Số cổ phiếu	Nghìn VNĐ	Số cổ phiếu	Nghìn VNĐ
<b>Vốn cổ phần được duyệt</b>	719.447.328	7.194.473.280	719.447.328	7.194.473.280
<b>Vốn cổ phần đã phát hành</b>				
Cổ phiếu phổ thông	703.544.898	7.035.448.980	703.544.898	7.035.448.980
Cổ phiếu ưu đãi	15.902.430	159.024.300	15.902.430	159.024.300
	719.447.328	7.194.473.280	719.447.328	7.194.473.280
<b>Số cổ phiếu đang lưu hành</b>				
Cổ phiếu phổ thông	703.544.898	7.035.448.980	703.544.898	7.035.448.980
Cổ phiếu ưu đãi	15.902.430	159.024.300	15.902.430	159.024.300
	719.447.328	7.194.473.280	719.447.328	7.194.473.280
<b>Thặng dư vốn cổ phần</b>	-	1.944.327.324	-	1.944.327.324

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VNĐ. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty. Các quyền lợi của các cổ phiếu đã được Công ty mua lại đều bị tạm ngừng cho tới khi chúng được phát hành lại.

Cổ phiếu ưu đãi có mệnh giá 10.000 VNĐ và bắt buộc phải chuyển đổi thành một số lượng cố định cổ phiếu phổ thông khi kết thúc thời hạn của thỏa thuận cổ phiếu ưu đãi hoặc khi phát sinh các sự kiện nguyên nhân quy định trong thỏa thuận. Các cổ phiếu ưu đãi cũng cho phép bên nắm giữ được quyền nhận cổ tức công bố cho các cổ đông phổ thông tương ứng với tỷ lệ cổ phần nắm giữ ngoài khoản cổ tức cố định trả bằng tiền với mức 3% một năm tính trên vốn gốc trong năm đầu tiên và 10% một năm tính trên vốn gốc trong thời gian còn lại tính đến ngày chuyển đổi.

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh phần chênh lệch giữa số tiền thu được từ phát hành cổ phiếu và mệnh giá cổ phiếu.

**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015**  
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN  
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Biến động số lượng cổ phiếu trong năm như sau:

	2015		2014	
	Số cổ phiếu	Nghìn VNĐ	Số cổ phiếu	Nghìn VNĐ
<b>Cổ phiếu phổ thông:</b>				
Số dư đầu năm	703.544.898	7.035.448.980	682.678.469	6.826.784.690
Cổ phiếu phát hành trong năm	-	-	20.866.429	208.664.290
Số dư cuối năm	703.544.898	7.035.448.980	703.544.898	7.035.448.980

	2015		2014	
	Số cổ phiếu	Nghìn VNĐ	Số cổ phiếu	Nghìn VNĐ
<b>Cổ phiếu ưu đãi:</b>				
Số dư đầu năm và cuối năm	15.902.430	159.024.300	15.902.430	159.024.300

## 24. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

(a) Ngoại tệ các loại

Tập đoàn:

	31/12/2015		1/1/2015	
	Nguyên tệ	Tương đương Nghìn VNĐ	Nguyên tệ	Tương đương Nghìn VNĐ
USD	5.630.416	126.121.285	3.271.781	69.927.775

(b) Nợ khó đòi đã xử lý

Tập đoàn:

	31/12/2015	1/1/2015
	Nghìn VNĐ	Nghìn VNĐ
Nợ khó đòi đã xử lý	9.577.438	9.577.438

**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015**  
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN  
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

## 25. Doanh thu bán hàng

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán, không bao gồm thuế giá trị gia tăng.  
Doanh thu thuần bao gồm:

Tập đoàn:	2015	2014
	Nghìn VNĐ	Nghìn VNĐ Phân loại lại
Tổng doanh thu	2.665.267.495	2.853.656.655
Trừ đi các khoản giảm trừ doanh thu	(7.392.789)	(27.924.847)
Doanh thu thuần	2.657.874.706	2.825.731.808

## 26. Doanh thu hoạt động tài chính

	Tập đoàn		Công ty	
	2015	2014	2015	2014
	Nghìn VNĐ	Nghìn VNĐ	Nghìn VNĐ	Nghìn VNĐ
Lãi từ hoạt động tài chính	18.239.910	3.656.090	18.095.979	96.906.522
Lãi chênh lệch tỷ giá	47.838.941	24.419.544	-	-
Nợ đã đối trừ với một công ty liên quan	490.000.000	-	-	-
	556.078.851	28.075.634	18.095.979	96.906.522

**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015**  
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN  
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

## 27. Chi phí tài chính

	Tập đoàn		Công ty	
	2015	2014	2015	2014
	Nghìn VNĐ	Nghìn VNĐ	Nghìn VNĐ	Nghìn VNĐ
Chi phí lãi vay và chi phí đi vay	706.154.441	589.036.786	52.914.399	141.526.121
Lỗ chênh lệch tỷ giá	81.088.205	25.255.543	-	-
Chi phí tài chính khác	47.516.832	-	-	-
	834.759.478	614.292.329	52.914.399	141.526.121

## 28. Thuế thu nhập

(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

	Tập đoàn		Công ty	
	2015	2014	2015	2014
	Nghìn VNĐ	Nghìn VNĐ	Nghìn VNĐ	Nghìn VNĐ
<b>Chi phí thuế hiện hành</b>				
Năm hiện hành	113.525	199.999	-	-
Dự phòng thừa trong những năm trước	-	(7.153.137)	-	(8.501.985)
	113.525	(6.953.138)	-	(8.501.985)
<b>Lợi ích thuế thu nhập hoãn lại</b>				
Hoàn nhập chênh lệch tạm thời	(25.876.098)	(20.978.465)	-	-
<b>Lợi ích thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	(25.762.573)	(27.931.603)	-	(8.501.985)

**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015**  
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN  
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**(b) Đối chiếu thuế suất thực tế**

	Tập đoàn		Công ty	
	2015	2014	2015	2014
	Nghìn VNĐ	Nghìn VNĐ	Nghìn VNĐ	Nghìn VNĐ
Lợi nhuận/(lỗ) trước thuế	58.559.456	7.721.911	(39.883.120)	(45.853.056)
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	12.883.080	1.698.820	(8.774.286)	(10.087.672)
Chi phí không được khấu trừ thuế	6.397.990	3.252.266	616	109.636
Ảnh hưởng của mức thuế suất khác áp dụng đối với công ty con	24.747.423	10.281.262	-	-
Lỗ tính thuế được sử dụng	(86.202.797)	(47.895.897)	-	-
Dự phòng thừa trong những năm trước	-	(7.153.137)	-	(8.501.985)
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại không được ghi nhận	21.641.657	11.885.083	8.773.670	9.978.036
Biến động chênh lệch tạm thời	(5.229.926)	-	-	-
	(25.762.573)	(27.931.603)	-	(8.501.985)

**(c) Thuế suất áp dụng**

Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập doanh nghiệp bằng 22% trên lợi nhuận tính thuế. Các công ty con của Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập theo quy định hiện hành.

Mức thuế suất thuế thu nhập thông thường áp dụng cho doanh nghiệp chưa tính các ưu đãi là 22% cho năm 2015, và mức này sẽ giảm xuống 20% từ năm 2016 (2014: 22%).

**(d) Các vấn đề thuế tiềm tàng**

Luật thuế và việc áp dụng luật thuế tại Việt Nam phụ thuộc vào việc diễn giải và có thể thay đổi theo thời gian. Số liệu quyết toán thuế có thể tùy thuộc vào kết quả kiểm tra và thanh tra của các cơ quan thuế khác nhau. Các cơ quan này có thẩm quyền phạt, đánh thuế và tính lãi chậm nộp. Thực tế này có thể khiến cho rủi ro về thuế tại Việt Nam lớn hơn so với các nước khác. Hội đồng Quản trị tin rằng, Công ty đã trích lập dự phòng đầy đủ cho các khoản thuế phải nộp dựa trên cách diễn giải về luật thuế Việt Nam, bao gồm các quy định về chống chuyển giá và cách tính thuế thu nhập doanh nghiệp và thuế thu nhập hoãn lại phải trả. Tuy nhiên, các cơ quan thuế có thẩm quyền có thể có những cách diễn giải luật khác nhau.

**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015**  
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN  
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**29. Lãi trên cổ phiếu**

**Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 được dựa trên số lợi nhuận phân bổ cho cổ đông phổ thông là 148.773 triệu VNĐ (2014: 45.644 triệu VNĐ) và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền là 703.544.898 cổ phiếu (2014: 697.856.994 cổ phiếu), chi tiết như sau:

**(a) Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông**

	2015	2014
	Nghìn VNĐ	Nghìn VNĐ
Lợi nhuận thuần thuộc về:		
Cổ đông ưu đãi	3.362.759	1.031.716
Cổ đông phổ thông	148.772.988	45.644.492
	152.135.747	46.676.208

**(b) Số lượng cổ phiếu bình quân gia quyền**

	2015	2014
Số lượng cổ phiếu đã phát hành đầu năm	719,447,328	698,580,899
Trong đó:		
Cổ phiếu ưu đãi	15.902.430	15.902.430
Cổ phiếu phổ thông (1)	703.544.898	682.678.469
Số cổ phiếu phổ thông Công ty phát hành trong năm (2)	-	15.178.525
Số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền cuối năm [(1) + (2)]	703.544.898	697.856.994

**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015**  
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN  
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

### 30. Các công cụ tài chính

**(a) Quản lý rủi ro tài chính**

**(i) Tổng quan**

Các loại rủi ro mà Tập đoàn phải đối mặt do việc sử dụng các công cụ tài chính bao gồm:

- rủi ro tín dụng;
- rủi ro thanh khoản; và
- rủi ro thị trường.

Thuyết minh này cung cấp thông tin về từng loại rủi ro nêu trên mà Tập đoàn và Công ty có thể gặp phải và mô tả các mục tiêu, chính sách và các quy trình Tập đoàn và Công ty sử dụng để đo lường và quản lý rủi ro.

**(ii) Khung quản lý rủi ro**

Hội đồng Quản trị có trách nhiệm chung trong việc thiết lập và giám sát khung quản lý rủi ro của Công ty và Tập đoàn.

Các chính sách quản lý rủi ro của Tập đoàn và Công ty được thiết lập để phát hiện và phân tích các rủi ro mà Tập đoàn và Công ty gặp phải, đưa ra các hạn mức và biện pháp kiểm soát rủi ro phù hợp, và theo dõi các rủi ro và tuân thủ theo các hạn mức. Các chính sách và hệ thống quản lý rủi ro được xem xét thường xuyên để phản ánh các thay đổi về điều kiện thị trường và các hoạt động của Tập đoàn và Công ty. Tập đoàn và Công ty, thông qua các chuẩn mực và quy trình đào tạo và quản lý, nhằm mục đích phát triển một môi trường kiểm soát có kỷ luật và có tính xây dựng trong đó tất cả các nhân viên hiểu được vai trò và trách nhiệm của họ.

**(b) Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng là rủi ro lỗ tài chính của Tập đoàn và Công ty nếu một khách hàng hoặc bên đối tác của công cụ tài chính không đáp ứng được các nghĩa vụ theo hợp đồng, và phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu, tiền và các khoản tương đương tiền tại ngân hàng và các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn của Tập đoàn và Công ty.

**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015**  
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN  
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**Ảnh hưởng của rủi ro tín dụng**

Tổng giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính thể hiện mức rủi ro tín dụng tối đa. Mức độ rủi ro tín dụng tối đa tại ngày báo cáo như sau:

Thuyết minh	Tập đoàn		Công ty	
	31/12/2015 Nghìn VNĐ	1/1/2015 Nghìn VNĐ	31/12/2015 Nghìn VNĐ	1/1/2015 Nghìn VNĐ
Tiền gửi ngân hàng và các khoản tương đương tiền (i)	371.893.678	136.237.472	497.795	54.478.808
Các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn (i)	2.100.000	-	-	-
Phải thu khách hàng và phải thu khác (ii)	682.097.134	859.583.380	4.938.813.511	5.946.928.261
	1.056.090.812	995.820.852	4.939.311.306	6.001.407.069

**(i) Tiền gửi ngân hàng và các khoản tương đương tiền và các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn**

Đây là các khoản tiền gửi tại các tổ chức tài chính danh tiếng. Hội đồng Quản trị không nhận thấy có rủi ro tín dụng trọng yếu nào từ các khoản tiền gửi này và không cho rằng các tổ chức tài chính này có thể mất khả năng trả nợ và gây tổn thất cho Tập đoàn và Công ty.

**(ii) Phải thu khách hàng và phải thu khác**

Giá trị ghi sổ của các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác thể hiện mức rủi ro tín dụng tối đa.

Trong năm, Tập đoàn đã trích lập một khoản dự phòng phải thu khó đòi cho các khoản phải thu từ một khách hàng của một công ty con trong Tập đoàn.

Dựa trên tỷ lệ thực tế không thu được nợ, ngoài trường hợp ngoại lệ nêu trên, Tập đoàn và Công ty tin rằng không cần thiết phải lập dự phòng nợ khó đòi cho các khoản phải thu còn số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 và ngày 1 tháng 1 năm 2015.

**(c) Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro trong đó Tập đoàn và Công ty không thể thanh toán cho các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn. Phương thức quản lý thanh khoản của Tập đoàn và Công ty là đảm bảo ở mức cao nhất rằng Tập đoàn và Công ty luôn có đủ khả năng thanh khoản để thanh toán các khoản phải trả khi đến hạn, trong điều kiện bình thường cũng như trong điều kiện căng thẳng về mặt tài chính, mà không làm phát sinh các mức tổn thất không thể chấp nhận được hoặc có nguy cơ gây tổn hại đến danh tiếng của Tập đoàn và Công ty.



**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015**  
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN  
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Tại ngày báo cáo, các khoản nợ tài chính có khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định được bao gồm cả khoản thanh toán tiền lãi ước tính có thời gian đáo hạn theo hợp đồng như sau:

**Tập đoàn:**

<b>31/12/2015</b>	<b>Giá trị ghi sổ</b>	<b>Dòng tiền</b>	<b>Trong vòng</b>	<b>1 – 2 năm</b>	<b>2 – 5 năm</b>
	<b>Nghìn VNĐ</b>	<b>theo hợp đồng</b>	<b>1 năm</b>	<b>Nghìn VNĐ</b>	<b>Nghìn VNĐ</b>
		<b>Nghìn VNĐ</b>	<b>Nghìn VNĐ</b>	<b>Nghìn VNĐ</b>	<b>Nghìn VNĐ</b>
Phải trả người bán và phải trả khác	607.699.275	607.699.275	607.699.275	-	-
Chi phí phải trả	503.025.519	503.025.519	503.025.519	-	-
Vay ngắn hạn	2.418.506.153	2.484.419.137	2.484.419.137	-	-
Phải trả dài hạn khác	1.581.573.288	1.581.573.288	-	1.581.573.288	-
Vay và nợ dài hạn	8.285.129.729	11.612.582.731	553.736.104	882.952.361	10.175.894.266
	<b>13.395.933.964</b>	<b>16.789.299.950</b>	<b>4.148.880.035</b>	<b>2.464.525.649</b>	<b>10.175.894.266</b>
<b>1/1/2015</b>					
	<b>Giá trị ghi sổ</b>	<b>Dòng tiền</b>	<b>Trong vòng</b>	<b>1 – 2 năm</b>	<b>2 – 5 năm</b>
	<b>Nghìn VNĐ</b>	<b>theo hợp đồng</b>	<b>1 năm</b>	<b>Nghìn VNĐ</b>	<b>Nghìn VNĐ</b>
		<b>Nghìn VNĐ</b>	<b>Nghìn VNĐ</b>	<b>Nghìn VNĐ</b>	<b>Nghìn VNĐ</b>
Phải trả người bán và phải trả khác	511.080.317	511.080.317	511.080.317	-	-
Chi phí phải trả	584.583.698	584.583.698	584.583.698	-	-
Vay ngắn hạn	1.305.713.481	1.364.600.624	1.364.600.624	-	-
Phải trả dài hạn khác	2.251.402.102	2.251.402.102	-	2.186.703.757	64.698.345
Vay và nợ dài hạn	7.388.637.051	10.843.345.006	562.112.409	1.053.731.741	9.227.500.856
	<b>12.041.416.649</b>	<b>15.555.011.747</b>	<b>3.022.377.048</b>	<b>3.240.435.498</b>	<b>9.292.199.201</b>

**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015**  
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN  
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**Công ty:**

<b>31/12/2015</b>	<b>Giá trị ghi sổ</b>	<b>Dòng tiền</b>	<b>Trong vòng</b>	<b>1 – 2 năm</b>
	<b>Nghìn VNĐ</b>	<b>theo hợp đồng</b>	<b>1 năm</b>	<b>Nghìn VNĐ</b>
		<b>Nghìn VNĐ</b>	<b>Nghìn VNĐ</b>	<b>Nghìn VNĐ</b>
Phải trả người bán và phải trả khác	65.056.463	65.056.463	65.056.463	-
Chi phí phải trả	778.096	778.096	778.096	-
Phải trả dài hạn khác	652.323.623	652.323.623	-	652.323.623
	<b>718.158.182</b>	<b>718.158.182</b>	<b>65.834.559</b>	<b>652.323.623</b>

<b>1/1/2015</b>	<b>Giá trị ghi sổ</b>	<b>Dòng tiền</b>	<b>Trong vòng</b>	<b>1 – 2 năm</b>	<b>2 – 5 năm</b>
	<b>Nghìn VNĐ</b>	<b>theo hợp đồng</b>	<b>1 năm</b>	<b>Nghìn VNĐ</b>	<b>Nghìn VNĐ</b>
		<b>Nghìn VNĐ</b>	<b>Nghìn VNĐ</b>	<b>Nghìn VNĐ</b>	<b>Nghìn VNĐ</b>
Phải trả người bán và phải trả khác	127.559.309	127.559.309	127.559.309	-	-
Chi phí phải trả	504.530	504.530	504.530	-	-
Vay ngắn hạn	231.000.000	252.922.850	252.922.850	-	-
Phải trả dài hạn khác	1.053.474.188	1.053.474.193	-	1.008.742.672	44.731.521
Vay và nợ dài hạn	327.832.798	491.462.977	25.756.639	273.430.338	192.276.000
	<b>1.740.370.825</b>	<b>1.925.923.859</b>	<b>406.743.328</b>	<b>1.282.173.010</b>	<b>237.007.521</b>

**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015**  
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN  
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**(d) Rủi ro thị trường**

Rủi ro thị trường là rủi ro mà những biến động về giá thị trường, như tỷ giá hối đoái và lãi suất, sẽ ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh của Tập đoàn và Công ty hoặc giá trị của các công cụ tài chính mà Tập đoàn và Công ty nắm giữ. Mục đích của việc quản lý rủi ro thị trường là quản lý và kiểm soát các rủi ro thị trường trong giới hạn có thể chấp nhận được, trong khi vẫn tối đa hóa lợi nhuận thu được.

**(i) Rủi ro tỷ giá hối đoái**

Tập đoàn có rủi ro tỷ giá hối đoái từ các giao dịch mua, bán và đi vay bằng đơn vị tiền tệ không phải là VNĐ, đơn vị tiền tệ kế toán của Tập đoàn. Đơn vị tiền tệ của các giao dịch này chủ yếu là Đô la Mỹ (“USD”), Đô la Úc (“AUD”), Euro (“EUR”), Đô la Singapore (“SGD”), Nhân dân tệ (“CNY”), Bạc Thái Lan (“THB”) và Bảng Anh (“GBP”).

Rủi ro tỷ giá hối đoái của Tập đoàn được quản lý bằng cách giữ mức rủi ro ở mức có thể chấp nhận được thông qua việc sử dụng các hợp đồng hoán đổi ngoại tệ và mua hoặc bán ngoại tệ ở tỷ giá giao ngay khi cần thiết để xử lý việc mức rủi ro tỷ giá hối đoái ngắn hạn vượt mức cho phép.

**Ảnh hưởng của rủi ro tỷ giá hối đoái**

Công ty không có tài sản hay khoản nợ gốc tiền tệ nào có gốc ngoại tệ; do đó không chịu ảnh hưởng của rủi ro tỷ giá hối đoái.

Tập đoàn có các khoản nợ phải trả tiền tệ thuần chịu ảnh hưởng của rủi ro tỷ giá hối đoái như sau:

31/12/2015	Tập đoàn						
	USD	AUD	EUR	THB	SGD	CNY	GBP
Tiền và các khoản tương đương tiền	5.630.416	-	-	-	-	-	-
Phải thu khách hàng	8.216.264	-	-	-	399.418	-	-
Phải trả người bán	(3.941.755)	(4.275.560)	(1.671.584)	(11.289.906)	(501.485)	(1.955.251)	(8.765)
Vay ngắn hạn	(25.114.736)	-	-	-	-	-	-
Nợ phải trả tiền tệ khác	(1.136.237)	-	-	-	-	-	-
	(16.346.048)	(4.275.560)	(1.671.584)	(11.289.906)	(102.067)	(1.955.251)	(8.765)

**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015**  
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN  
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

1/1/2015	Tập đoàn					
	USD	AUD	EUR	THB	SGD	CNY
Tiền và các khoản tương đương tiền	3.271.781	-	-	-	-	-
Phải thu khách hàng	17.328.556	-	-	-	75.831	-
Phải trả người bán	(1.391.498)	(1.301.324)	(6.547)	(3.429.499)	(138.555)	(1.955.251)
Vay ngắn hạn	(50.283.698)	-	-	-	-	-
Nợ phải trả tiền tệ khác	(53.628)	-	-	-	-	-
	(31.128.487)	(1.301.324)	(6.547)	(3.429.499)	(62.724)	(1.955.251)

Sau đây là những tỷ giá ngoại tệ chính được Tập đoàn áp dụng:

	Tỷ giá tại ngày		
	31/12/2015		1/1/2015
	Tỷ giá mua	Tỷ giá bán	
USD/VNĐ	22.400	22.530	21.373
AUD/VNĐ	15.994	16.765	17.252
EUR/VNĐ	24.161	24.979	25.622
THB/VNĐ	607	639	631
SGD/VNĐ	15.740	16.032	15.910
CNY/VNĐ	3.404	3.521	3.395
GBP/VNĐ	33.042	33.552	-

**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015**  
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN  
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Dưới đây là bảng phân tích các tác động có thể xảy ra đối với lợi nhuận thuần của Tập đoàn sau khi xem xét mức hiện tại của tỷ giá hối đoái và sự biến động trong quá khứ cũng như kỳ vọng của thị trường tại ngày báo cáo. Phân tích này dựa trên giả định là tất cả các biến số khác sẽ không thay đổi, đặc biệt là lãi suất, và bỏ qua ảnh hưởng của các dự báo bán hàng và mua sắm:

31/12/2015	Tập đoàn	
	Ảnh hưởng đối với lợi nhuận thuần	
	Nghìn VNĐ	
USD (mạnh thêm 5% so với VNĐ)	(14.362.782)	
AUD (yếu đi 3% so với VNĐ)	1.677.306	
EUR (yếu đi 3% so với VNĐ)	977.055	
THB (mạnh thêm 1% so với VNĐ)	(56.271)	
SGD (mạnh thêm 1% so với VNĐ)	(12.763)	
CNY (mạnh thêm 4% so với VNĐ)	(214.794)	
GBP (mạnh thêm 1% so với VNĐ)	(2.294)	
1/1/2015	Tập đoàn	
	Ảnh hưởng đối với lợi nhuận thuần	
	Nghìn VNĐ	
USD (mạnh thêm 1% so với VNĐ)	(5.189.411)	
AUD (yếu đi 5% so với VNĐ)	875.568	
EUR (yếu đi 5% so với VNĐ)	6.542	
THB (yếu đi 1% so với VNĐ)	16.879	
SGD (yếu đi 2% so với VNĐ)	15.568	
CNY (yếu đi 2% so với VNĐ)	103.554	

Biến động ngược lại của tỷ giá các đồng tiền có thể có cùng mức độ tác động nhưng ngược chiều đối với lợi nhuận thuần của Tập đoàn.

**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015**  
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN  
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**(ii) Rủi ro lãi suất**

Tại ngày báo cáo, các công cụ tài chính chịu lãi của Tập đoàn và Công ty như sau:

	Tập đoàn		Công ty	
	31/12/2015	1/1/2015	31/12/2015	1/1/2015
	Nghìn VNĐ	Nghìn VNĐ	Nghìn VNĐ	Nghìn VNĐ
<b>Các công cụ tài chính có lãi suất cố định</b>				
Các khoản tương đương tiền	1.630.000	55.000.000	-	54.000.000
Các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn	2.100.000	-	-	-
Phải thu dài hạn khác	1.758.500	-	36.711.320	48.796.370
Phải trả ngắn hạn khác	(52.213.577)	(55.510.177)	(52.213.577)	(55.510.177)
Vay ngắn hạn	(2.418.506.153)	(1.305.713.481)	-	(231.000.000)
Phải trả dài hạn khác	(26.249.448)	(116.911.926)	(26.249.448)	(96.945.097)
Vay dài hạn	(39.452.364)	(588.637.051)	-	(327.832.798)
	(2.530.933.042)	(2.011.772.635)	(41.751.705)	(608.491.702)
<b>Các công cụ tài chính chịu lãi suất thả nổi</b>				
Tiền gửi ngân hàng	370.263.678	81.237.472	497.795	478.808
Phải thu khác	20.567.877	-	-	-
Vay dài hạn	(8.480.000.000)	(6.800.000.000)	-	-
	(8.089.168.445)	(6.718.762.528)	497.795	478.808

Mỗi thay đổi 100 điểm cơ bản sẽ làm tăng hoặc giảm 63.096 triệu VNĐ lợi nhuận thuần của Tập đoàn (1/1/2015: 52.406 triệu VNĐ) và 4 triệu VNĐ lỗ thuần của Công ty (1/1/2015: 4 triệu VNĐ). Phân tích này dựa trên giả định là tất cả các biến số khác, cụ thể là tỷ giá hối đoái, sẽ không thay đổi.

**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015**  
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HH  
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**(e) Giá trị hợp lý**

**(i) So sánh giá trị hợp lý và giá trị ghi sổ**

Giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính, cùng với các giá trị ghi sổ được trình bày tại bảng cân đối kế toán, như sau:

**Tập đoàn:**

	31/12/2015		1/1/2015	
	Giá trị ghi sổ Nghìn VNĐ	Giá trị hợp lý Nghìn VNĐ	Giá trị ghi sổ Nghìn VNĐ	Giá trị hợp lý Nghìn VNĐ
<b>Được phân loại là các khoản cho vay và phải thu:</b>				
- Tiền và các khoản tương đương tiền	372.014.377	(*)	136.442.647	(*)
- Các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn	2.100.000	(*)	-	(*)
- Phải thu khách hàng và phải thu khác	682.097.134	(*)	859.583.380	(*)
<b>Được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ:</b>				
- Phải trả người bán và phải trả khác	(607.699.275)	(*)	(511.080.317)	(*)
- Chi phí phải trả	(503.025.519)	(*)	(584.583.698)	(*)
- Vay ngắn hạn	(2.418.506.153)	(*)	(1.305.713.481)	(*)
- Phải trả dài hạn khác	(1.581.573.288)	(*)	(2.251.402.102)	(*)
- Vay và nợ dài hạn	(8.285.129.729)	(*)	(7.388.637.051)	(*)
	(12.339.722.453)	(*)	(11.045.390.622)	(*)

**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015**  
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HH  
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**Công ty:**

	31/12/2015		1/1/2015	
	Giá trị ghi sổ Nghìn VNĐ	Giá trị hợp lý Nghìn VNĐ	Giá trị ghi sổ Nghìn VNĐ	Giá trị hợp lý Nghìn VNĐ
<b>Được phân loại là các khoản cho vay và phải thu:</b>				
- Tiền và các khoản tương đương tiền	497.795	(*)	54.478.808	(*)
- Phải thu khác	4.938.813.511	(*)	5.946.928.261	(*)
<b>Được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ:</b>				
- Phải trả người bán và phải trả khác	(65.056.463)	(*)	(127.559.309)	(*)
- Chi phí phải trả	(778.096)	(*)	(504.530)	(*)
- Vay ngắn hạn	-	(*)	(231.000.000)	(*)
- Phải trả dài hạn khác	(652.323.623)	(*)	(1.053.474.188)	(*)
- Vay và nợ dài hạn	-	(*)	(327.832.798)	(*)
	4.221.153.124	(*)	4.261.036.244	(*)

**(ii) Cơ sở xác định giá trị hợp lý**

(\*) Tập đoàn và Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này để thuyết minh trong báo cáo tài chính bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các công cụ tài chính này và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ.

**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015**  
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN  
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

### 31. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Ngoài các số dư và giao dịch với bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính, trong năm Tập đoàn và Công ty có các giao dịch sau với các bên liên quan:

**Tập đoàn:**

Bên liên quan	Bản chất của giao dịch	2015	2014
		Nghìn VNĐ	Nghìn VNĐ
<b>Công ty mẹ cấp cao nhất</b>			
<b>Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan</b>	Chuyển lãi vay phải trả thành khoản vay	78.156.014	86.337.242
	Nợ đã đối trừ với NPM	490.000.000	-
	Chi phí lãi vay và chi phí đi vay	64.236.148	265.189.123
	Chi phí lãi vay và chi phí đi vay đã trả	384.946.188	-
	Khoản vay nhận được	-	210.000.000
	Khoản vay đã trả	611.053.812	-
<b>Công ty liên kết của công ty mẹ cấp cao nhất</b>			
Ngân hàng trong nước	Chi phí lãi vay và chi phí đi vay	129.582.179	20.042.149
	Khoản vay nhận được	2.442.424.470	1.035.382.342
	Khoản vay đã trả	1.375.111.828	-
<b>Cán bộ quản lý chủ chốt</b>			
	Lương, thưởng và các phúc lợi khác	15.883.505	15.456.146

**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015**  
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN  
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**Công ty:**

Bên liên quan	Bản chất của giao dịch	2015	2014
		Nghìn VNĐ	Nghìn VNĐ
<b>Công ty mẹ cấp cao nhất</b>			
Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan	Chuyển lãi vay phải trả thành khoản vay	52.221.014	86.337.242
	Chi phí lãi vay và chi phí đi vay	52.914.399	141.526.121
	Chi phí lãi vay và chi phí đi vay đã trả	384.946.188	-
	Khoản vay đã trả	611.053.812	-
<b>Các công ty liên quan khác</b>			
Công ty TNHH MTV Tài nguyên Thái Nguyên Ma San	Thu nhập tài chính từ việc cấp khoản vay cho một công ty con	17.914.950	23.170.997
	Khoản vay cấp cho một công ty con	-	23.408.000
	Thu hồi các khoản cho vay	996.000.000	-
	Doanh thu tài chính nhận được	30.000.000	-
Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo	Thu nhập tài chính từ việc cấp khoản vay cho một công ty con	-	72.994.670
	Các khoản tạm ứng đã trả	27.000.000	-
<b>Cán bộ quản lý chủ chốt</b>			
	Cổ phiếu phát hành theo chương trình ESOP	-	61.472.500

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015  
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN  
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

### 32. Các giao dịch đầu tư và tài chính phi tiền tệ

	Tập đoàn		Công ty	
	2015	2014	2015	2014
	Nghìn VNĐ	Nghìn VNĐ	Nghìn VNĐ	Nghìn VNĐ
Chi phí lãi vay nhập gốc của khoản vay	95.997.456	86.337.242	52.221.014	86.337.242
Chi phí khấu hao và phân bổ được vốn hóa vào xây dựng cơ bản dở dang	3.876.382	4.979.597	-	-
Tăng tài sản cố định do tăng dự phòng	-	607.857.520	-	-

### 33. Số liệu so sánh

Như đã trình bày trong Thuyết minh 3, kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2015, Tập đoàn và Công ty áp dụng Thông tư 200 và Thông tư 202. Do việc thay đổi chính sách kế toán này, việc trình bày một số khoản mục báo cáo tài chính có thay đổi. Một số số liệu so sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2015 đã được phân loại lại để phù hợp với quy định trong Thông tư 200 và Thông tư 202 về trình bày báo cáo tài chính. Bảng so sánh số liệu đã trình bày trong năm trước, trước và sau khi được phân loại lại như sau:

(a) Bảng cân đối kế toán hợp nhất và riêng

	Tập đoàn		Công ty	
	1/1/2015 (đã phân loại lại)	1/1/2015 (theo báo cáo trước đây)	1/1/2015 (đã phân loại lại)	1/1/2015 (theo báo cáo trước đây)
	Nghìn VNĐ	Nghìn VNĐ	Nghìn VNĐ	Nghìn VNĐ
Tài sản ngắn hạn khác	-	13.278.989	-	-
Phải thu ngắn hạn khác	280.333.512	267.054.523	-	-
Tài sản dài hạn khác	-	38.261.125	-	-
Phải thu dài hạn khác	1.421.346.690	1.383.085.565	-	-
Vốn khác	(295.683.347)	-	-	-
Quỹ khác	-	(295.683.347)	-	-
	1.405.996.855	1.405.996.855	-	-

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015  
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN  
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(b) Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và riêng

	Tập đoàn		Công ty	
	2014 (đã phân loại lại)	2014 (theo báo cáo trước đây)	2014 (đã phân loại lại)	2014 (theo báo cáo trước đây)
	Nghìn VNĐ	Nghìn VNĐ	Nghìn VNĐ	Nghìn VNĐ
Doanh thu	2.853.656.655	2.946.229.025	-	-
Các khoản giảm trừ doanh thu	(27.924.847)	(120.497.217)	-	-
Trong đó:				
Thuế xuất khẩu	-	(92.572.370)	-	-
Các khoản giảm trừ doanh thu khác	(27.924.847)	(27.924.847)	-	-
	2.825.731.808	2.825.731.808	-	-

Ngày 7 tháng 3 năm 2016

Người lập:

Nguyễn Thị Hải Yến  
Kế toán trưởng

Người kiểm tra:

Wayne Apted  
Giám đốc Tài chính

Người duyệt:

Tiền sỹ Nguyễn Đăng Quang  
Chủ tịch Hội đồng Quản trị



## KHUYẾN CÁO ĐỐI VỚI CÁC NHẬN ĐỊNH VỀ TƯƠNG LAI

Báo cáo này chứa đựng những thông tin có thể bao hàm những “nhận định về tương lai”. Nói chung, các từ ngữ “tin tưởng”, “kỳ vọng”, “dự định”, “nhắm đến”, “ước tính”, “dự kiến”, “dự phóng”, “sẽ” và những từ ngữ tương tự xác định các nhận định về tương lai, mà nhìn chung không phải là các sự kiện đã xảy ra thực tế. Tuy nhiên, việc một nhận định không có các từ ngữ này hoặc các từ ngữ tương tự không có nghĩa là nhận định đó không phải là nhận định về tương lai. Toàn bộ các nhận định về kết quả hoạt động, các sự kiện hoặc sự phát triển mà chúng tôi kỳ vọng hoặc dự kiến sẽ xảy ra trong tương lai – bao gồm các nhận định về mức độ tăng trưởng, thị phần bán hàng và lợi nhuận trên mức độ tăng trưởng thị phần, và các nhận định về quan điểm chung đối với kết quả hoạt động trong tương lai – là những nhận định về tương lai.

Ban điều hành tin rằng những nhận định về tương lai là hợp lý tại thời điểm được đưa ra. Tuy nhiên các nhà đầu tư cần lưu ý không phụ thuộc quá nhiều vào bất kỳ nhận định về tương lai nào trong báo cáo này bởi vì các nhận định về tương lai này được đề cập vào ngày lập báo cáo. Công ty Cổ phần Tài nguyên Ma San không có bất kỳ nghĩa vụ nào phải cập nhật hoặc sửa đổi công khai đối với bất kỳ nhận định nào, cho dù có xuất hiện những thông tin mới, những sự kiện tương lai hoặc bất kỳ diễn biến nào khác, ngoại trừ trường hợp theo yêu cầu của pháp luật. Ngoài ra, những nhận định về tương lai còn tùy thuộc vào nhiều rủi ro và những bất trắc có thể khiến kết quả được kiểm toán hoàn toàn khác biệt so với những kết quả trước đây của Công ty và những kỳ vọng hoặc mong đợi hiện tại của chúng tôi. Những rủi ro này bao gồm các rủi ro về định giá sản phẩm và giá bán của Công ty đối với Vonfram, Đồng, Florit và Bismuth được xác định bởi, hoặc có liên quan đến giá cả trên thị trường thế giới, mà đã từng xảy ra biến động lớn. Sự biến động về giá sản phẩm có thể xảy ra do các thay đổi về giá từ các yếu tố kinh tế và địa chính trị toàn cầu, nhu cầu của ngành công nghiệp, nguồn cung tăng do sự phát triển của các nguồn tài nguyên hữu ích mới, thay đổi công nghệ, sản phẩm thay thế và các khoản thuế của nhà nước. Sự biến động về tốc độ tăng trưởng kinh tế toàn cầu tiềm ẩn tác động bất lợi đến nhu cầu và giá cả hàng hóa trong tương lai. Điều này cũng tiềm ẩn tác động tiêu cực đến lợi nhuận và dòng tiền trong tương lai. Những rủi ro và bất trắc này bao gồm, nhưng không giới hạn bởi, những nội dung được đề cập tại các phần khác của báo cáo này và những nội dung được đề cập tại từng thời điểm trong các báo cáo tương lai của chúng tôi được nộp cho Sở Giao Dịch Chứng Khoán Hà Nội.

Báo cáo này không được phát hành tại Hoa Kỳ. Báo cáo này và các thông tin chứa đựng trong báo cáo này không phải là một bản chào bán chứng khoán tại Hoa Kỳ. Chứng khoán có thể không được phép chào bán tại Hoa Kỳ nếu không đăng ký theo Luật Chứng khoán năm 1933 của Hoa Kỳ, như được sửa đổi, hoặc không được miễn đăng ký. Bất kỳ việc chào bán công khai nào đối với chứng khoán tại Hoa Kỳ sẽ phải được thực hiện bằng bản cáo bạch mà có thể được cung cấp bởi tổ chức phát hành chứng khoán hoặc người nắm giữ các chứng khoán được chào bán và sẽ có các thông tin chi tiết về công ty và ban điều hành công ty cũng như báo cáo tài chính.

## CÁC TỪ VIẾT TẮT/ ĐỊNH NGHĨA

APT	Muối kết tinh Amoni Vonframmat
AUD	Đơn vị tiền tệ của Úc
BAH	Người bị ảnh hưởng bởi Dự án
BSF	Tuyển nổi sunfua
BTO	Oxit Vonfram xanh
CNY	Đơn vị tiền tệ của nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa
Cổ phiếu	Cổ phiếu được phát hành và đang lưu hành của Công ty tại từng thời điểm
Công ty	Công ty Cổ phần Tài nguyên Ma San và các công ty con
CSR	Trách nhiệm xã hội
Dự án Núi Pháo	Dự án Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo được thành lập theo Giấy phép đầu tư số 17121000026 do UBND Tỉnh Thái Nguyên cấp ngày 21/07/2010 (điều chỉnh bổ sung theo từng thời điểm)
EBITDA	Lợi nhuận trước thuế, lãi vay và khấu hao
EIA	Đánh giá tác động môi trường
EPS	Lợi nhuận (thu nhập) trên mỗi cổ phiếu
EUR	Đơn vị tiền tệ của Liên Minh Châu Âu
GBP	Đơn vị tiền tệ của Liên hiệp Vương Quốc Anh
GDP	Tổng sản phẩm quốc nội
GHG	Khí thải gây hiệu ứng nhà kính
Hội đồng Quản trị hoặc HĐQT	Hội đồng Quản trị của Công ty
H.C. Starck	Công ty H.C.Starck
ICMM	Hội đồng Khoáng sản và Kim loại Quốc tế
IFC	Tổ chức Tài chính Quốc tế
IMF	Quỹ Tiền tệ quốc tế
IT	Công nghệ thông tin
ITIA	Hiệp hội Công nghiệp Vonfram Quốc tế
Liên doanh	Công ty Liên doanh giữa Công ty Núi Pháo và H.C.Starck
Luật Doanh nghiệp	Luật Doanh Nghiệp số 68/2014/QH13 Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam ban hành ngày 26/11/2014



Luật Chứng khoán	Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 Quốc hội ban hành ngày 26/06/2006, Luật điều chỉnh bổ sung số 62/2010/QH12 ngày 24/11/2010.
lb	Đơn vị đo trọng lượng của Vương quốc Anh
MRTN	Công ty TNHH Một Thành Viên Tài Nguyên Ma San Thái Nguyên
MSN	Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan
mtu	Tấn
Núi Pháo – H.C. Starck	Công ty TNHH Tinh Luyện Vonfram Núi Pháo – H.C. Starck
Công ty Núi Pháo	Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo
“Người liên quan”	“Người liên quan” theo định nghĩa trong Luật chứng khoán
PCDP	Tham vấn cộng đồng và công bố thông tin
SCM	Quản lý chuỗi cung ứng
SGD	Đơn vị tiền tệ của nước Cộng hòa Singapore
THB	Đơn vị tiền của Vương quốc Thái Lan
TNTI	Công ty TNHH Một Thành Viên Thương mại và Đầu tư Thái Nguyên
TRIF	Tỷ lệ tổng tài sản được ghi nhận
UBND	Ủy ban Nhân dân
UPCOM	Thị trường giao dịch cổ phiếu của Công ty đại chúng chưa niêm yết
USD or US\$ or \$	Đơn vị tiền tệ của Hợp chúng quốc Hoa Kỳ
VAS	Tiêu chuẩn Kế toán Việt Nam
VCCI	Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam
VietGAP	Chứng chỉ về Thực hành sản xuất nông nghiệp tốt ở Việt Nam do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành năm 2008
VNĐ	Đơn vị tiền tệ của Nước CHXHCN Việt Nam
YTO	Oxit Vonfram Vàng

**M A S A N**  
R E S O U R C E S



## **CÔNG TY CỔ PHẦN TÀI NGUYÊN MA SAN**

Phòng 802, Tầng 8, Tòa nhà Central Plaza,  
17 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1,  
Thành Phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Điện thoại : +84 8 6256 3862

Fax : +84 8 3827 4115

*Văn phòng đại diện*

Tầng 15, tòa tháp Quốc tế Hòa Bình,  
106 Hoàng Quốc Việt, Quận Cầu Giấy, Hà Nội,  
Việt Nam

Điện thoại : +84 4 3718 2490

Fax : +84 4 3718 2491